**ĐẠI HỌC HUẾ**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

# BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI CẤP TRƯỜNG

***Tên đề tài:***

## XÂY DỰNG BỘ TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH VÀ ÁP DỤNG GIẢNG DẠY THỬ NGHIỆM HỌC PHẦN LUẬT MÔI TRƯỜNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

**Mã số: ĐHL-CB-07**

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: THS. PHAN VĨNH TUẤN ANH**

*Thừa Thiên Huế, tháng 11 năm 2019*

**ĐẠI HỌC HUẾ**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

# BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI CẤP TRƯỜNG

***Tên đề tài:***

## XÂY DỰNG BỘ TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH VÀ ÁP DỤNG GIẢNG DẠY THỬ NGHIỆM HỌC PHẦN LUẬT MÔI TRƯỜNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

**Mã số: ĐHL-CB-07**

**Xác nhận của cơ quan chủ trì đề tài** **Chủ nhiệm đề tài:**

**ThS. PHAN VĨNH TUẤN ANH**

*Thừa Thiên Huế, tháng 11 năm 2019*

# DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI

1. **Phan Anh Thư,** Trường Đại học Luật – Đại học Huế, thành viên.
2. **Lê Thị Thùy Nhi,** Trường Đại học Luật – Đại học Huế, thành viên.
3. **Hồ Xuân Quang**, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế, thành viên

# MỤC LỤC

**MỞ ĐẦU ..... 1**
1.Tính cấp thiết của đề tài ..... 1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ..... 4
3. Mục tiêu đề tài ..... 8
3.1. Mục tiêu chung ..... 8
3.2. Mục tiêu cụ thể ..... 10
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu ..... 12
4.1. Đối tượng nghiên cứu ..... 12
4.2. Phạm vi nghiên cứu ..... 12
5. Phương pháp nghiên cứu ..... 13
**Chương 1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG VỀ NGHIÊN CỨU BỘ TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH HỌC PHẦN LUẬT MÔI TRƯỜNG ..... 14**
1.1. Mục đích học phần Luật Môi trường và yêu cầu đối với việc nghiên cứu Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường ..... 14
1.1.1. Mục đích học phần Luật Môi trường ..... 15
1.1.2. Yêu cầu đối với việc nghiên cứu Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường ..... 17
1.2. Các kỹ năng vận dụng trong giải quyết tình huống ..... 20
1.2.1. Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết ..... 20
1.2.2. Kỹ năng lập luận ..... 21
1.2.3. Kỹ năng đặt câu hỏi ..... 23
1.2.4. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án ..... 24
1.2.5. Kỹ năng soạn thảo văn bản ..... 26
1.3. Hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến học phần ..... 27
1.4. Phương pháp tiếp cận và cách thức sử dụng Bộ tình huống điển hình trong giảng dạy ..... 31
1.4.1. Phương pháp tiếp cận Bộ tình huống điển hình ..... 31
1.4.2. Cách thức sử dụng Bộ tình huống điển hình trong giảng dạy ..... 33

**Chương 2. TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH HỌC PHẦN LUẬT MÔI TRƯỜNG... 43**
2.1. Nhóm tình huống điển hình trong kiểm soát ô nhiễm môi trường ..... 43
2.1.1. Cơ sở lý luận về kiểm soát ô nhiễm môi trường ..... 43
2.1.2. Tình huống điển hình ..... 47
2.2. Nhóm tình huống điển hình trong đánh giá môi trường ..... 51
2.2.1. Cơ sở lý luận về đánh giá môi trường ..... 51
2.2.2. Tình huống điển hình ..... 53
2.3. Nhóm tình huống điển hình trong bảo tồn đa dạng sinh học ..... 61
2.3.1. Cơ sở lý luận về bảo tồn đa dạng sinh học ..... 61
2.3.2. Tình huống điển hình ..... 65
2.4. Nhóm tình huống điển hình trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ..... 70
2.4.1. Cơ sở lý luận về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ..... 70
2.4.2. Tình huống điển hình ..... 88
2.5. Nhóm tình huống điển hình trong xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp môi trường ..... 95
2.5.1. Cơ sở lý luận về xử lý vi phạm pháp luật về môi trường và giải quyết tranh chấp do ô nhiễm môi trường gây ra ..... 95
2.5.2. Tình huống điển hình ..... 101
**KẾT LUẬN ..... 107**
**DANH MỤC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC ĐƯỢC SỬ DỤNG ..... 109**
**TÀI LIỆU THAM KHẢO ..... 109**

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế bên cạnh việc mang lại những cơ hội lớn cho Việt Nam đối với quá trình phát triển, tăng trưởng và đạt được mục tiêu kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình khẳng định vị thế quốc gia trên trường quốc tế, gia nhập "sân chơi" này buộc chúng ta phải "thích ứng" tốt với các cơ chế, thách thức mà nó mang lại, trong đó có cả vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cung ứng cho xã hội, chủ yếu là sinh viên đào tạo hệ chính quy tại các Trường Đại học, Cao đẳng trên phạm vi cả nước. Rõ ràng, phương thức đào tạo cho người học buộc phải thay đổi nhằm bắt kịp với xu hướng, đòi hỏi của xã hội hiện đại.

Từ lâu đời, hệ thống giáo dục tại một số quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam xem thuyết giảng là phương thức chính yếu trong việc truyền đạt kiến thức đến người học. Xuất phát từ lợi thế vốn có của phương thức này chính là cũng một thời gian, một lượng kiến thức lớn có thể được truyền dạy đến người học thông qua hoạt động tiếp nhận kiến thức từ đối tượng này. Tuy vậy, điểm yếu cố hữu của thuyết giảng chính là yếu tố "thụ động". Cơ chế này được nhìn nhận rõ, ở phương pháp thuyết giảng, hầu như chỉ là sự truyền đạt kiến thức, nền tảng lý luận "một chiều" từ phía giảng viên, trong khi người học – vốn dĩ là trung tâm của hoạt động giảng dạy chỉ đơn thuần thực hiện hoạt động tiếp nhận theo hướng "thụ động" và "đồng ý" với tất cả các nội dung được truyền dạy thay vì phát sinh hoạt động "trao đổi" ý kiến, làm rõ vấn đề. Kết quả là người học chú tâm ghi chép tất cả các kiến thức được trao đổi, dựa trên những khuôn mẫu sẵn có thay vì tự sáng tạo ra để sử dụng, giải quyết vấn đề. Trong những tình huống nảy sinh mang tính khác biệt với những kiến thức được truyền dạy, mọi kỹ năng giải quyết tình huống của sinh viên dường như trở về con số "0" khi yếu tố linh hoạt, sáng tạo, chủ động trong suy nghĩ đều bị triệt tiêu bởi phương thức bị động này. Trong xã hội hiện đại, nhu cầu xã hội đã không còn

quá đề cao tầm quan trọng về khối lượng kiến thức lý luận nền tảng mà người học thu nhận được mà chuyển sự quan tâm hàng đầu cho kinh nghiệm thực tiễn, đòi hỏi về kỹ năng thực hành của người học, phương pháp thuyết giảng với hạn chế của nó buộc phải được nhìn nhận rõ và thay thế bởi một phương pháp khác phù hợp hơn.

Vị thế, tính ảnh hưởng của các cơ sở đào tạo Đại học, Cao đẳng trên thế giới được đánh giá thông qua sự thành công trong đào tạo nguồn nhân lực. Nói cách khác, đào tạo được sinh viên tốt nghiệp có khả năng nhận biết, xử lý, giải quyết các tình huống nảy sinh trên thực tiễn đời sống một cách linh hoạt và hiệu quả là mục tiêu quan trọng trong hoạt động đào tạo của cơ sở giáo dục. Trên thế giới, có rất nhiều cách thức được đề xuất, đưa vào áp dụng giảng dạy thử nghiệm và mang lại hiệu quả cao, phương thức giảng dạy thông qua các tình huống điển hình là một trong số đó. Tiếp cận rõ nét hơn, có thể xem Trường Đại học Harvard chính là nơi đặt nền móng cho sự ra đời của phương pháp giảng dạy thông qua việc sử dụng các tình huống điển hình khi người học được đặt vào vị trí của chủ thể trong tình huống để đưa ra cách thức giải quyết vấn đề một cách hiệu quả nhất. Rất nhanh chóng, phương pháp này cũng đã và đang được áp dụng tại các Trường Đại học, Cao đẳng lớn tại Việt Nam và chứng minh ngày một hiệu quả tính ưu việt của nó tác động đến tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong hoạt động đào tạo như thế nào. Phương pháp đào tạo này đặc biệt phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đang được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam hiện nay. Với cơ chế này, người học là trung tâm của hoạt động tổ chức dạy – học, trong khi đó giảng viên chỉ đóng vai trò là người tạo cảm hứng, đưa ra vấn đề cần giải quyết, còn câu hỏi làm thế nào, bằng cách thức nào để lựa chọn cách thức giải quyết vấn đề cho phù hợp hay giải quyết thế nào cho tối ưu là nhiệm vụ của sinh viên. Nói cách khác, sinh viên sẽ tự quyết định đến hiệu quả của quá trình tiếp nhận kiến thức, tùy thuộc vào tính năng động của bản thân sinh viên. Thông qua các tình huống điển hình được biên soạn, sinh viên không thể giữ lối tư duy "thụ động" mà phải tự đặt mình vào tình huống để tự giải quyết vấn đề

một cách hiệu quả nhất, kết quả là sinh viên không chỉ dễ dàng nhận biết, ghi nhớ các kiến thức được trang bị thông qua tình huống điển hình được tiếp cận mà còn có khả năng linh hoạt, sáng tạo trong cách thức áp dụng các nền tảng lý luận đơn thuần vào thực tiễn thay cho sự cứng nhắc mà phương pháp cũ mang lại.

Pháp luật được sinh ra, phản ánh ý chí của giai cấp thống trị, trở thành công cụ quan trọng trong việc vận hành, tổ chức, quản lý nhà nước và xã hội theo một trật tự, định huống trong khuôn mẫu thống nhất được thừa nhận trở thành quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung đối với tất cả công dân trong xã hội. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế - xã hội, các quan hệ xã hội cũng biến chuyển theo hướng ngày càng phức tạp hơn. Điều này đặt ra yêu cầu cơ bản phải nảy sinh hoạt động thường xuyên thay đổi, cập nhật hệ thống pháp lý để đảm bảo cơ chế vận hành, quản lý xã hội đáp ứng xu hướng thời đại và mang tính hiệu quả. Với cơ chế luôn thường xuyên phải đổi mới mang tính đặc trưng của pháp luật, đặt ra không ít những thách thức đối với người học trong việc nắm bắt, cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở đó vận dụng kiến thức lý luận nền tảng để giải quyết vấn đề phát sinh. Chưa dừng lại, mỗi ngành luật trong hệ thống pháp luật lại hướng đến điều chỉnh một hoặc một số các quan hệ xã hội đặc trưng với các phương pháp vận hành khác nhau. Phương pháp học tập thông qua tình huống điển hình sẽ giúp sinh viên trang bị được kỹ năng làm việc chủ động, sáng tạo để tìm kiếm, lập luận, áp dụng các quy phạm pháp luật vào thực tiễn giải quyết tình huống. Bên cạnh đó, khi tham gia với vai trò là chủ thể trực tiếp trong tình huống, kỹ năng tư duy, lập luận nhạy bén của sinh viên cũng có cơ hội được tiếp cận, rèn giũa một cách tự nhiên và hiệu quả.

Với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế, thông qua đề tài, nhóm tác giả muốn hướng đến thực hiện mục tiêu thúc đẩy tinh thần làm việc, học tập chủ động sáng tạo của người học, sinh viên không dừng lại ở hoạt động nắm bắt, tiếp cận các vấn đề pháp lý đơn thuần mà đòi

hỏi sinh viên phải nắm bắt, hiểu rõ ràng và có khả năng vận dụng kiến thức một cách linh hoạt trên thực tế. Trên cơ sở xác định các kiến thức cần truyền đạt đến sinh viên, giảng viên chủ động xây dựng các tình huống dựa trên "nguyên liệu" từ thực tiễn đời sống hay các tình huống giả định để đưa ra, trao nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất hướng giải quyết vấn đề cho người học. Trên cơ sở các tình huống thực tiễn được cung cấp, người học sẽ tự đặt mình vào trong tình huống pháp lý đặt ra, bằng sự nhận biết về các quyền và lợi ích chính đáng bị xâm hại, người học tự nhận biết, vận dụng linh hoạt dựa trên các quy định của pháp luật để giải quyết vấn đề.

Xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn, nhóm tác giả nhận thấy việc thực hiện đề tài ***Xây dựng bộ tình huống điển hình và giảng dạy thử nghiệm học phần Luật Môi trường tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế*** là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Luật, Đại học Huế, hướng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên ngành Luật và ngành Luật Kinh tế. Tài liệu được biên soạn dưới dạng câu hỏi và trả lời các vấn đề liên quan đến các tình huống tranh chấp thực tế phát sinh trong quá trình bảo vệ và quản lý môi trường sinh thái, là tài liệu mang đến thông tin thiết yếu cho người học, những người nghiên cứu về hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật về môi trường nói riêng.

**2. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Trong quá trình thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu nhận ra hầu như chưa có một công trình nghiên cứu nào có giá trị lý luận và thực tiễn về việc xây dựng bộ tình huống điển hình về pháp luật Môi trường và đưa vào tiến hành giảng dạy thử nghiệm cho sinh viên tại các Trường Đại học, Cao đẳng trên phạm vi toàn quốc. Cho đến nay, đứng dưới góc độ tiếp cận đến các tình huống pháp lý điển hình phát sinh trong lĩnh vực môi trường chỉ có công trình nghiên cứu "*Bình luận khoa học và định hướng giải quyết một số vụ tranh chấp môi trường điển hình"* của tác giả Vũ Thu Hạnh, Lê Hồng Hạnh được thực hiện năm 2012. Công trình được trình bày dưới góc độ tiếp cận một số tình huống xung đột về quyền và lợi ích trong quan hệ về môi

trường. Thông qua công trình nghiên cứu, các tác giả đã tiến hành giải thích rõ nội hàm các vấn đề lý luận chung về môi trường và tranh chấp môi trường; các đặc trưng của tranh chấp môi trường; nguyên tắc trong giải quyết tranh chấp môi trường đến vấn đề bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra. Trên cơ sở này, tác giả nhóm nghiên cứu đưa ra các tình huống điển hình cùng các câu hỏi gợi mở cách thức tiếp cận vấn đề, hướng người học tự chủ động tìm tòi, sáng tạo cho hướng giải quyết vấn đề dựa trên nền tảng pháp lý được trang bị. Công trình có giá trị tham khảo trong việc nghiên cứu, tham khảo nguồn tư liệu về các tình huống điển hình trong học phần Luật Môi trường nói chung.

Công trình nghiên cứu có giá trị cho người học cũng như những nhà nghiên cứu các vấn đề pháp lý nảy sinh trong quan hệ pháp luật môi trường, tuy nhiên lại chỉ mới đề cập đến một khía cạnh nhỏ trong quan hệ pháp luật này, cụ thể chỉ mới tập trung vào hoạt động giải quyết tranh chấp môi trường, góp phần giải quyết tốt đẹp các quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư dựa vào cơ chế bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Với mục tiêu hướng đến là việc đưa đến cho người học một cái nhìn toàn diện về các cơ chế pháp lý nảy sinh trong quan hệ pháp luật môi trường, trên cơ sở đối chiếu với pháp luật thực định để có hướng giải quyết vấn đề hiệu quả, bên cạnh công trình nghiên cứu đã được công bố về giải quyết các vụ tranh chấp điển hình trong lĩnh vực môi trường, nhóm tác giả tìm hiểu, sưu tầm các tình huống phát sinh trên thực tế, bản án, quyết định của Tòa án, trên cơ sở đó đưa ra những bình luận về tính phù hợp, linh hoạt trong cách thức giải quyết với quy định của hệ thống pháp luật thực định. Đây là những tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu, học tập cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về môi trường. Những công trình này nếu áp dụng vào giảng dạy sẽ có những ưu điểm và hạn chế sau:

*- Về ưu điểm:*

*Thứ nhất,* nâng cao tính thực tiễn của môn học. Sau khi đã được cung cấp các kiến thức lý thuyết, thông qua bài tập tình huống, sinh viên sẽ có cái nhìn sâu hơn

và thực tiễn hơn về vấn đề lý thuyết đã được học. Thông qua việc xử lý tình huống, sinh viên sẽ có điều kiện xâu chuỗi, kết nối các kiến thức được trang bị để vận dụng linh hoạt các kiến thức đó vào thực tiễn.

*Thứ hai,* nâng cao tính chủ động, sáng tạo và sự hứng thú của sinh viên trong quá trình học. Khác với việc tiếp thu lý thuyết một cách thụ động, khi được giao các bài tập tình huống, các nhóm phải chủ động tìm kiếm và phân tích các thông tin để đi đến giải pháp cho tình huống. Để đáp ứng được yêu cầu này, sinh viên phải chủ động tư duy, thảo luận - tranh luận trong nhóm hay với giảng viên, tìm hiểu thêm về lý thuyết, tài liệu tham khảo để đạt đến giải pháp.

Chính trong quá trình tư duy, tranh luận, bảo vệ và sửa đổi các đề xuất - giải pháp của mình, sinh viên (hay nhóm sinh viên) đã tham gia vào quá trình nhận thức. Sự tham gia tích cực đó đã góp phần tạo ra sự hứng thú và say mê học tập, sáng tạo của sinh viên. Đây chính là lúc quá trình dạy và học tập trung vào học phương pháp học, phương pháp tiếp cận, phân tích và tìm giải pháp chứ không chỉ giới hạn ở việc học các nội dung cụ thể.

*Thứ ba,* nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày, bảo vệ và phản biện ý kiến trước đám đông. Để giải quyết tình huống, người học được yêu cầu làm việc trong nhóm từ 6-8 thành viên. Cả nhóm cùng phân tích và thảo luận để đi đến giải pháp, sau đó trình bày giải pháp của mình cho cả lớp. Lúc này người học tiếp thu được kinh nghiệm làm việc theo nhóm, chia sẻ kiến thức, thông tin để cùng đạt đến mục tiêu chung. Các kỹ năng như trình bày, bảo vệ và phản biện ý kiến cũng được hình thành trong bối cảnh này. Người học cũng học được cách tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người khác để làm cho vốn kiến thức của mình phong phú hơn.

*Thứ tư,* giảng viên - trong vai trò của người dẫn dắt - cũng sẽ tiếp thu được rất nhiều kinh nghiệm và những cách nhìn/giải pháp mới từ phía người học để làm phong phú bài giảng và điều chỉnh nội dung tình huống nghiên cứu. Đây cũng là một

kênh quan trọng để giảng viên thu thập kinh nghiệm từ người học.

*Thứ năm,* các tình huống tốt có tính chất liên kết lý thuyết rất cao. Để giải quyết tốt một tình huống, người học có thể phải vận dụng và điều chỉnh nhiều tập lý thuyết khác nhau. Đây chính là lúc các lý thuyết rời rạc của một môn học được nối lại thành bức tranh tổng thể. Ở mức độ ứng dụng cao hơn, người học không chỉ vận dụng kiến thức của một môn học mà trong nhiều trường hợp phải vận dụng kiến thức của nhiều môn học khác nhau.

- *Về hạn chế:*

Mặc dù có những ưu điểm nổi trội như trên nhưng trong Bộ tình huống điển hình trong học phần Luật Môi trườngcũng có một số hạn chế nhất định.

*Thứ nhất,* Bộ tình huống không đề cập đến toàn bộ các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái. Do xuất phát từ các vụ án thực tiễn và được sắp xếp theo chủ đề cho nên chỉ giới hạn người học trong một số quy phạm pháp luật nhất định.

*Thứ hai,* Bộ tình huống thể hiện chủ yếu quan điểm của tác giả thông qua việc bình luận án mang đậm tính chất chủ quan, do vậy ở một góc độ nhất định, tính sáng tạo của người học sẽ bị hạn chế, người học sẽ đi theo định hướng, quan điểm của nhóm tác giả khi đưa ra những tình huống điển hình.

Với mục đích đào tạo nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao cho khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước, chương trình đào tạo được áp dụng tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế hiện nay bên cạnh các nền tảng lý luận pháp lý đơn thuần còn tập trung vào việc nâng cao năng lực, khả năng nhìn nhận, nắm bắt và giải quyết vấn đề dựa trên các kiến thức lý luận được trang bị của người học. Bối cảnh toàn cầu hóa, chủ trương thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước bên cạnh việc mang lại những cơ hội lớn cho cơ chế tăng trưởng, thực hiện thành công các mục tiêu kinh tế đã định sẵn, nhìn nhận vấn đề ở một khía cạnh khác, cơ chế này cũng mang lại không ít những thách thức cho con người khi đe dọa đến chính môi trường

sống tự nhiên của chúng ta. Không phải đương nhiên mà môi trường hiện nay đang là vấn đề vượt khỏi phạm vi biên giới của quốc gia, là vấn đề chung của cả nhân loại thay vì là một thực trạng của một quốc gia cụ thể nào. Môi trường trong giai đoạn hiện nay luôn ở trong tình trạng đáng báo động khi các giá trị sinh thái, chức năng, tính hữu ích vốn có của các thành phần môi trường bị giảm sút, kéo theo những ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến sức khỏe, thậm chí là tính mạng của con người. Nhìn nhận mối quan hệ gắn kết hữu cơ đặc biệt giữa con người và các giá trị sinh thái, việc nhìn nhận và thể hiện rõ trách nhiệm đối với môi trường trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết. Thông qua các tình huống điển hình phát sinh trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái, sinh viên sẽ dễ dàng nắm bắt, tiếp cận các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình tiếp cận, khai thác, sử dụng các thành phần môi trường. Qua hoạt động nghiên cứu, bình luận, phân tích các bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, sinh viên có cơ hội rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết khi đang ngồi trên ghế nhà trường trên cơ sở so sánh, đối chiếu, áp dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường vào giải quyết các tình huống thực tiễn. Phương pháp này mang lại cái nhìn tổng quan, rõ rệt nhất cho sinh viên, nâng cao hiệu quả đào tạo.

## 3. Mục tiêu đề tài

### *3.1. Mục tiêu chung*

Các tình huống được đưa ra cho sinh viên tiếp cận trong phạm vi đề tài được lấy chất liệu từ thực tiễn đời sống phát sinh hoặc các tình huống giả định mang tính đặc trưng trong quan hệ pháp luật về môi trường. Các tình huống này được giảng viên cung cấp cho sinh viên, thông qua những định hướng, gợi mở vấn đề từ phía người giảng dạy, chính sinh viên là đối tượng đánh giá tính hợp lý, hợp pháp của các quyết định, bản án của Tòa án, kết hợp với các kiến thức pháp lý được trang bị tự giải quyết các vấn đề. Để thực hiện hoạt động này, sinh viên cần tự đặt mình vào tình huống được đưa ra để hiểu, nắm bắt vấn đề và đưa ra hướng giải quyết phù hợp.

Với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cách thức giải quyết vấn đề trong trường hợp này như thế nào? hay dưới góc độ là những chủ thể bị ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật môi trường ghi nhận và có cơ chế bảo vệ, làm thế nào để tự bảo vệ mình? ... là những vấn đề sinh viên sẽ phải tự giải quyết. Nhiệm vụ "đóng vai" vào chủ thể tình huống kích thích tư duy không chỉ một cá nhân mà thay vào đó, là vai trò của nhóm sinh viên. Cùng một vấn đề được đưa ra, mỗi cá nhân dựa trên những nền tảng pháp lý được trang bị chung có cách nhìn, cách tiếp cận vấn đề khác biệt, dẫn đến sự đa dạng trong việc đưa ra những phương thức giải quyết tình huống. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, sinh viên sẽ tự mình lựa chọn ra phương thức giải quyết mà mình cho là tối ưu nhất, giải quyết tốt nhất 2 yêu cầu quan trọng trong quan hệ pháp luật môi trường: hướng đến bảo vệ môi trường hiệu quả và đảm bảo quyền con người được sống trong môi trường trong lành được ghi nhận rộng rãi. Với phương thức học tập này, buộc sinh viên phải luôn trong trạng thái tư duy, sáng tạo, vận dụng linh hoạt các kiến thức pháp lý để giải quyết vấn đề. Các tiếp cận, quan điểm mang tính mới mẻ từ phía các sinh viên không chỉ giúp kích thích sự hứng thú trong quá trình lên lớp của sinh viên mà còn tạo cơ hội cho giảng viên tiếp cận các quan điểm mới, đôi khi là hướng giải quyết hợp lý và rất hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện bộ tình huống điển hình trong quan hệ pháp luật môi trường và đưa vào áp dụng giảng dạy thử nghiệm học phần Luật Môi trường tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế, các tác giả mong muốn hướng đến thực hiện thành công các mục tiêu chung như sau:

*Một là,* nghiên cứu các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam trong quá trình quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái.

*Hai là,* nghiên cứu và đánh giá các tình huống điển hình trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường từ các bản án, quyết định có hiệu lực pháp lý do các cơ quan nhà nước ban hành, tập trung vào các vấn đề pháp lý phát sinh trong kiểm soát ô nhiễm môi trường, đánh giá môi

trường, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động trong xử lý vi phạm pháp luật môi trường và giải quyết tranh chấp môi trường.

*Ba là,* trên tất cả, các tác giả mong muốn đề tài trở thành nguồn tài liệu cần thiết cho cả sinh viên và giảng viên trong trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

***3.2. Mục tiêu cụ thể***

Việc giảng dạy các học phần nói chung trong chương trình giáo dục đại học nói chung, trong đó có học phần Luật Môi trường luôn hướng đến việc đặt ra những yêu cầu đối với người học ở cả 3 góc độ: nội dung, kiến thức và kỹ năng. Dựa trên cơ sở này, tiếp cận bộ tình huống điển hình nảy sinh trong quan hệ môi trường hướng đến thực hiện các mục tiêu cụ thể gồm:

*Thứ nhất,* về nội dung.

Các tình huống điển hình được đưa ra tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

+ Tình huống điển hình trong kiểm soát ô nhiễm môi trường

+ Tình huống điển hình trong đánh giá môi trường

+ Tình huống điển hình trong bảo tồn đa dạng sinh học

+ Tình huống điển hình trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

+ Tình huống điển hình trong xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp môi trường

Với việc tìm hiểu, nghiên cứu các chất liệu thực tế về các tình huống phát sinh trong lĩnh vực môi trường được ghi nhận trong các bản án, quyết định có hiệu lực của các cơ quan được nhà nước trao quyền hướng đến xây dựng môi trường học tập năng động, sáng tạo, học tập lý thuyết đi đôi với thực tiễn đời sống, *"học đi đôi với hành",* đáp ứng khả năng nhanh nhạy trong nhận diện, nắm bắt vấn đề mà xã hội hiện đại yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phải đáp ứng. Điều này hoàn toàn phù hợp với sứ mạng Trường Đại học Luật, Đại học Huế đặt ra và hướng đến thực hiện.

*Thứ hai,* về kiến thức.

Thông qua các tình huống điển hình phát sinh trong các nhóm vấn đề, sinh viên cần đạt được những kết quả sau:

- Nắm và thông hiểu được những vấn đề nền tảng liên quan đến môi trường, bảo vệ môi trường cũng như hành lang pháp lý về quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái;

- Nắm bắt được các nguyên tắc quan trọng trong quan hệ pháp luật về môi trường, làm nền tảng điều chỉnh cho các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, tiếp cận, khai thác, sử dụng các thành phần môi trường;

- Nắm bắt và hiểu rõ bản chất của yêu cầu phát triển bền vững, hiểu rõ vai trò chi phối của nguyên tắc này trong việc quản lý và bảo vệ môi trường;

- Nắm được các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được ghi nhận trong Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản điều chỉnh đặc thù các thành phần môi trường như Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Lâm nghiệp, Luật Đa dạng sinh học cũng như các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành... Qua đó rèn luyện khả năng đánh giá tính khả thi của các quy định đó trên thực tế.

- Nhận diện được các hành vi gây ra những hệ lụy tiêu cực đến môi trường sinh thái cũng những hành vi tiềm tàng gây ra những nguy hại đối với việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư được bảo vệ;

- Nắm được các phương thức, cơ chế đặc thù trong giải quyết tranh chấp môi trường, đáp ứng đồng thời khôi phục lại các giá trị sinh thái đã mất do ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường và bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể bị ảnh hưởng từ hệ lụy môi trường.

*Thứ ba,* về kỹ năng.

Nếu như các kiến thức pháp lý đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp tri thức pháp lý, làm tiền đề cho việc định hướng, giải quyết vấn đề phù hợp với cách

xử sự được cộng đồng xã hội thừa nhận rộng rãi thì hệ thống các kỹ năng lại không chỉ thiếu trong việc quyết định đến khả năng nhanh nhạy trong nắm bắt, giải quyết linh hoạt các vấn đề trên thực tiễn. Áp dụng hiệu quả các tình huống điển hình trong quá trình dạy – học học phần Luật Môi trường sẽ tạo điều kiện giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp quan trọng gồm:

- Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết;
- Kỹ năng lập luận;
- Kỹ năng đặt câu hỏi;
- Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án;
- Kỹ năng soạn thảo văn bản.

**4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đề tài hướng đến thực hiện hoạt động nghiên cứu tập trung vào các đối tượng chính cụ thể:

- Nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam cũng như hệ thống pháp lý quốc tế (Các Công ước, Điều ước quốc tế...) trong lĩnh vực môi trường
- Tiếp cận nội dung các bản án, quyết định có hiệu lực pháp lý trên thực tế của cơ quan được nhà nước trao quyền; tiếp cận với các tình huống giả định mang tính điển hình được đặt ra;
- Nghiên cứu, tiếp cận và học hỏi cách thức giải quyết tình huống thực tiễn phát sinh, tiếp thu có chọn lọc các quan điểm nghiên cứu đã tồn tại.
- Tiếp cận, tìm hiểu, phân tích, đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm từ nhu cầu của người học, người nghiên cứu.

***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

- *Không gian nghiên cứu:* Đề tài đưa ra các tình huống điển hình phát sinh trong quan hệ pháp luật về môi trường, trên cơ sở đó tiến hành nghiên cứu và hướng tới áp dụng, phục vụ giảng dạy và nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên trường Đại

học Luật, Đại học Huế.

- *Địa bàn nghiên cứu:* Áp dụng giảng dạy thử nghiệm và đánh giá kết quả tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- *Thời gian nghiên cứu:* Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng hệ thống pháp luật về môi trường từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 phát sinh hiệu lực điều chỉnh đến tháng 9/2019.

**5. Phương pháp nghiên cứu**

Với các mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, trong quá trình tiến hành biên soạn, áp dụng bộ tình huống điển hình và tiến hành giảng dạy học phần Luật Môi trường tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế, nhóm tác giả sử dụng đồng thời các phương pháp chính sau:

- *Phương pháp thu thập tài liệu:* Đề tài tiến hành việc thu thập các thông tin, tài liệu, văn bản pháp luật, các kết quả nghiên cứu và các bản án quyết định của Tòa án, quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước về vấn đề nghiên cứu.

- *Phương pháp tổng hợp:* Trên cơ sở các chất liệu nghiên cứu thu thập được, nhóm tác giả tiến hành việc đánh giá, phân loại, chọn lọc các tình huống điển hình đưa vào Bộ tình huống. Trên cơ sở đó, tùy thuộc vào đối tượng của hành vi xâm phạm đến mà đưa các tình huống đó vào các nhóm hành vi cụ thể,tạo cơ chế thuận tiện cho quá trình tiếp cận, nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra, phỏng vấn, lấy ý kiến:* Quá trình tập hợp, chọn lựa các tình huống điển hình của nhóm tác giả chưa thể đáp ứng điều kiện cần và đủ để đánh giá tính hiệu quả của quá trình giảng dạy, yếu tố đánh giá khách quan từ người học, người nghiên cứu trở thành một nguồn quan trọng để đánh giá toàn diện vấn đề hiệu quả áp dụng. Nhìn nhận vấn đề này, trong quá trình thực hiện Bộ tình huống điển hình cũng như hoạt động tiến hành giảng dạy thử nghiệm trên thực tế, các tác giả của đề tài tiến hành soạn thảo các bảng hỏi, thu thập ý kiến đánh giá khách quan của các đối tượng khác nhau khi tiếp cận đến Bộ tình huống. Các câu hỏi tập trung làm

rõ các vấn đề gồm: cách thức sử dụng Bộ tình huống vào giảng dạy của giảng viên; phương thức sử dụng Bộ tình huống của người học và những đánh giá khách quan của người học về các ưu điểm mà Bộ tình huống mang lại cũng như những hạn chế còn tồn tại cần khắc phục. Từ ý kiến thu thập được, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc, nhóm nghiên cứu có cơ sở vững chắc để tiến hành bổ sung, chỉnh sửa Bộ tình huống điển hình sao cho việc áp dụng vào hoạt động giảng dạy đạt hiệu quả tốt nhất.

- Phương pháp xử lý thống kê: Trên cơ sở các ý kiến phản hồi thu thập được từ các đối tượng sau quá trình tiếp cận nội dung Bộ tình huống điển hình, nhóm tác giả sử dụng phương pháp thống kê trực quan, minh họa các kết quả phản hồi thông qua các hình ảnh, biểu đồ để dễ dàng đánh giá, phân tích, nhìn nhận vấn đề.

Mỗi phương pháp trên đều đóng một vai trò quan trọng, thực hiện mục tiêu đề tài hướng đến vì vậy, đề tài không áp dụng đơn lẻ một phương pháp nào mà thay vào đó kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt các phương pháp để đạt được mục tiêu cụ thể đặt ra.

# Chương 1.
# ĐỊNH HƯỚNG CHUNG VỀ NGHIÊN CỨU BỘ TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH HỌC PHẦN LUẬT MÔI TRƯỜNG

## 1.1. Mục đích học phần Luật Môi trường và yêu cầu đối với việc nghiên cứu Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường

### *1.1.1. Mục đích học phần Luật Môi trường*

Môi trường của nhân loại trong thế kỉ XXI đang trong tình trạng "báo động đỏ" trên phạm vi toàn cầu khi liên tục các ảnh hưởng tiêu cực xảy đến, gây mất cân bằng nghiêm trọng các hệ sinh thái, gây suy giảm đáng kể chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường mà nghiêm trọng hơn gây ra các đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người. Việc tập trung đặt ra và phấn đấu thực hiện hiệu quả mục tiêu kinh tế của các quốc gia là tất yếu khách quan, là thước đo hữu hiệu nhất trong nhìn nhận, đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Tuy vậy, giữa kinh tế và môi trường luôn tồn tại mối liên kết không thể tách rời. Mô hình phát triển kinh tế hiện nay chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên có sẵn để từ đó tạo ra động lực tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các hoạt động sống nói chung để đảm bảo đáp ứng những nhu cầu sống ngày càng cao. Tuy vậy, không phải quốc gia nào cũng thực hiện song song 2 nhiệm vụ phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường một cách hiệu quả. Chính cách thức sử dụng, khai thác theo cơ chế "đánh đổi" các giá trị môi sinh tập trung phục vụ cho những giá trị kinh tế là nguyên nhân chính gây ra vấn nạn môi trường như hiện nay. Với vai trò là công cụ hiệu quả nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội trong đời sống hàng ngày, pháp luật được "kì vọng" là nỗ lực "cần" và "đủ" để giải quyết tốt các vấn đề về môi trường, nhất là trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay. Trước thực trạng môi trường đang có những xuống cấp nặng nề, Việt Nam đã khá thành công trong việc xây dựng một hệ thống cơ chế pháp lý qua đó xác định cụ thể nguyên tắc, định hướng trong quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái. Với việc nâng lên thành các quy phạm pháp luật, cơ chế tuân thủ pháp luật của người dân sẽ buộc phải được thiết lập, là căn cứ quan trọng để truy cứu trách nhiệm pháp lý khi có sai phạm xảy ra.

Với vai trò là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực về lĩnh vực pháp lý chất lượng cao cho khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước, việc trang bị cho sinh viên,

người học các kiến thức nền tảng về hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường là thực sự cần thiết. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo được nhà trường ban hành, áp dụng đối với sinh viên ngành Luật và ngành Luật Kinh tế. Thông qua học phần này, nhà trường hướng đến thực hiện những mục đích sau:

*Thứ nhất,* trang bị cho sinh viên hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam được áp dụng để quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái. Nhìn nhận cơ bản, chế định pháp luật về bảo vệ môi trường tập trung điều chỉnh các nhóm vấn đề lớn gồm: kiểm soát ô nhiễm môi trường, đánh giá môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp môi trường. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm bắt được các vấn đề lý luận nền tảng được sử dụng để vận hành các cơ chế pháp lý được sử dụng để điều chỉnh các vấn đề nói trên.

*Thứ hai,* cung cấp cho sinh viên góc nhìn thực tiễn từ quá trình thi hành, đưa pháp luật vào cuộc sống. Thông qua việc nghiên cứu, đánh giá tính ứng dụng các quy phạm pháp luật vào đời sống giúp sinh viên nhận ra được tính "hạn chế" trong các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành nói chung, pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng. Các quy định được thiết lập nhưng không đi kèm với cơ chế "khả thi" khiến khoảng cách từ các quy định đơn thuần đến hiệu quả triển khai, thi hành trong thực tế ngày càng xa. Với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, sinh viên là chủ thể trung tâm của hoạt động dạy và học, hoạt động cung cấp thực tiễn thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên thực tế có ý nghĩa trong kích thích tính tư duy, sáng tạo, kịp thời, nhanh nhạy trong phát hiện vấn đề còn vướng mắc để từ đó tự lĩnh hội được những hạn chế trong quá trình đưa pháp luật vào đời sống. Với phương pháp này, sinh viên dễ dàng tiếp thu, nắm bắt và ghi nhớ có hiệu quả các vấn đề được trao đổi. Đòi hỏi của mô hình này, sinh viên buộc phải có thái độ học tập đúng đắn để thu lại hiệu quả trong tiếp nhận kiến thức.

*Thứ ba,* rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lập luận, đưa ra giải pháp nhằm hoàn

thiện pháp luật về bảo vệ môi trường và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trên thực tế. Trên cơ sở các quy định của pháp luật được sử dụng để điều chỉnh tương ứng các vấn đề phát sinh trong quan hệ pháp luật về bảo vệ môi trường, dưới sự dẫn dắt của giảng viên, sinh viên chủ động thực hiện các đề tài nghiên cứu về vấn đề đánh giá tính hiệu quả trong áp dụng pháp luật vào điều chỉnh các vấn đề môi trường phát sinh từ chất liệu đời sống. Thông qua các hạn chế được nhìn nhận qua quá trình này, sinh viên tự đề xuất, đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề, trước nhất là hướng đến sự đồng bộ của toàn hệ thống pháp luật Việt Nam, sau nữa là việc nâng cao hiệu quả áp dụng các chế định pháp lý vào cuộc sống và vận hành hiệu quả. Đây là những chuẩn bị cần thiết cho sinh viên luật sau khi ra trường, biết cách lập luận, phát hiện vấn đề và định hướng giải quyết giúp đảm bảo tính hiệu quả trong công việc.

### *1.1.2. Yêu cầu đối với việc nghiên cứu Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường*

Để đảm bảo sự thuận lợi và hiệu quả trong quá trình áp dụng Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường trên thực tế, một số yêu cầu đặt ra đối với các chủ thể tiếp cận như sau:

**** Đối với giảng viên***

- Các nội dung trong Bộ tình huống điển hình được biên soạn, chuẩn bị trên cơ sở gắn liền các kiến thức lý luận và các tình huống thực tiễn cho sinh viên tiếp cận giải quyết. Các câu hỏi lý thuyết và tình huống thực tiễn phải đáp ứng tính bám sát, phù hợp với chương trình đào tạo học phần Luật Môi trường đã được công bố, đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Nội dung các vấn đề tập trung vào các nhóm quan hệ chính trong lĩnh vực môi trường gồm: i) Kiểm soát ô nhiễm môi trường; ii) Bảo vệ tài nguyên đa dạng sinh học và các tài nguyên thiên nhiên khác; iii) Quản lý nhà nước về đánh giá môi trường và iv) Xử lý vi phạm pháp luật môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra. Các vấn đề phải phản ánh được bản

chất các đối tượng điều chỉnh đang được đề cập cũng như có khả năng vận dụng hiệu quả các nền tảng của hệ thống pháp lý vào việc điều chỉnh các vấn đề đó trên thực tế.

- Giảng viên cần xác định rõ đối tượng tiếp cận đến nội dung được đề cập đến trong Bộ tình huống chủ yếu là sinh viên chính quy tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế, vì thế mà phải luôn gắn kết, chú trọng đến yếu tố "học đi đôi với hành" cũng như việc thúc đẩy, tạo cơ hội phát triển, rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp đặc thù cho sinh viên. Bên cạnh một số tình huống thực tế thu thập từ các bản án, quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước, các tình huống giả định phải gắn liền, phản ánh được thực tiễn khách quan đang diễn ra đối với môi trường sinh thái hoặc đưa ra những dự báo về các tình huống có khả năng xảy ra trong tương lai gần thay vì những tình tiết quá xa rời thực tế vốn chỉ đóng ý nghĩa đơn thuần trong quá trình tiếp cận về mặt lý luận chứ không thúc đẩy khả năng vận hành vào thực tế. Quá trình tiếp cận, nghiên cứu các tình huống gắn với thực tiễn đời sống hàng ngày, sinh viên sẽ dễ dàng hơn trong việc hiểu, nắm bắt được hoàn cảnh đang diễn ra, vì vậy khả năng tiếp cận, giải quyết vấn đề đa dạng, phong phú và hiệu quả hơn.

- Giảng viên cần có sự chuẩn bị, chọn lọc tình huống muốn trao đổi, truyền đạt đến sinh viên trước khi đến lớp, đảm bảo việc truyền đạt thông tin, các nội dung pháp lý cũng như cách thức giải quyết vấn đề đạt hiệu quả tốt nhất, tránh trường hợp sử dụng quá nhiều tình huống trong cùng một buổi dạy khiến nội dung truyền tải bị "loãng", sinh viên khó ghi nhận các kiến thức mà tình huống mang lại. Việc chọn lọc các tình huống cho buổi dạy có thể kết nối với nội dung bài giảng đang tiến hành, qua đó, thông qua tình huống này, sinh viên dễ dàng ghi nhớ các nội dung lý luận đang được giảng viên trao đổi và có cơ hội vận dụng ngay các kiến thức vào giải quyết tình huống. Trên cơ sở đó, sinh viên tự rút ra những kinh nghiệm trong quá trình áp dụng pháp luật, hướng đến sự linh hoạt, phù hợp trong việc giải quyết tình huống thực tế.

- Đối với các tình huống đưa ra, giảng viên cần thống nhất, rõ ràng trong việc đưa ra đáp án, hướng giải quyết vấn đề, đảm bảo hiệu quả cho quá trình giảng dạy và áp dụng thực tiễn. Nội dung định hướng giải quyết phải rõ ràng, cụ thể hoặc nếu đáp án đưa ra nhằm mục đích thúc đẩy khả năng tự giải quyết vấn đề của sinh viên phải đáp ứng những định hướng cơ bản, đảm bảo việc giải quyết vấn đề của sinh viên là "đúng hướng". Bên cạnh đáp án thống nhất được đưa ra, giảng viên cần tạo cơ chế linh hoat, thoải mái trong việc thúc đẩy sinh viên tự mình thông qua hoạt động suy nghĩ, sáng tạo để định hướng cách thức giải quyết vấn đề mà sinh viên cho là hiệu quả nhất. Thông qua những ý kiến, quan điểm giải quyết của sinh viên, giảng viên có thể sử dụng làm tư liệu giảng dạy, phân tích những điểm còn hạn chế trong quan điểm, lối lập luận, giúp vấn đề được nhìn nhận đa chiều, toàn diện hơn.

**** Đối với sinh viên***

- Sinh viên cần tự ý thức về vai trò của mình trong hoạt động học tập nói chung và phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ như hiện nay nói riêng. Hiểu rõ được vai trò, vị trí của mình trong quá trình học tập, sinh viên sẽ chủ động hơn trong việc tiếp cận, nắm bắt các vấn đề pháp lý cũng như khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị vào giải quyết trên thực tế. Trong quá trình sử dụng Bộ tình huống điển hình trong học phần Luật Môi trường, yêu cầu đặt ra đối với sinh viên là sự chuẩn bị trước về nội dung của tình huống trước khi đến lớp. Hoạt động này giúp sinh viên nắm bắt được vấn đề giảng viên đang đề cập đến cũng như đặt ra những chú trọng cần thiết vào các nội dung kiến thức giảng viên truyền tải, có thể sử dụng trực tiếp hoặc thông qua đó để giải quyết vấn đề. Nói cách khác, tính chủ động của sinh viên trong việc tiếp cận nội dung Bộ tình huống là "thang đo" quan trọng nhất quyết định đến tính hiệu quả của việc áp dụng Bộ tình huống trong học phần Luật Môi trường.

- Sinh viên cần tự ý thức, mạnh dạn trong quá trình nghiên cứu Bộ tình huống. Đối với các nội dung được trình bày sinh viên chưa tường minh về ý nghĩa, cách tiếp cận vấn đề cần chủ động trao đổi với giảng viên. Trong quá trình nghiên cứu Bộ tình

huống, sinh viên cần tự mình phát hiện ra các nội dung pháp lý ẩn chứa đằng sau, trên cơ sở đó lựa chọn các quy phạm pháp luật điều chỉnh phù hợp. Định hướng vấn đề đúng đắn, sinh viên sẽ thuận lợi hơn trong việc nghiên cứu, lựa chọn các quy phạm pháp luật để giải quyết vấn đề nhanh chóng, hiệu quả.

- Với thời lượng lên lớp hạn chế, hoạt động tìm tài liệu, nghiên cứu các nội dung pháp lý buộc phải được sinh viên thực hiện trước khi đến lớp. Hoạt động học tập tại lớp chủ yếu diễn ra ở giai đoạn tiếp theo, sau quá trình tìm, tiếp cận các vấn đề pháp lý mà chuyển sang hoạt động thông hiểu và vận dụng linh hoạt các vấn đề đó để giải quyết tình huống thực tế. Sinh viên chủ động, thoải mái đưa ra các cách thức giải quyết vấn đề, sau đó lựa chọn các cách thức tối ưu nhất dựa trên quan điểm của mình mà không nhất thiết phải luôn đi theo cách thức mà giảng viên đưa ra. Phương pháp học này mang đến cho sinh viên sự chủ động, sáng tạo, độc lập trong suy nghĩ. Không chỉ vậy, các kỹ năng mềm về phản biện ý kiến, phân tích vấn đề cũng được rèn luyện và phát triển hiệu quả.

## 1.2. Các kỹ năng vận dụng trong giải quyết tình huống

Như đã trình bày ở trên về các yêu cầu đặt ra đối với các chủ thể khi tiếp cận nội dung Bộ tình huống điển hình trong học phần Luật Môi trường, bên cạnh mục đích ghi nhớ hiệu quả các nội dung lý luận được trao đổi, việc tạo lập môi trường thực hành nghề nghiệp, vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn giải quyết vấn đề trở thành một định hướng quan trọng mà Bộ tình huống này hướng đến. Các kỹ năng nói chung và các kỹ năng đặc thù trong lĩnh vực pháp lý nói riêng sẽ hỗ trợ một cách hiệu quả trong việc định hướng, giải quyết vấn đề. Thông qua Bộ tình huống này, sinh viên cần tự trang bị hệ thống các kỹ năng, bao gồm:

### *1.2.1. Kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết*

Đối với sinh viên chuyên ngành luật, trong hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh bao trùm tất cả các quan hệ xã hội, kỹ năng phát hiện nhanh chóng, chính xác,

tập trung trực tiếp vào vấn đề pháp lý cần giải quyết là yêu cầu quan trọng, đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp trong tương lai.

Bộ tình huống được trình bày dưới dạng tập hợp các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý môi trường sinh thái và bảo vệ môi trường. Trong quan hệ này chứa đựng rất nhiều vấn đề pháp lý khác nhau cần tiếp cận. Việc xác định đúng vấn đề cần giải quyết đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn các quy phạm pháp luật để giải quyết vấn đề và xa hơn, đáp ứng tính hiệu quả trong định hướng giải quyết vấn đề. Tiếp cận một tình huống được đưa ra, sinh viên phải xác định cụ thể vấn đề cần giải quyết là gì? Là hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình khai thác, sử dụng giá trị các thành phần môi trường? Hay đặt ra yêu cầu giải quyết tranh chấp môi trường, đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do ô nhiễm môi trường xảy ra? Hay chậm chí là những sai phạm diễn ra trong quá trình quản lý nhà nước về môi trường?... Rõ ràng, mỗi tình huống sẽ ẩn chứa các vấn đề pháp lý riêng biệt. Tùy thuộc vào các yếu tố này, các văn bản pháp luật với đối tượng điều chỉnh phù hợp sẽ được lựa chọn để giải quyết. Việc định hướng sai vấn đề dẫn đến việc "lệch lạc" trong lựa chọn quy phạm pháp luật, ảnh hưởng đến kết quả giải quyết chung.

Thông qua nội dung Bộ tình huống điển hình, sinh viên tự rèn luyện kỹ năng phát hiện các vấn đề pháp lý quan trọng như xác định thẩm quyền xử phạt, xác định mức xử phạt hay việc lựa chọn chính xác văn bản pháp luật để áp dụng.

### *1.2.2. Kỹ năng lập luận*

Với mong muốn phản ánh được gần như các tình huống dễ bắt gặp trong thực tiễn đời sống trong lĩnh vực môi trường, Bộ tình huống đưa ra những vấn đề pháp lý buộc sinh viên phải vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết. Như đã nhìn nhận rõ về tầm quan trọng của kỹ năng phát hiện vấn đề cần giải quyết trong việc định hướng đúng đắn quy phạm pháp luật cần áp dụng. Tuy vậy, việc phát hiện vấn đề trong một số trường hợp lại không hoàn toàn tường minh, dễ dàng nhận thấy được mà buộc phải trả qua quá trình lập luận, phân tích vấn đề kỹ càng mới làm nổi bật các vấn đề

cần giải quyết. Lấy ví dụ về trường hợp xảy ra hành vi vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường. Khi tiếp cận vấn đề này, vấn đề pháp lý dễ dàng nhận thấy nhất chính là hành vi đi ngược lại các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sinh thái, nghĩa là sử dụng các quy phạm pháp luật trong Luật Bảo vệ môi trường để điều chỉnh. Tuy nhiên, cần nhìn nhận tình huống này theo hướng cụ thể hơn khi đối chiếu đến khả năng xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư được pháp luật bảo vệ do hành vi gây ô nhiễm môi trường gây ra. Trường hợp này, chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong quy định của pháp luật dân sự sẽ được áp dụng trong quá trình giải quyết vấn đề. Thông qua ví dụ trên, bằng hoạt động lập luận, sinh viên sẽ tự làm sáng tỏ triệt để tất cả mọi vấn đề pháp lý cần giải quyết thay vì chỉ nhìn nhận, đánh giá ở những tình tiết đã thể hiện rõ ràng.

Có thể nói đối với sinh viên được đào tạo trong môi trường giáo dục đại học nói chung, sinh viên chuyên ngành pháp lý nói riêng, kỹ năng lập luận là một nền tảng nghề nghiệp không thể thiếu đối với nghề nghiệp tương lai. Sinh viên được trang bị, rèn luyện kỹ năng lập luận, giải quyết vấn đề hiệu quả logic sẽ có khả năng đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu giải quyết các công việc. Kỹ năng này là đặc biệt cần thiết với sinh viên được đào tạo trong môi trường pháp lý đối diện với Các quan hệ xã hội trong thực tiễn phát sinh luôn biến chuyển đa dạng, nhiều chiều, thậm chí có những trường hợp, tình tiết mới phát sinh. Trong những tình huống này, đòi hỏi cao nhất ở sinh viên chính là kỹ năng lập luận, làm sáng tỏ vấn đề cần giải quyết. Xác định được hiệu quả bước này, sinh viên sẽ dễ dàng nhìn nhận vấn đề, lựa chọn các quy phạm pháp luật phù hợp để áp dụng, điều chỉnh. Không dừng lại ở đó, kỹ năng lập luận sẽ quyết định đến hiệu quả giải quyết vấn đề trong quá trình sắp xếp, lồng ghép các nội dung pháp lý điều chỉnh sao cho hợp lý, giải quyết vấn đề hiệu quả, từ đó mà tạo cơ chế dễ dàng thuyết phục người nghe.

Kỹ năng lập luận vấn đề được tập trung vận dụng tại nhóm vấn đề thứ 5, các tình huống điển hình trong xử lý vi phạm pháp luật môi trường và giải quyết tranh

chấp, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra. Việc bồi thường một lúc rất nhiều chủ thể với phạm vi tác động, ảnh hưởng lớn mang tính đặc thù của quan hệ pháp luật môi trường khiến phải cân nhắc kỹ lưỡng để xác định mức bồi thường phù hợp với những giá trị môi trường bị tổn thất cũng như những ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư phát sinh từ ô nhiễm môi trường.

### *1.2.3. Kỹ năng đặt câu hỏi*

Trong quá trình nghiên cứu các tình huống được tập hợp trong Bộ tình huống điển hình, sinh viên là chủ thể trực tiếp tự nghiên cứu, định hướng làm rõ các vấn đề đưa ra. Các tình huống dù là vấn đề thực tiễn được thu thập từ nội dung các bản án, quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước được trao quyền hay đơn thuần là các tình huống giả định đều đặt ra và đòi hỏi sinh viên cần có góc nhìn bao quát mọi góc độ để có thể giải quyết vấn đề pháp lý đưa ra. Với yêu cầu này, sinh viên cần được trang bị và tự bản thân rèn luyện kỹ năng đặt câu hỏi. Tùy thuộc vào cách đặt câu hỏi, nội dung câu hỏi đặt ra mà bản chất của vấn đề được nhìn nhận rõ. Việc đặt câu hỏi không đơn thuần là hoạt động nắm bắt thông tin như thông thường mà qua chính phần trả lời cho câu hỏi đó chính là gợi mở của vấn đề, là hướng đi hiệu quả để giải quyết vấn đề. Đơn cử như tình huống phát sinh trong hoạt động bảo tồn nguồn tài nguyên đa dạng sinh học khi đặt ra vấn đề về hành vi của một cơ sở, trang trại tại địa phương X tiến hành việc gây nuôi và buôn bán, thương mại hóa các loài động vật hoang dã, kể cả các loài nguy cấp, quý, hiếm trên thị trường. Đối với tình huống này, để làm rõ vấn đề, sinh viên có thể đặt ra những câu hỏi điển hình như: Hành vi trên tác động đến quan hệ nào trong lĩnh vực môi trường cần hướng đến bảo vệ?, hành vi gây nuôi thương mại các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm tại các cơ sở có hợp pháp không? Và nếu hành vi gây nuôi thương mại là hợp pháp, các điều kiện nào bắt buộc chủ cơ sở gây nuôi phải đảm bảo theo quy định của pháp luật?... Như vậy, kỹ năng đặt câu hỏi, kết hợp với các kỹ năng lập luận, làm sáng tỏ vấn đề sẽ giúp sinh viên vừa dễ dàng trong việc ghi nhận hiệu quả các nội dung lý luận được

trao đổi trong quá trình học tập, vừa có cơ chế nhìn nhận thực tiễn hiệu quả hơn. Trên cơ sở các định hướng vấn đề đưa ra qua các câu hỏi, sinh viên dễ dàng lựa chọn các quy phạm pháp luật phù hợp để giải quyết tình huống, đồng thời cũng tự mình nhận ra sự khác biệt lớn giữa các quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành các quy định đó vào đời sống hàng ngày.

Thông qua nội dung là các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sinh viên sẽ được trao cơ hội lớn trong việc tiếp cận thực tế với nội dung các bản án, tiếp cận với nội dung, cách thức đặt câu hỏi trong quá trình tiến hành tố tụng. Đối chiếu với các nền tảng lý luận được trang bị, sinh viên sẽ tự học hỏi, rèn luyện, rút ra cho mình những hạn chế trong cách tiếp cận vấn đề, cách đặt câu hỏi, qua quá trình nghiên cứu, học hỏi nội dung các nguồn tài liệu này, sinh viên sẽ tự cải thiện khả năng của mình về kỹ năng đặt câu hỏi, chuẩn bị hành trang tốt nhất cho việc đáp ứng các yêu cầu xét xử "đúng người, đúng tội", xét xử công minh, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của thời đại mới.

Với kỹ năng đặt câu hỏi, sinh viên khi giải quyết vấn đề luôn tự tìm tòi, học hỏi để tìm ra hướng giải quyết tối ưu nhất cho vấn đề cần giải quyết như mức bồi thường thiệt hại đưa ra đã mang tính "đền bù ngang giá" cho những giá trị môi trường đã tổn thất hay chưa? Đã giải quyết hợp lý các ảnh hưởng về tài sản, sức khỏe, thậm chí là tính mạng của người dân khi xảy ra ô nhiễm môi trường hay chưa? Trong một số trường hợp, việc đặt câu hỏi làm rõ tính hợp lý trong mức xử phạt đặt ra, đặt biệt là chế tài hành chính đã đủ sức răn đe các hành vi ci phạm pháp luật hay chưa giúp tiếp cận gần hơn với các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật một cách hiệu quả.

### *1.2.4. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án*

Các bản án, quyết định có hiệu lực pháp lý trên thực tế trong Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường không chỉ mang lại "chất liệu" thực là các tình huống phát sinh trên thực tiễn, qua đó nhìn nhận các vấn đề nảy sinh thường xảy đến trong quan hệ pháp luật về môi trường, ngoài ra còn tạo cho sinh viên cơ hội tiếp

cận với hồ sơ vụ án, tiếp cận với triển vọng nghề nghiệp tương lai. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động tiếp cận nội dung của các nguồn văn bản trên sẽ bị hạn chế nếu không có cách thức, kỹ năng tiếp cận bài bản, khoa học. Trường hợp này đòi hỏi sinh viên phải trải qua quá trình xem xét, đọc, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhằm nắm vững bản chất vụ án, diễn biến của hành vi phạm tội, qua đó xác định sự thật khách quan của vụ án. Trên cơ sở này, đưa ra những định hướng, đề xuất về vấn đề cần giải quyết, chuẩn bị các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường có liên quan để điều chỉnh, giải quyết vấn đề. Kỹ năng nghiên cứu tài liệu hiệu quả giúp sinh viên định hướng đúng vấn đề cần giải quyết, hiểu rõ các quan điểm, định hướng giải quyết vấn đề được ghi nhận trong bản án, quyết định có hiệu lực đó. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ tự giải quyết dựa trên quan điểm của mình, tiến hành so sánh, đối chiếu với cách nhìn nhận của các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tình huống để hoàn thiện kiến thức, kỹ năng lý luận và thực tế.

Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án bao gồm nhiều nội dung cần tiến hành hoạt động này. Có thể tiến hành nghiên cứu chung về quá trình tố tụng như những chủ thể tham gia quá trình tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc nghiên cứu trình tự, thủ tục tiến hành phiên tòa.... Ở góc độ nhìn nhận khác, việc nghiên cứu có thể tập trung vào mặt nội dung, cụ thể là việc nhìn nhận kỹ lưỡng về các tình tiết phát sinh, nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án về những vấn đề phải chứng minh như thiệt hại về chức năng, tính hữu ích của môi trường, những thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư do ô nhiễm môi trường gây ra. Không dừng lại ở đó, thông qua hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án, sinh viên được tiếp cận góc độ thực tiễn về các biên bản lấy lời khai của các đương sự trong vụ án môi trường, các biên bản bàn giao hiện trường vụ án, biên bản về kết quả phân tích chất lượng các thành phần môi trường bị ô nhiễm trên cơ sở các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các tiêu chuẩn môi trường đặt ra, làm

cơ sở quy trách nhiệm cho các chủ thể có liên quan đến thực trạng ô nhiễm môi trường.

Trong Bộ tình huống điển hình về lĩnh vực môi trường được các tác giả thực hiện, chất liệu thực tế từ đời sống là các bản án, quyết định có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền được thể hiện rõ ở các chương về bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thông qua việc tiếp cận nội dung từ các bản án, quyết định có hiệu lực, sinh viên có cơ hội tiếp cận với bản án thực tế, học hỏi cách thức trình bày, lập luận của cơ quan nhà nước. Đồng thời qua đó, tự bản thân đánh giá tính hợp lý trong văn bản được nhà nước ban hành.

### *1.2.5. Kỹ năng soạn thảo văn bản*

Văn bản được biết đến là hình thức thể hiện của thông tin, thông qua hình thức này có thể truyền đạt các nội dung đến các chủ thể có liên quan. Trong lĩnh vực pháp lý, các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ban hành được ghi nhận dưới dạng các văn bản với các hình thức khác nhau, có thể là Luật, Nghị định, Thông tư, cũng có thể là các Quyết định, Biên bản, Thông báo... Tùy thuộc vào mục đích và đối tượng điều chỉnh mà quyết định đến tên văn bản cũng như hình thức thể hiện của nó. Đặt vào trường hợp là các bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về môi trường, thông qua việc tiếp cận, nghiên cứu nội dung các văn bản này, sinh viên có cơ hội tiếp cận với các hình thức pháp lý của văn bản trên thực tế, kết hợp với các kiến thức lý luận được trang bị để nhìn nhận, đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân trong việc lựa chọn văn bản soạn thảo và giải quyết vấn đề. Việc lựa chọn đúng tên văn bản quyết định đến hiệu quả trong xác định hình thức của văn bản soạn thảo. Tùy thuộc vào mục đích, bản chất của văn bản mà các văn bản pháp lý có hình thức thể hiện khác nhau. Quá trình thực tiễn sẽ góp phần mang lại cái nhìn thực tiễn nhất, khách quan nhất cho sinh viên trong nghiên cứu đặc trưng của các văn bản như văn phong, cách trình bày thể thức văn bản, trình tự, cách lập luận vấn đề, kể cả việc xác định thẩm quyền ký, ban hành văn bản... những

kiến thức này nếu tách ly khỏi quá trình nghiên cứu thực tiễn nó chỉ là những kiến thức "giấy", sinh viên không có cơ hội trải nghiệm thực tế sẽ làm giảm hiệu quả rất lớn trong nhìn nhận vấn đề, lựa chọn chính xác, soạn thảo đúng mục đích, yêu cầu, bản chất của văn bản đó.

Thông qua các kênh tài liệu chính thống được tiếp cận, sinh viên học tập trực tiếp từ cách hành văn, thể thức văn bản được các cơ quan nhà nước ban hành, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng soạn thảo văn bản đi thẳng nội dung vấn đề cần giải quyết, tiết kiệm thời gian và đảm bảo tính hiệu quả. Qua đó, sinh viên cũng có thể rèn luyện khả năng tư duy, lý luận vấn đề cũng như hiểu rõ vai trò quan trọng của việc sắp xếp các quan điểm, luận điểm, tạo nên sự sắc bén, thuyết phục cho vấn đề pháp lý cần giải quyết.

### 1.3. Hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến học phần

Xét về bản chất, môi trường là một thuật ngữ có nội hàm vô cùng rộng lớn, các hàm nghĩa này tùy thuộc vào các góc độ tiếp cận khác nhau mà có cách biểu hiện khác nhau. Theo tiếp cận thống nhất của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật..[1] Dưới góc độ tiếp cận này, có thể nhìn nhận về cấu thành rộng lớn các bộ phận môi trường bao hàm. Nó vừa là các thành phần của môi trường tự nhiên, được tiếp cận dưới dạng các thành phần của môi trường sinh thái như tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản..., chúng tồn tại theo một quy luật khách quan của tự nhiên thay vì ra đời là kết quả của ý chí con người. Tồn tại song song với các yếu tố này, các yếu tố nhân tạo được tạo lập trong đời sống con người nhằm đảm bảo những nhu cầu của con người trong tiến trình phát triển ngày càng cao của xã hội.

Xét về vị trí, Luật Môi trường là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật

[1] Khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Việt Nam, hướng đến điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý môi trường sinh thái và bảo vệ môi trường sinh thái giữa các chủ thể là cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức trong hoạt động quản lý nhà nước về môi trường hoặc mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư với nhau trong quá trình sinh sống hàng ngày với bản chất các vụ việc dân sự. Tùy thuộc các nhóm quan hệ khác nhau xuất phát từ các chủ thể tham gia vào mối quan hệ mà quyết định đến phương pháp, cách thức được sử dụng để điều chỉnh quan hệ đó. Nếu như phương pháp mệnh lệnh – quyền uy được sử dụng trong mối quan hệ mà một bên là cơ quan nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước để bắt buộc bên chủ thể còn lại phải tuân theo thì trong mối quan hệ phát sinh trong phạm vi giữa các chủ thể là cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư với nhau, phương pháp tự do thỏa thuận, bình đẳng về ý chí được áp dụng, nói cách khác, sử dụng yếu tố điều chỉnh mang "màu sắc" đặc trưng của quan hệ dân sự để áp dụng, giải quyết vấn đề. Như vậy, có thể thấy Luật Môi trường là một ngành luật độc lập, đặc thù trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tuy nhiên cơ chế độc lập này mang tính tương đối thay vì cơ chế độc lập hoàn toàn như các ngành luật khác. Nguyên nhân cho vấn đề này xuất phát từ mục đích chính Luật Môi trường hướng đến chính là bảo vệ các giá trị, chức năng, tính hữu ích của môi trường sinh thái, đồng thời giải quyết có hiệu quả vấn đề bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư được pháp luật ghi nhận. Tuy vậy, trong quá trình hướng đến thực hiện mục đích của Luật Môi trường, rất nhiều hành vi vi phạm pháp luật nói riêng cũng như những vấn đề pháp lý nói chung có khả năng lớn phát sinh. Trong quá trình này, các quy định của pháp luật hành chính có thể được áp dụng nhằm lập lại trật tự quản lý nhà nước về môi trường hay pháp luật dân sự về chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được áp dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp môi trường, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra cho cộng đồng dân cư bị ô nhiễm. Do vậy, ngành Luật Môi trường để vận hành được nó hiệu quả vào đời sống thực tiễn, cần thiết sự đan xen, hỗ trợ của các ngành Luật khác nhau,

đó chính là lí do các văn bản pháp lý chứa đựng các quy phạm pháp luật điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái có phạm vi rất rộng lớn. Quá trình đặt ra cơ chế điều chỉnh và vận hành cơ chế lên các đối tượng hướng đến bảo vệ trong lĩnh vực Luật Môi trường có sự hỗ trợ vững chắc từ hệ thống hành lang pháp lý sau:

**Một là,** các văn bản luật. Các văn bản này tùy thuộc vào đối tượng điều chỉnh mang tính riêng biệt, đặt ra những nền tảng pháp lý vững chắc trong quá trình tiếp cận, sử dụng giá trị các thành phần của diễn thế sinh thái, điển hình như: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Luật Tài nguyên nước năm 2012; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khoáng sản năm 2010; Luật Đa dạng sinh học năm 2008; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Thủy sản năm 2017; Luật Du lịch năm 2017; Luật Tài nguyên, môi trường và hải đảo năm 2015... Ngoài các văn bản điều chỉnh trực tiếp đến các thành phần của môi trường sinh thái trong quá trình tiếp cận, sử dụng giá trị các thành phần cụ thể, để vận hành hệ thống pháp luật này hiệu quả, còn cần đến sự hỗ trợ của các văn bản pháp luật có liên quan như: Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012...

**Hai là,** các Nghị định, Thông tư điều chỉnh. Trên cơ sở các văn bản Luật ban hành đề ra cách thức xử sự thống nhất trong quá trình tiếp cận, khai thác, sử dụng giá trị của môi trường sinh thái, các văn bản dưới Luật được xúc tiến ban hành, đảm bảo cơ chế tiếp cận đúng đắn, chính xác tinh thần mà các quy phạm pháp luật trong các văn bản Luật ghi nhận theo hướng đơn nghĩa, thống nhất. Các Nghị định, Thông tư đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển tải tinh thần của nhà làm luật đến người tiếp cận nội dung, đảm bảo hiệu quả thực thi các quy định đó vào thực tiễn. Tùy thuộc vào từng đối tượng của môi trường sinh thái cụ thể mà có các văn bản dưới luật khác nhau, điển hình là các văn bản chính yếu sau:

- Trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường, có các văn bản như: Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về Quy hoạch

bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 19/2015 ban hành ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ban hành ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ban hành ngày 24/12/2016 của Chính phủ Quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 24/4/2015 Quy định về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ban hành ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ban hành ngày 9/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại...

- Trong lĩnh vực bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học, các văn bản điều chỉnh gồm: Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ban hành ngày 11/6/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ban hành ngày 12/11/2013 Quy định về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ban hành ngày 22/1/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã cao cấp; Thông tư số 90/2008/TT-BNN ban hành ngày 28/8/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu; Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ban hành ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản...

- Trong lĩnh vực xử lý vi phạm pháp luật môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra. Vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường được vận hành trên cơ chế định ra các quy tắc xử sự mang tính thống nhất định hướng hành vi của các chủ thể, các hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến giá trị tài nguyên môi trường, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp buộc phải chịu sự tác động từ chính các biện pháp chế tài. Nhằm tạo lập nền tảng pháp lý vững chắc cho hoạt động này, các văn bản pháp luật sau được ban hành và phát sinh hiệu lực điều chỉnh như: Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ban hành ngày 18/11/2016 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ban hành ngày 6/1/2015 của Chính phủ Quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường.

## 1.4. Phương pháp tiếp cận và cách thức sử dụng Bộ tình huống điển hình trong giảng dạy

### *1.4.1. Phương pháp tiếp cận Bộ tình huống điển hình*

Hiệu quả sử dụng Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường vào hoạt động giảng dạy phụ thuộc vào cả đối tượng là giảng viên và sinh viên trong quá trình này. Bộ tình huống điển hình là tập hợp các vấn đề thực tiễn phát sinh, nhằm cung cấp góc nhìn thực tiễn cho người nghiên cứu nói chung, vì vậy cần có phương pháp tiếp cận rõ ràng. Theo đó, phương pháp luận biện chứng cần được nhìn nhận rõ vai trò và định hướng tiếp cận cho các chủ thể. Giảng viên cần xuất phát, nhìn nhận rõ bản chất luôn thay đổi đáp ứng với các quan hệ xã hội phát sinh của pháp luật để kịp thời cập nhật các tình tiết bổ sung, đáp ứng được mục tiêu chương trình đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra của Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Các tình huống, vấn đề pháp lý được đưa ra phải tồn tại trong mối quan hệ tác động tương hỗ lẫn nhau. Như đã trình bày về vị trí của quan hệ pháp luật môi trường trong hệ thống pháp luật Việt Nam khi yếu tố độc lập của ngành luật này chỉ mang tính tương đối, trong quá trình

thi hành các quy định của pháp luật môi trường nói chung, pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng rất cần đến các chế định pháp lý được ghi nhận trong các văn bản pháp luật khác. Với bản chất này, thông qua các tình huống điển hình đưa ra hoặc thu thập thực tế, giảng viên phải đặt ra mục tiêu hình thành, tạo môi trường cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy, lựa chọn chính xác quy phạm pháp luật điều chỉnh cũng như mối liên hệ giữa các quy phạm pháp luật với nhau cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác. Ví dụ như, trong vấn đề pháp lý về hành vi vi phạm pháp luật môi trường và giải quyết tranh chấp môi trường, các quy định mang thông số kỹ thuật của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường được áp dụng để xác định trạng thái môi trường, xác định mức độ xâm phạm đến các thành phần môi trường do hành vi vi phạm pháp luật gây ra. Một hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường xảy ra, điển hình như gây ô nhiễm môi trường sẽ đồng thời đặt ra hai vấn đề pháp lý đồng thời, gồm: *i)* Sự suy giảm về chức năng, tính hữu ích các thành phần môi trường và *ii)* Xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư được pháp luật bảo vệ. Các quy phạm pháp luật môi trường đặt trong yêu cầu giải quyết tốt đẹp đồng thời các vấn đề pháp lý phát sinh là chưa đủ. Trong trường hợp này, chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong quan hệ pháp luật dân sự sẽ được áp dụng trong việc điều hòa mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư thông qua việc đền bù một khoản lợi ích vật chất và tinh thần nhất định cho họ trên cơ sở hợp lý, khách quan và tuân thủ pháp luật. Như vậy, cùng một vấn đề pháp lý, giảng viên cần định hướng cho sinh viên cách thức triển khai vấn đề hiệu quả.

Dưới góc độ là sinh viên, là chủ thể trung tâm chi phối đến chất lượng đào tạo, đáp ứng cho nhu cầu xã hội, phương pháp tiếp cận Bộ tình huống điển hình mang tính đặc thù cho đối tượng này cũng cần được nhìn nhận rõ. Theo đó, sinh viên sẽ tiếp cận nội dung Bộ tình huống qua hoạt động "đọc – thông hiểu" vấn đề, trên cơ sở phân tích, lý luận làm rõ, sinh viên lựa chọn quy phạm pháp luật để giải quyết

tình huống. "Đọc" tình huống không hẳn là kỹ năng phức tạp, tuy vậy nó đóng vai trò rất quan trọng đến hiệu quả áp dụng, giải quyết vấn đề. Sinh viên đọc tình huống, tiếp cận tình huống không đơn thuần là hoạt động ghi nhận các nội dung ẩn chứa trong tình huống theo logic từ trên xuống dưới, xuyên suốt vấn đề theo từng câu, từng chữ mà đối với sinh viên được đào tạo trong môi trường pháp lý, hoạt động "đọc" tình huống yêu cầu các bạn phải nắm bắt được các vấn đề pháp lý cốt lõi, hướng đến việc làm rõ, giải quyết vấn đề hiệu quả, giúp tiết kiệm thời gian nghiên cứu văn bản pháp luật đáng kể. Có thể nói, việc sinh viên tóm lược được các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống đưa ra, đồng thời có sự lựa chọn đúng đắn, hợp lý các quy phạm trong hệ thống pháp lý để điều chỉnh, giải quyết vấn đề đặt ra trên cơ sở thành quả lý luận, phân tích là thước đo sự thành công, tính hiệu quả sau quá trình tiếp cận các nền tảng lý luận được giảng viên trao đổi trong mỗi tiết học.

Phương pháp dạy học bằng tình huống gồm có ba thành phần có liên quan với nhau: *i)* Nội dung của tình huống cần nêu bật các vấn đề được đặt ra mang tính thực tiễn cao, tính logic của vấn đề cần được mang ra phân tích, đánh giá cụ thể; *ii)* Phân tích tình huống, từ các vấn đề nêu ra trong tình huống sinh viên xây dựng các câu hỏi cụ thể về các vấn đề cần giải quyết hướng đến việc đặt ra các cách thức giải quyết vấn đề phát sinh từ tình huống và *iii)* Thảo luận về các quan điểm giải quyết vấn đề đưa ra và lựa chọn cách thức giải quyết tối ưu nhất trên cơ sở các quy định của pháp luật đặt ra và tính hợp lý, logic của quan điểm.

### *1.4.2. Cách thức sử dụng Bộ tình huống điển hình trong giảng dạy*

Để đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường vào quá trình giảng dạy, việc sử dụng các tình huống cần đặt ra những tiếp cận thống nhất về cơ cấu của tình huống cũng như trình tự các bước trong việc áp dụng nội dung tình huống vào giảng dạy, làm rõ vai trò của cả giảng viên và sinh viên trong hoạt động này.

***Thứ nhất,*** về cơ cấu của một tình huống điển hình.

Với mục đích đặt ra trong việc cung cấp góc nhìn thực tiễn về các tình huống phát sinh trong quan hệ pháp luật về môi trường cũng như quá trình áp dụng pháp luật vào đời sống, các tác giả sử dụng các chất liệu thực tế từ nội dung các bản án, quyết định có hiệu lực pháp lý do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc các tình huống giả định mang tính điển hình. Các nội dung trên sẽ góp phần thúc đẩy hiệu quả giảng dạy kiến thức lý luận và lồng ghép yếu tố thực tiễn, giúp sinh viên nắm bắt kiến thức được trao đổi một cách hiệu quả hơn. Các tình huống điển hình trong Bộ tình huống được lựa chọn trên cơ sở các tiêu chí sau:

*Một là,* tình huống phải chứa đựng vấn đề pháp lý trong quan hệ pháp luật môi trường cần đưa ra nhìn nhận, giải quyết trên cơ sở vận dụng các quy phạm pháp luật trong quan hệ này. Các tình huống được trình bày theo từng nhóm quan hệ pháp luật hướng đến bảo vệ trong quá trình quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái, vì vậy, các vấn đề pháp lý đặt ra trong tình huống phải có mối liên hệ mật thiết với nội dung lý luận đang được trao đổi, giúp tình huống phản ánh được bản chất, ý nghĩa của nó khi tạo ra cơ hội thực hành, vận dụng các kiến thức pháp lý vào giải quyết tình huống trên thực tế. Ví dụ như, tình huống điển hình trong nội dung liên quan đến hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường, vấn đề pháp lý phát sinh từ tình huống điển hình phải phản ánh rõ nét các quy định của pháp luật trong hoạt động này như các điều kiện để xem trạng thái môi trường bị ô nhiễm đặt trong sự đối chiếu với vấn đề suy thoái môi trường; các cơ chế pháp lý trong kiểm soát ô nhiễm môi trường cũng như các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Tùy thuộc vào từng nội dung pháp lý được nhìn nhận, sinh viên tự lựa chọn các quy phạm pháp luật phù hợp để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả. Thông qua các tình huống trong nội dung này, sinh viên một lần nữa được nhìn nhận tổng quan nhất về các quy định của pháp luật đặt ra trong kiểm soát ô nhiễm môi trường, nắm bắt cụ thể các văn bản pháp lý đang phát sinh hiệu lực điều chỉnh để áp dụng giải quyết hiệu quả.

*Hai là,* tình huống điển hình phản ánh rõ nét trọng tâm nội dung lý luận giảng

viên truyền đạt đến sinh viên, đảm bảo hiệu quả hoạt động giảng dạy. Như đã trình bày ở trên, Bộ tình huống là tập hợp các tình huống phát sinh trong quan hệ pháp luật môi trường với nhiều các đối tượng tác động khác nhau. Cùng một lúc, truyền tải đến sinh viên nhiều vấn đề pháp lý với các đối tượng tác động khác nhau sẽ gây ra "phản ứng ngược" đến tính hiệu quả trong giảng dạy. Thiếu sự trọng tâm trong tình huống lựa chọn hay tình huống đưa ra tiếp cận lại không thực sự có mối liên kết với các nội dung lý luận đang truyền đạt đến sinh viên không thực sự mang lại tính hiệu quả trong quá trình áp dụng. Tình huống được lựa chọn phải mang tính "đắt" về giá trị áp dụng, nghĩa là hướng đến tác động trực tiếp đến nội dung muốn truyền đạt, hỗ trợ đắc lực song song với hoạt động truyền dạy lý luận. Ví dụ, trong nội dung giảng dạy tại Chương IV, học phần Luật Môi trường liên quan đến pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, thay vì các tình tiết pháp lý đặt ra liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường, đến hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường, vấn đề nên chỉ tập trung điều chỉnh vấn đề bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học và các tài nguyên thiên nhiên khác trong quá trình tiếp cận, khai thác, sử dụng giá trị từ các thành phần môi trường này. Qua tình huống, một số vấn đề pháp lý cơ bản nhất như khái niệm về đa dạng sinh học, ý nghĩa, phương thức bảo tồn đa dạng sinh học; pháp luật về kiểm soát việc khai thác, sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học cũng như các loại tài nguyên thiên nhiên khác vào cuộc sống trên cơ sở đáp ứng hiệu quả nguyên tắc phát triển bền vững đặt ra. Thông qua nội dung này, sinh viên sẽ tự liên hệ đến các vấn đề pháp lý có liên quan như hậu quả pháp lý mà các chủ thể thực hiện hành vi tác động tiêu cực đến các nguồn tài nguyên thiên nhiên nói chung phải gánh chịu do hành vi đi ngược lại những định hướng mà pháp luật đặt ra. Ngoài mục đích đảm bảo trọng tâm của bài giảng, việc kết nối nội dung tình huống với kiến thức lý luận được trao đổi còn giúp giảng viên kiểm soát hiệu quả tốc độ giảng dạy, thời gian lên lớp và cả khối lượng kiến thức muốn truyền đạt đến sinh viên. Kiểm soát hiệu quả hoạt động giảng dạy giúp

sinh viên dễ dàng tiếp thu các vấn đề được trao đổi, đồng thời tạo sự thuận lợi cho giảng viên trong việc bổ sung, cập nhật phù hợp đối với các tình huống cho phù hợp với thực tiễn giảng dạy.

*Thứ ba,* tình huống điển hình phải xuất phát từ "chất liệu" đời sống. Với tiêu chí này, tình huống là góc nhìn phản ánh được thực tiễn đời sống trong quá trình quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái. Để đảm bảo tính phản ánh khách quan, các vấn đề pháp lý xuất phát từ chính các bản án, quyết định thực tế của các cơ quan nhà nước được ưu tiên tiếp cận. Tuy vậy, lĩnh vực môi trường tại Việt Nam dù đang có những bước đi tiến bộ và hiệu quả trong quá trình áp dụng nhưng cơ chế để đảm bảo quá trình vận hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường vào đời sống vẫn còn khá nhiều những hạn chế. Môi trường không chỉ đơn thuần được nhìn nhận dưới góc độ pháp lý mà nó còn chứa đựng nhiều yếu tố kỹ thuật, điều này dễ nhận thấy trong quá trình đối chiếu với các thông số kỹ thuật về từng thành phần môi trường được ghi nhận dưới dạng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường, làm căn cứ quan trọng để xác định cụ thể về tình trạng, diễn biến môi trường dưới sự tác động của hành vi khai thác, sử dụng giá trị các thành phần môi trường. Tại Việt Nam hiện nay, các vấn đề pháp lý trong quan hệ pháp luật về môi trường, đặc biệt là các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này được nhìn nhận là các tranh chấp dân sự, nhìn nhận ở góc độ tác động đến các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư được pháp luật bảo vệ chứ đa phần chưa tiếp cận trọng tâm đến sự suy giảm về giá trị, chức năng, tính hữu ích các thành phần môi trường vì vậy các bản án về hành vi vi phạm quan hệ pháp luật môi trường thực sự rất hạn chế. Tình trạng này cũng tương tự xảy ra đối với các quyết định hành chính do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Xuất phát từ đặc trưng của quan hệ pháp luật môi trường và sự hạn chế khách quan đang tồn tại, trong quá trình lựa chọn các tình huống phát sinh trong Bộ tình huống, các tác giả hướng đến việc đặt ra các tình huống giả định để cung cấp góc nhìn thực tiễn cho sinh viên. Các tình huống

giả định được lựa chọn phải đáp ứng tiêu chí "có tính khả thi" hoặc "có khả năng phát sinh cao" trong thực tiễn đời sống thay vì những tình tiết giả định xa vời thực tiễn, không có nhiều ý nghĩa trong quá trình tiếp cận, nhìn nhận thực tiễn. Ở một góc nhìn khác, các tình huống giả định trong trường hợp này rèn luyện cho sinh viên khả năng đưa ra, nhìn nhận, dự báo trước những tình huống có thể phát sinh trong lĩnh vực môi trường vốn dĩ luôn có sự tác động qua lại giữa các thành phần môi trường khác nhau. Trong bối cảnh các quan hệ xã hội được thúc đẩy cơ chế phát triển như hiện nay, việc đưa ra trước những "viễn cảnh" đối với môi trường tạo ra những sự chuẩn bị tốt hơn cho quá trình ứng phó, xử lý các hệ lụy từ môi trường sinh thái, phù hợp với nguyên tắc coi trọng tính phòng ngừa do pháp luật môi trường đặt ra.

*Thứ tư,* tình huống điển hình phải đồng thời hướng đến mục đích tạo môi trường rèn luyện các kỹ năng mềm cho sinh viên. Trong quá trình tiếp cận nội dung tình huống điển hình trong học phần Luật môi trường, sinh viên phải được tiếp xúc và rèn luyện thuần thục 4 kỹ năng cơ bản bao gồm: i) Kỹ năng đọc tình huống và phát hiện vấn đề pháp lý cần điều chỉnh; ii) Kỹ năng lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp để điều chỉnh; iii) Kỹ năng tư duy, phản biện và tranh luận, đưa ra quan điểm làm rõ vấn đề và iv) Kỹ năng kết thúc vấn đề. Ví dụ như, tình huống điển hình đặt ra trong quá trình giải quyết về tranh chấp môi trường, trước nhất, thông qua nội dung tình huống, sinh viên phải tự nhiên cứu là nhìn nhận những vấn đề pháp lý phát sinh bao gồm sự suy giảm về chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường do sự tác động tiêu cực của con người trong đời sống và sự xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của những chủ thể có liên quan do ô nhiễm môi trường gây ra. Từ các vấn đề pháp lý trọng tâm được xác định rõ, sinh viên lựa chọn các quy phạm pháp luật trong quan hệ pháp luật về môi trường và quan hệ pháp luật dân sự để cùng áp dụng giải quyết hiệu quả vấn đề. Trong quá trình phát sinh tranh chấp, nhiều vấn đề pháp lý luôn được đặt ra như cơ chế giải quyết tranh chấp như thế nào cho hiệu quả; trình tự, thủ tục trong quá trình giải quyết tranh chấp nói chung, tranh chấp

trong lĩnh vực môi trường nói riêng... là những vấn đề sinh viên cần đặt ra và tự đưa ra quan điểm để giải quyết. Để giúp nhìn nhận cấc vấn đề bao quát, hiệu quả, hoạt động này được tiến hành dưới hình thức nghiên cứu theo nhóm sinh viên. Dựa trên các vấn đề, các định hướng xuất phát từ các quan điểm cá nhân, sinh viên tự quyết định hướng điều chỉnh cuối cùng sao cho phù hợp và hiệu quả nhất ở giai đoạn kết thúc vấn đề. Ở giai đoạn này, nội dung kết thúc, giải quyết vấn đề không phải trong trường hợp nào cũng được giải quyết hiệu quả như yêu cầu chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường và hậu quả thực tế cộng đồng dân cư phải gánh chịu trên cơ sở tính tác động trực tiếp là không hề dễ dàng, đôi khi được nhìn nhận là yếu tố thiếu tính khả thi. Với nội dung này, lồng ghép các thực trạng quy định của pháp luật trong lĩnh vực môi trường, thúc đẩy sinh viên tự đưa ra các định hướng nhằm hoàn thiện cơ chế pháp lý, đảm bảo cơ chế vận hành pháp luật một cách thống nhất và hiệu quả trên thực tế.

Với những tiêu chí cụ thể đặt ra đối với việc lựa chọn các tình huống điển hình trong quan hệ pháp luật về môi trường, để đảm bảo áp dụng hiệu quả mục đích đặt ra của Bộ tình huống, trước khi tiếp cận vấn đề, sinh viên cần tự xác định được các từ khóa của vấn đề, tạo sự thuận lợi cho quá trình tiếp cận hiệu quả và lựa chọn chính xác các quy phạm pháp luật để áp dụng giải quyết. Việc lựa chọn chính xác quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật rộng lớn không phải là vấn đề dễ dàng mà tra cứu văn bản pháp lý là một kỹ năng. Xuất phát từ bản chất là ngành luật mang tính độc lập tương đối nên Luật Môi trường trong quá trình vận hành vào thực tiễn đời sống có mối liên kết mật thiết với các ngành luật khác, điều này đồng nghĩa việc một vấn đề pháp lý trong quan hệ pháp luật môi trường bên cạnh sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật trong lĩnh vực này còn có sự liên kết với các quy phạm pháp luật trong các ngành luật khác, buộc sinh viên phải tự tìm hiểu, nghiên cứu kỹ lưỡng để giải quyết các vấn đề đặt ra. Trên cơ sở các quy phạm pháp luật đã được lựa chọn, trải qua quá trình tư duy phản biện, mỗi sinh viên tự đưa ra những định hướng làm

sáng tỏ vấn đề dựa trên quan điểm cá nhân. Trên cơ sở bàn bạc, thảo luận chung thống nhất, các sinh viên tự mình phân tích, làm rõ những hạn chế còn tồn tại trong các quan điểm đưa ra với mục đích lựa chọn cách thức tối ưu nhất, hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề.

Để áp dụng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh từ các tình huống được đưa ra, trình tự các bước được áp dụng đối với cả sinh viên và giảng viên cần được áp dụng, cụ thể là:

***Thứ nhất,*** đối với giảng viên. Với vai trò là chủ thể trực tiếp định hướng, đưa ra các tình huống chứa đựng các vấn đề pháp lý cho sinh viên tự nghiên cứu, trong quá trình đưa nội dung Bộ tình huống vào quá trình giảng dạy, giảng viên cần:

+ Giảng viên cần hiểu rõ tầm quan trọng của việc sử dụng nội dung Bộ tình huống điển hình vào giảng dạy, trên cơ sở này khoanh vùng nội dung những kiến thức trọng tâm muốn truyền dạy đến sinh viên trong từng buổi học để có sự lựa chọn nội dung tình huống hợp lý. Ở bước này, giảng viên phải đồng thời đặt ra và giải quyết được các câu hỏi: Nội dung kiến thức lý luận bao gồm những vấn đề trọng tâm nào? Vấn đề pháp lý cần trao đổi liên quan đến nội dung trao đổi là gì? Những kỹ năng nào liên quan đến kiến thức pháp lý được trao đổi cần rèn luyện, thúc đẩy cho sinh viên? Và Sinh viên sẽ học hỏi được gì sau quá trình tiếp cận nội dung tình huống? Trả lời cho các câu hỏi trên, giảng viên sẽ đảm bảo được tính hiệu quả bước đầu của Bộ tình huống khi lựa chọn chính xác vấn đề pháp lý cần giải quyết, giúp sinh viên nắm được các vấn đề trọng tâm, tránh lan man, dàn rải, ảnh hưởng đến hiệu quả học tập. Trên cơ sở các nội dung lý thuyết đang được trao đổi, sinh viên cũng dễ dàng hơn trong việc khoanh vùng trọng tâm về đối tượng điều chỉnh của các văn bản pháp lý để lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp cũng dễ dàng hơn, đảm bảo hiệu quả giải quyết vấn đề. Ngoài ra, đối với sinh viên, người học việc sử dụng Bộ tình huống vào quá trình học tập là một hình thức còn khá mới, do vậy cần có những nội dung định hướng rõ ràng để đối tượng này có những hướng tiếp cận đúng

đắn và hiệu quả vấn đề, đảm bảo được mục tiêu đặt ra của Bộ tình huống. Theo đó, giảng viên cần thực hiện vai trò là "người dẫn dắt", hướng dẫn sinh viên về việc sử dụng Bộ tình huống từ những vấn đề cơ bản nhất như cơ cấu của Bộ tình huống, cơ cấu của từng tình huống có trong Bộ tình huống, các yêu cầu đặt ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập của sinh viên trong quá trình nghiên cứu, tiếp cận nội dung Bộ tình huống đến những định hướng cụ thể về tình huống nào được áp dụng trong các buổi giảng dạy để sinh viên tự mình nghiên cứu trước để dễ dàng tiếp cận vấn đề hơn.

+ Sau khi lựa chọn tình huống phù hợp để đưa vào buổi giảng dạy cho sinh viên giải quyết, giảng viên tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc gợi mở các vấn đề, định hướng giải quyết vấn đề từ tình huống cho sinh viên, giúp hoạt động học tập của sinh viên từ tình huống có sự thu hẹp về phạm vi và tác động trực tiếp vào vấn đề, tránh lan man để tiết kiệm thời gian hạn hẹp trên giảng đường. Theo đó, giảng viên cần giải thích chi tiết về tình huống cũng như làm rõ vai trò của sinh viên khi tham gia vào giải quyết tình huống. Tuy nhiên, cần lưu ý đến vai trò định hướng giải quyết vấn đề của giảng viên, kể cả hoạt động giải thích chi tiết tình huống cũng chỉ nhằm mục đích định hướng, thu gọn phạm vi nghiên cứu các văn bản pháp luật cho sinh viên khi xác định đúng vấn đề, giúp tiết kiệm thời gian cho việc đưa ra các quan điểm và lập luận cá nhân để làm rõ vấn đề thay vì làm thay cho sinh viên. Trong phương thức đào tạo theo học chế tín chí, sinh viên là chủ thể trung tâm của hoạt động nghiên cứu, xuất phát từ những định hướng, tiếp cận thống nhất ban đầu về đối tượng tác động, sinh viên tự làm sáng tỏ vấn đề thông qua một loạt các kỹ năng cần thiết như đọc vấn đề, tư duy phản biện, lập luận, kết thúc vấn đề.

***Đối với sinh viên*** trong quá trình nghiên cứu, áp dụng nội dung Bộ tình huống điển hình cần lưu ý cách thức tiến hành việc nghiên cứu một tình huống cụ thể để đảm bảo tính hiệu quả gồm:

+ Trên cơ sở các nội dung thống nhất đã được giảng viên tiếp cận, định hướng,

sinh viên cần nhanh chóng khoanh vùng các từ khóa, hay cụ thể hơn là phạm vi đối tượng cần điều chỉnh, tạo sự dễ dàng, nhanh chóng, hiệu quả cho việc lựa chọn các quy phạm pháp luật để áp dụng vào quá trình giải quyết. Sau khi đã lựa chọn các quy phạm pháp luật có liên quan đến đối tượng cần điều chỉnh, sinh viên cần chỉ rõ cơ sở pháp lý, làm nền tảng cho việc giải quyết vấn đề. Cần lưu ý, cơ sở pháp lý sinh viên cần chỉ ra rõ ràng theo bố cục Điều, Khoản, Điểm. Các cơ sở pháp lý đưa ra phải có mối liên quan mật thiết đến vấn đề pháp lý cần giải quyết hoặc đóng vai trò quan trọng trong việc liên kết đến các quy định khác có liên quan để làm sáng tỏ vấn đề. Ngoài ra, cùng một tình huống giải quyết có thể áp dụng đồng thời nhiều quy định pháp luật khác nhau. Nhiệm vụ của sinh viên khi tìm hiểu về vấn đề này không đồng thời với việc liệt kê các Điều khoản này ra mà còn cần đến kỹ năng sắp xếp theo trình tự các nội dung để đảm bảo việc tiếp cận vấn đề mang tính logic, thống nhất và bước đầu thuyết phục được cách thức gợi mở vấn đề. Ví dụ như trong tình huống điển hình phát sinh trong quá trình bảo tồn nguồn tài nguyên đa dạng sinh học, một hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc bắn chết 01 cá thể Voọc chà vá chân nâu do đối tượng Trần Văn Thủ Đô (sinh năm 1985) và Hồ Văn Diên (sinh năm 1982) cùng trú tại thôn 4, xã Thượng Long, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện, xảy ra ngày 23/5/2018[2] đồng thời các nội dung pháp lý sau sẽ được nhìn nhận, gồm: i) Hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học nói chung, bảo tồn các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng; ii) Mức độ nguy hại cho môi trường sinh thái của hành vi vi phạm và iii) Các biện pháp xử phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật. Dựa trên các vấn đề này, cơ sở pháp lý sẽ được áp dụng để điều chỉnh theo trình tự áp dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về bảo tồn nguồn tài nguyên đa dạng sinh học, pháp luật hành chính hoặc căn cứ vào mức độ tác động có thể áp dụng các quy định của pháp luật hình sự. Với

[2] Bản án số 05/2018/HS-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế về tội danh *"Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ"*.

cách thức tiếp cận nội dung các nền tảng pháp lý theo trình tự như trên, việc gợi mở vấn đề sẽ trở nên dễ dàng hơn, giúp hoạt động lý luận sẽ được tiến hành hiệu quả.

+ Sau khi lựa chọn, dẫn chiếu chính xác các cơ sở pháp lý để vận dụng vào quá trình giải quyết, sinh viên sẽ tự đặt ra những câu hỏi để hướng đến giải quyết vấn đề theo hướng đa diện, tổng thể nhất. Trong giai đoạn này, sinh viên sẽ tự mình lập luận, đưa ra những quan điểm để giải quyết vấn đề trên cơ sở bám sát nội dung điều chỉnh của các cơ sở pháp lý được đưa ra. Lý luận làm rõ vấn đề có ý nghĩa trong việc giúp sinh viên tự thuyết phục bản thân mình về các quan điểm, định hướng đưa ra mà còn tạo ảnh hưởng đến suy nghĩ của các sinh viên khác khi tham gia vào cùng một nhóm học tập. Các quan điểm được đưa ra đều được cân nhắc, phân tích, bàn luận kỹ càng để hướng đến việc lựa chọn quan điểm tối ưu nhằm giải quyết vấn đề. Để thực hiện vai trò này, buộc phải có sự phân công về vai trò cho từng sinh viên có trong nhóm học tập theo nguyên tắc phân công tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích các quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực, sinh viên sau đó sẽ cùng trao đổi trong nhóm để giải quyết hiệu quả từng vấn đề riêng lẻ, tạo ra thành quả chung trong giải quyết tình huống.

+ Dựa trên các cơ sở pháp lý được đưa ra, trải qua quá trình lập luận, tư duy, phản biện  của mỗi sinh viên và từng nhóm sinh viên học tập, việc kết thúc vấn đề, đưa ra hướng giải quyết cuối cùng đối với tình huống là hoạt động cuối cùng. Ví dụ, hành vi săn bắt cá thể Voọc chà vá chân nâu của các đối tượng trên địa bàn huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế được xem là hành vi xâm phạm đến các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, được quy định tại Phụ lục II Nghị định 32/2006/NĐ-CP và Nghị định số 160/2013/NĐ-CP. Căn cứ các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hành vi của các chủ thể buộc phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật gây ra.

Nhằm thúc đẩy khả năng học hỏi, vận dụng vấn đề, thúc đẩy sinh viên tư duy

lý luận sáng tạo, một số tình huống đưa ra là tình huống mở. Nhóm tác giả chỉ đưa các nội dung từ tình huống, việc gợi mở, giải quyết vấn đề hoàn toàn thuộc về sinh viên. Trên cơ sở các quan điểm tiếp cận được sinh viên đưa ra, giảng viên cần tiến hành đánh giá tính hợp lý/chưa hợp lý trong quan điểm tiếp cận (nếu có) để giúp sinh viên nhìn nhận vấn đề chuẩn xác, trọn vẹn hơn. Việc đánh giá, nêu rõ những hạn chế trong quan điểm lập luận của sinh viên giúp sinh viên hiểu rõ lí do không tiếp cận, giải quyết vấn đề như sinh viên đã đề xuất.

# Chương 2.
# TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH HỌC PHẦN LUẬT MÔI TRƯỜNG

## 2.1. Nhóm tình huống điển hình trong kiểm soát ô nhiễm môi trường

### *2.1.1. Cơ sở lý luận về kiểm soát ô nhiễm môi trường*

Ô nhiễm môi trường là trạng thái môi trường trong đó xảy ra sự biến đổi các thành phần môi trường không phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, các tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến đời sống con người và sinh vật.[3] Trên cơ sở khái niệm ô nhiễm môi trường được đưa ra, khái niệm tiếp cận về kiểm soát ô nhiễm cũng được nhìn nhận, quy định thống nhất khi xem đây là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm. Xuất phát từ các tiếp cận về nội hàm các khái niệm như trên, ô nhiễm môi trường trong đời sống thực tiễn xảy ra do hành vi đưa vào môi trường các chất gây ô nhiễm dưới các dạng khác nhau (thể rắn, thể lỏng, thể khí, là chất hóa học, chất phóng xạ hay các dạng vật chất khác..) làm biến đổi trạng thái cân bằng, hài hòa của diễn thế sinh thái trong trạng thái bình thường. Cơ chế biến đổi này phải diễn ra theo chiều hướng tiêu cực trên cơ sở đối chiếu định

[3] Khoản 8, Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

lượng rõ ràng bằng các quy định của pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các tiêu chuẩn môi trường kéo theo là sự xuống cấp về chất lượng đời sống của con người.

Rõ ràng môi trường là một thành tố đặc thù, có mối quan hệ mật thiết với đời sống con người, vì vậy khi xảy ra những hệ lụy tiêu cực đến môi trường sinh thái, con người là chủ thể phải gánh chịu những hậu quả này. Cơ chế này giúp nhìn nhận tầm quan trọng trong cơ chế kiểm soát về ô nhiễm môi trường khi xem hoạt động ngăn chặn, phòng ngừa các vấn đề về ô nhiễm môi trường phát sinh đóng vai trò chính yếu trong việc gìn giữ các giá trị sinh thái, thực hiện tốt giai đoạn này sẽ dễ dàng hơn trong việc đối phó, giải quyết các vấn đề về môi trường sinh thái. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc kiểm soát ô nhiễm môi trường được thể hiện rõ thông qua các cơ chế đặc thù như tiến hành thu thập, công bố thông tin môi trường đến rộng rãi cộng đồng dân cư để nhìn nhận tổng quan về thực trạng môi trường; tiến hành việc quy hoạch bảo vệ môi trường; kiểm tra phương diện môi trường của các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh và thực hiện cơ chế quản lý chất thải một cách hiệu quả. Nói ngắn gọn, thông qua nội dung chương này, sinh viên cần nắm rõ những nội dung chính bao gồm:

(1) Các cơ chế quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường (thu thập thông tin môi trường, kiểm tra phương diện môi trường của các chủ thể kinh doanh và hoạt động quy hoạch bảo vệ môi trường). Xuất phát từ bản chất của hoạt động sản xuất kinh doanh luôn tiềm tàng những mối nguy hại về vấn đề bức tử môi trường, vì vậy bên cạnh việc đáp ứng những điều kiện đặt ra đối với việc thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh, pháp luật đặt ra cơ chế tiến hành giám sát tập trung vào việc thực hiện trách nhiệm về môi trường, tập trung giao cho chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, làm căn cứ pháp lý vững vàng để truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể khi xảy ra hành vi vi phạm.

(2) Nắm bắt các vấn đề pháp lý trong các quy định đặt ra đối với vấn đề quản

lý, xử lý chất thải hiện nay. Cũng nằm trong xu hướng chung với tất cả các quốc gia trên thế giới, việc phát thải và quản lý chất thải luôn là vấn đề "nóng" tại Việt Nam. Hiện nay, việc quản lý chất thải được áp dụng theo một trong 3 mô hình, bao gồm quản lý chất thải cuối đường ống sản xuất, quản lý chất thải theo đường ống sản xuất và đánh vào thị trường tiêu dùng. Mặc dù nhìn nhận tính hiệu quả đáng kể trong việc xử lý các chất độc hại có trong các vật chất thải bỏ sau quá trình sản xuất, kinh doanh của phương pháp quản lý chất thải theo đường ống sản xuất, tuy nhiên chính sự tốn kém đáng kể về mặt chi phí đầu tư, vận hành hệ thống, trang thiết bị máy móc là rào cản đối với các doanh nghiệp khi áp dụng mô hình này vào quản lý chất thải khi yếu tố lợi nhuận vẫn luôn là tiền đề xuyên suốt mà họ hướng đến. Trong bối cảnh các nhà sản xuất bằng mọi cách tạo ra được tối đa những khoản lợi nhuận trong quá trình sản xuất kinh doanh như tại các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, phương pháp quản lý chất thải cuối đường ống sản xuất mặc dù kém hiệu quả hơn nhưng ít tốn kém nên rõ ràng nó mang tính khả thi cao hơn. Đối với phương pháp còn lại, việc đánh vào thị trường tiêu thụ được thực hiện đồng thời ở 2 góc độ: tác động từ phía doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất và cả người tiêu dùng. Đối với chủ thể là các nhà sản xuất, cơ chế ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ các chính sách, đặc biệt là chính sách áp thuế suất thấp đối với các loại hàng hóa, nguyên, vật liệu thân thiện với môi trường các doanh nghiệp sử dụng hoặc các công trình bảo vệ môi trường mà doanh nghiệp đã đầu tư trên nguyên tắc ghi nhận vai trò bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Với cơ chế này, doanh nghiệp được trao một lợi thế rất lớn khi giá cả hàng hóa, dịch vụ trên thị trường mang tính cạnh tranh hơn so với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cùng loại của các doanh nghiệp khác không được hưởng ưu đãi về thuế. Hệ quả là hàng hóa, dịch vụ của họ dễ dàng tiếp cận, được người tiêu dùng lựa chọn nhiều hơn. Cũng từ mô hình này, thúc đẩy các doanh nghiệp trên thị trường buộc phải thực hiện vai trò bảo vệ môi trường để được hưởng những ưu đãi từ góc độ nhà nước, nếu không muốn bị tụt hậu,

bị bỏ lại phía sau trên thương trường. Ở phía chủ thể còn lại, với giá cả cạnh tranh hơn, người tiêu dùng sẽ có xu hướng lựa chọn các sản phẩm của các doanh nghiệp có bảo vệ môi trường, vừa "lợi" về túi tiền, vừa bảo vệ môi trường hiệu quả. Ở một góc nhìn khác, ở các quốc gia nơi có nhận thức của người dân đủ hiệu quả về các quyền con người cơ bản, trong đó có quyền được sống trong môi trường trong lành, làn sóng tẩy chay, phản đối sử dụng hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp chỉ tập trung vào những giá trị vật chất đơn thuần và không thể hiện được trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường, một lần nữa buộc doanh nghiệp phải hoặc là thay đổi, hoặc là chấp nhận "dừng cuộc chơi" do bị người tiêu dùng quay lưng.

Để giải quyết những hạn chế nhất định trong các phương thức quản lý chất thải hiện nay, các quốc gia trên thế giới lần lượt chuyển sang phương thức quản lý chất thải mới – phương pháp sản xuất sạch hơn. Nếu như các phương thức đang sử dụng chỉ tập trung giải quyết ở giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất, giai đoạn giải quyết, loại bỏ các yếu tố độc hại của vật chất thải bỏ khi đưa ra môi trường sinh thái thì với "sản xuất sạch hơn" việc bảo vệ môi trường tập trung ngay từ yếu tố nguyên liệu đầu vào. Nguyên liệu sạch, ưu tiên sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường sẽ làm giảm gánh nặng cho vấn đề giải quyết, loại bỏ yếu tố độc hại có trong chất thải, đồng thời còn giúp các doanh nghiệp tiết kiệm các chi phí trong quá trình sản xuất, kinh doanh khi có thể tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu cho quá trình tiếp theo. Việt Nam cũng nhìn nhận những tác động tích cực từ phương pháp này và bước đầu cho thấy những biến chuyển tích cực.

Về vấn đề xử lý chất thải, hiện nay có nhiều phương thức vận hành khác nhau như đốt chất thải, chôn lấp chất thải, tái chế, tái sử dụng chất thải… tùy thuộc vào mục đích sử dụng. Tại Việt Nam, vấn đề chất thải, đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt vẫn chưa được phân loại cụ thể thành chất thải hữu cơ và chất thải vô cơ như luật định. Xuất phát từ thực trạng này, việc áp dụng các phương thức chôn lấp hay đốt

chất thải ở Việt Nam được áp dụng cho tiết kiệm được chi phí, ít đầu tư vào công nghệ nhưng nhìn nhận đây là những hành vi có ảnh hưởng tiêu cực rất lớn đến môi trường sinh thái. Việc áp dụng các phương pháp này đòi hỏi phải tiến hành phân loại chất thải hiệu quả, áp dụng hạ tầng, trang thiết bị hiện đại, điều mà ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay chưa nhìn nhận rõ ràng.

### *2.1.2. Tình huống điển hình*

**Tình huống 1.**[4] Ông Mai Vũ Kiên sinh ngày 19/3/1980 sinh sống tại Tổ 2, khu Dã Hương, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng (Số CMND: 080396961 do Công an tỉnh Cao Bằng cấp ngày 30/6/2017) thực hiện hành vi nghiền cát tại địa chỉ Tổ 2, khu Dã Hương, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng mà không có hệ thống ao, bể để xử lý lắng bùn thải mà xả toàn bộ hỗn hợp nước, cát nghiền, bùn thải trực tiếp xuống sông gây ô nhiễm môi trường. Hành vi của ông Kiên đã bị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 41/BB-VPHC vào lúc 10 giờ 05 phút ngày 04/6/2019.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật, xác định hành vi của ông Mai Vũ có phải là hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường hay không? Nêu cơ sở pháp lý?

***<u>Định hướng vấn đề</u>***

Đối chiếu với các hành vi được thu thập khách quan từ tình tiết vụ án, có thể thấy hành vi của ông Mai Vũ Kiên trong trường hợp này là hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm môi trường, vi phạm đến các quy định của pháp luật về xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, kinh doanh, trong đời sống hàng ngày vào môi trường sinh thái. Căn cứ quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ban hành ngày 18/1/2016 của Chính phủ quy định về xử

[4] Quyết định số 23/QĐ-XPVPHC do Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng ban hành ngày 10/6/2019 về việc xử phạt hành chính đối với hành vi không có hệ thống xử lý chất thải khi đưa vào môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**Tình huống 2.**[5] Vụ việc ngày ra vào ngày 08/11/2018 khi tài xế Quách Văn Sáng (nhân viên của Công ty TNHH giấy Vĩnh Nghiệp có trụ sở tại đường số 10, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) có hành vi dùng xe hút hầm cầu mang BKS 43C-116.03 đổ nhớt thải của Công ty TNHH giấy Vĩnh Nghiệp xuống cống thoát nước đô thị. Cụ thể Công ty TNHH giấy Vĩnh Nghiệp tiến hành chuyển giao 2200 kg chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất cho tài xế Quách Văn Sáng để đối tượng này đổ trực tiếp xuống cống thoát nước đô thị vào lúc 22h00 cùng ngày. Trong lúc thực hiện hành vi (tiến hành thải đổ được 80kg chất thải), hành vi trên bị lực lượng Cảnh sát môi trường thành phố Đà Nẵng bắt quả tang và tiến hành truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với tài xế Sáng và cả Công ty TNHH giấy Vĩnh Nghiệp. Qua quá trình điều tra làm rõ, tài xế Sáng không có giấy phép về việc xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Dựa trên các tình tiết khách quan của hành vi vi phạm pháp luật nói trên, cùng với thái độ tự nguyện của tài xế và Công ty trong quá trình điều tra, làm rõ hành vi vi phạm, cơ quan chức năng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các chủ thể trên. Từ tình huống đặt ra, hãy giải quyết các vấn đề:

1. Xác định hành vi xâm hại đến quan hệ pháp luật được bảo vệ trong trường hợp trên? Công ty TNHH giấy Vĩnh Nghiệp có phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm từ tình huống phát sinh hay không?

2. Làm rõ các điều kiện pháp lý đối với giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

***Định hướng vấn đề***

*Vấn đề 1.* Căn cứ vào các tình tiết khách quan từ hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể phát sinh từ tình huống đưa ra, các hành vi trên xâm phạm đến các đối tượng điều chỉnh được pháp luật môi trường hướng đến bảo vệ. Căn cứ Khoản 5, 6

[5] Quyết định số 33/QĐ-XPVPHC do Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành ngày 12/11/2018 về việc xử phạt hành chính đối với hành vi xả chất thải ra môi trường trái quy định của pháp luật.

Điều 22 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường cho thấy cả Công ty TNHH giấy Vĩnh Nghiệp và tài xế Sáng đều phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật nêu trên.

*Vấn đề 2.* Giấy phép xử lý chất thải nguy hại là "chứng từ" bắt buộc đối với các cá nhân, tổ chức khi muốn hoạt động trong lĩnh vực này. Việc cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại đối với các tổ chức, cá nhân được đảm bảo cơ chế vận hành chặt chẽ, cụ thể. Căn cứ vào quy định tại Điều 31 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ban hành ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ban hành ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu và Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ban hành ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường.

Thông qua các quy định của pháp luật về điều kiện được cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại có thể nhận thấy những yêu cầu khắt khe được thiết lập nhằm đảm bảo tính hiệu quả về trình độ chuyên môn, kỹ thuật của chủ thể được cấp phép để đảm bảo hiệu quả xử lý các nguồn vật chất thải bỏ chứa đựng các yếu tố nguy hại, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra đối với môi trường sinh thái sau quá trình sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên nhìn nhận ở một góc độ khác, xuất phát từ những điều kiện ngặt nghèo mà pháp luật đặt ra đối với giấy phép xử lý chất thải nguy hại nên rất ít doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được cấp giấy phép xử lý chất thải vì vậy trong quá trình tìm cách xử lý các vật chất nguy hại này thường có hành vi lẩn tránh, thực hiện các hành vi trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về môi trường mà pháp luật hướng đến bảo vệ.

**Tình huống 3.** Anh Trần Văn B, là chủ quán cà phê X tọa lạc trên địa bàn phường M, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, quán cà phê do anh B làm chủ thường xuyên thải nước thải trực tiếp vào môi

trường sinh thái với hàm lượng thải ổn định ở mức 45$m^3$/ngày (24 giờ) mà không hề qua một quá trình xử lý hay cơ chế, máy móc vận hành nào. Trên cơ sở ý kiến phản ánh của cộng đồng dân cư sinh sống xung quanh địa bàn quán cà phê nói trên, chủ tịch UBND phường M đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với anh B, buộc anh B phải nộp khoản tiền phạt là 15.000.000 đồng. Qua quá trình làm rõ, thành phần nước thải đưa vào môi trường không chứa các thành phần nguy hại. Dựa vào tình huống đặt ra, hãy làm rõ các vấn đề sau:

1. Hành vi xả nước thải trực tiếp ra môi trường sinh thái mà không qua hệ thống xử lý chất thải của quán cà phê do anh B làm chủ có phải là hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường hay không? Làm rõ căn cứ pháp lý?

2. Giả sử anh B cho rằng việc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND phường M trong trường hợp này là trái quy định của pháp luật. Dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, hãy định hướng giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh B.

***Định hướng vấn đề.***

*Vấn đề 1.* Hành vi xả nước thải ra môi trường sinh thái chưa qua quá trình xử lý không đương nhiên là hành vi gây ô nhiễm môi trường để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể thực hiện hành vi. Điều này đồng nghĩa với việc, trong tình huống nêu trên, không thể nhanh chóng quy kết hành vi xả thải ra môi trường từ quán cà phê do anh B làm chủ là trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với anh B do hành vi xả thải nước thải ra môi trường sinh thái chỉ có căn cứ khi đáp ứng các quy định của pháp luật về việc xác định tình trạng có hay không ô nhiễm môi trường xảy ra.

*Vấn đề 2.* Trường hợp anh B nhận biết hoặc cho rằng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND phường X là trái quy định của pháp luật hoặc xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân mình, anh B có thể lựa chọn một trong các hướng giải quyết sau:

(1) Làm đơn khởi kiện gửi đến TAND có thẩm quyền theo quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015

(2) Làm đơn khiếu nại hoặc thực hiện việc khiếu nại trực tiếp lần đầu căn cứ quy định của pháp luật tại Điều 7, 8, 9 Luật Khiếu nại năm 2011. Trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, anh B có thể khiếu nại lần 2 lên cấp trên trực tiếp của cấp ban hành Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại.

## 2.2. Nhóm tình huống điển hình trong đánh giá môi trường

### *2.2.1. Cơ sở lý luận về đánh giá môi trường*

Hoạt động đánh giá môi trường đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc bảo vệ, gìn giữ giá trị của môi trường sinh thái. Đánh giá môi trường là thuật ngữ chung được sử dụng để điều chỉnh đồng thời 03 quy trình bao gồm: Đánh giá tác động môi trường (ĐTM), đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và Kế hoạch bảo vệ môi trường (KBM). Mỗi quy trình nói trên có đối tượng tác động riêng và chủ thể thực hiện cũng khác nhau. Cụ thể nếu như hoạt động ĐTM tác động trực tiếp lên các dự án sản xuất, kinh doanh cụ thể, buộc các chủ dự án phải trực tiếp thực hiện báo cáo hoặc thông qua một tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ về báo cáo ĐTM thực hiện để quá đó đưa ra những định hướng, dự báo chiều hướng tác động đối với diễn thế sinh thái khi triển khai, đưa dự án vào vận hành thì quy trình ĐMC trong trường hợp này lại thuộc về trách nhiệm của cơ quan nhà nước khi nhìn nhận kỹ càng trong việc ban hành các cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từ đó có hướng điều chỉnh phù hợp, hạn chế những tác động tiêu cực từ các cơ chế quản lý chính sách lên môi trường sinh thái, tạo động lực thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững đặt ra. Cũng theo quy định của pháp luật, KBM được xem là hoạt động ĐTM ở mức độ đơn giản. Như vậy, với những tiếp cận thống nhất về hoạt động đánh giá môi trường theo quy định của pháp luật, có thể nhận thấy được tầm quan trọng đặc biệt của cơ chế này vào sự nghiệp bảo vệ

môi trường sinh thái.

Có thể nói hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung, pháp luật về đánh giá môi trường nói riêng đã nhận được sự quan tâm điều chỉnh đúng mức, được ghi nhận rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ban hành ngày 13/5/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường với các cơ chế vận hành đủ hiệu quả, đảm bảo thực thi các quy định của pháp luật về đánh giá môi trường thực sự phát sinh vai trò là công cụ quản lý quan trọng trong bảo vệ, gìn giữ giá trị của tài nguyên môi trường. Trên thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực này, các hành vi vi phạm pháp luật vẫn còn diễn ra, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả bảo vệ môi trường sinh thái. Điển hình như các hành vi trốn tránh trách nhiệm về lập báo cáo ĐTM, không công khai nội dung về ĐTM hoặc có lập báo cáo ĐTM với đầy đủ các cam kết về nghĩa vụ, báo cáo sau đó được tiến hành thẩm định, phê duyệt theo đúng thủ tục, trình tự luật định nhưng các chủ thể có trách nhiệm cố tình trốn tránh các nghĩa vụ, trách nhiệm như đã cam kết trong báo cáo được phê duyệt. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh với quy mô nhỏ lẻ, hành vi vi phạm dễ dàng bắt gặp trên thực tiễn điển hình như hành vi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không tiến hành trách nhiệm đăng ký, thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Thông qua các tình huống điển hình được đưa ra trong nhóm quan hệ pháp luật về đánh giá môi trường, sinh viên cần nắm rõ một số đặc trưng cơ bản sau:

- Hiểu rõ, nắm bắt về nội hàm, mục đích, yêu cầu, ý nghĩa của quá trình đánh

giá môi trường;

- Phân biệt, lựa chọn chính xác các trường hợp cụ thể phải thực hiện ĐTM, ĐTM, KBM

- Hình thành các quan điểm cá nhân hướng đến giải quyết vấn đề.

***2.2.2. Tình huống điển hình***

**Tình huống 4.**[6] Công ty Cổ phần thép DANA – Ý và Công ty Cổ phần thép Dana – Uc có trụ sở đóng tại Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình tiến hành hoạt động, sản xuất kinh doanh, 2 Công ty nói trên có hành vi gây ra ô nhiễm môi trường, không tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, gây phản ứng mạnh trong cộng đồng dân cư. Chính quyền địa phương đã rất nhiều lần ghi nhận lại thực trạng người dân sinh sống xung quanh các nhà máy thép nói trên tập trung trước cổng nhà máy để phản đối, yêu cầu nhà máy ngừng hoạt động sản xuất do gây ra ô nhiễm môi trường. Trên cơ sở ý kiến phản ánh của cộng đồng dân cư, ngày 26/11/2018, lãnh đạo UBND thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần thép DANA – Ý (đường số 11B, Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng) đối với các hành vi vi phạm bao gồm: thực hiện không đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án "Đầu tư dây chuyền luyện thép 200.000 tấn/năm và dây chuyền cán thép 200.000 tấn/năm" tại địa bàn nói trên; không có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) đối với Dự án trên; không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng trong quá trình triển khai, thi công Dự án theo đúng quy định của pháp luật. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND thành phố Đà Nẵng cũng được ban hành đối

[6] Quyết định xử phạt số 5585/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

với Công ty Cổ phần thép Dana – Uc, truy cứu trách nhiệm pháp lý của Công ty này đối với các hành vi vi phạm bao gồm: thực hiện không đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án "Đầu tư nhà máy thép Xuân Hưng" (tên dự án cũ của Công ty Cổ phần thép Dana – Uc) tại Lô C10-C19 đường số 1, Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án nói trên; không có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) đối với Dự án trên; không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng của Dự án "Đầu tư nhà máy thép Xuân Hưng" theo đúng quy định của pháp luật.

Dựa vào tình huống đưa ra, kết hợp các nội dung lý luận được trao đổi, hãy giải quyết các vấn đề sau:

1. Phát hiện, làm rõ các vấn đề pháp lý phát sinh từ tình huống nêu trên? Nêu cơ sở pháp lý cho từng vấn đề?

2. Hãy xác định mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm của Công ty thép DANA – Ý và Dana – Uc trong trường hợp trên? Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền xử phạt đối với trường hợp này không?

***Định hướng vấn đề***

*Vấn đề 1*. Trong trường hợp trên, căn cứ vào các tình tiết khách quan được cung cấp, các vấn đề pháp lý cần được nhìn nhận bao gồm:

(1) Hành vi thực hiện không đúng nội dung báo cáo ĐTM và các yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Công ty Cổ phần thép DANA – Ý, căn cứ Khoản 1 Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Trên cơ sở Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, Công ty có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ được trao.

(2) Hành vi không lập lại báo cáo ĐTM của Công ty Cổ phần thép Dana – Uc, căn cứ quy định tại Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Hành vi trốn tránh trách nhiệm trong trường hợp này của Công ty bị truy cứu trách nhiệm pháp lý là có căn cứ pháp lý.

(3) Hành vi không có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành dự án theo quy định tại cột (4) Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP về việc lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.

(4) Hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng đối với các dự án của các Công ty thép nói trên.

Dựa vào quy định tại Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu, hành vi không lưu trữ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến chất thải nguy hại của Công ty thép DANA – Ý và Dana – Uc là trái quy định của pháp luật

Các hành vi trên buộc phải gánh chịu các trách nhiệm pháp lý do vi phạm trật tự quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính với hình thức xử phạt chính là phạt tiền được ghi nhận cụ thể tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP sẽ được áp dụng để xác định mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm nói trên.

*Vấn đề 2.* Với quy mô dự án, địa điểm tiến hành triển khai các dự án nói trên, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM trong trường hợp này thuộc về UBND cấp tỉnh. Với các tình tiết về hành vi vi phạm được làm rõ thông qua tình huống, căn cứ vào Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, mức xử phạt đối với các hành vi trên cụ thể là:

- Đối với Công ty Cổ phần thép DANA – Ý:

+ Căn cứ Điểm e, Khoản 1, Điều 9, tiến hành xử phạt đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và các

yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Căn cứ Điểm n, Khoản 1, Điều 9, tiến hành xử phạt đối với hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định.

+ Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 21, tiến hành xử phạt đối với hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng theo quy định.

- Đối với Công ty thép Dana – Uc, mức xử phạt cụ thể được xác định là:

+ Căn cứ Điểm e, Khoản 1, Điều 9, tiến hành xử phạt đối với hành vi thực hiện không đúng báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các yêu cầu trong Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

+ Căn cứ Điểm o, Khoản 1, Điều 9, tiến hành xử phạt đối với hành vi không lập lại báo cáo ĐTM.

+ Căn cứ Điểm n, Khoản 1, Điều 9, tiến hành xử phạt đối với hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) của dự án "Đầu tư nhà máy thép Xuân Hưng".

+ Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 21, tiến hành xử phạt đối với hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng theo quy định

- Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và quy định tại Điều 48, 49, 50 của Nghị định này để xác định các chủ thể có thẩm quyền xử phạt đối với các Công ty DANA – Ý và Dana – Uc với các hành vi vi phạm được nhìn nhận từ tình huống.

- Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng trong trường hợp trên có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật của Công ty Cổ phần thép DANA – Ý và Dana – Uc.

**Tình huống 5.**[7] Ông Lê Bá Hoàng sinh ngày 16/6/1989, là người lao động tự

[7] Quyết định số 20/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2019của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

do, có hộ khẩu thường trú tại thôn 12, Ngọc Lĩnh, Tĩnh Gia, Thanh Hóa, đang sinh sống và làm việc tại tổ 10, Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Ông Hoàng được Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và quản lý quốc gia về dân cư cấp căn cước công dân số 038089008175 vào ngày 31/10/2017. Vào ngày 27/5/2019, ông Hoàng thực hiện hành vi cắt đá ốp lát tại địa chỉ tổ 10, Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng do chính ông làm chủ cơ sở nhưng không có kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo đúng thủ tục, trình tự luật định. Hành vi của ông Lê Bá Hoàng được xác định là vi phạm lần đầu, trong quá trình đoàn công tác tiến hành làm rõ vụ việc, ông Hoàng có tinh thần hợp tác, tạo thuận lợi cho quá trình kiểm tra, thanh tra. Cơ sở sản xuất của ông Hoàng có công suất 50 $m^2$/năm. Từ tình huống trên, hãy làm rõ các vấn đề sau:

1. Nêu rõ các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường mà ông Hoàng thực hiện và căn cứ pháp lý?

2. Dự án xây dựng cơ sở sản xuất gạch ốp lát của ông Hoàng trong trường hợp trên có phải thực hiện quy trình ĐTM không? Tại sao?

***<u>Định hướng vấn đề.</u>***

*Vấn đề 1.* Ông Hoàng có hành vi vận hành cơ sở sản xuất, kinh doanh nhưng không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường (KBM) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ quy định tại Điều 29, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Phụ lục II, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP dự án xây dựng cơ sở sản xuất gạch ốp lát của ông Hoàng phải có trách nhiệm trong việc lập KBM theo đúng quy trình, thủ tục luật định.

- Căn cứ quy định tại Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 về cơ chế công khai thông tin trong hoạt động đánh giá môi trường, do không thực hiện KBM theo quy định nên cơ chế này cũng không được đảm bảo thực hiện.

*Vấn đề 2.* Từ những căn cứ pháp lý đưa ra, căn cứ vào mức quy mô về công suất 5$m^2$/năm của dự án, nghĩa là chưa đáp ứng được yêu cầu về quy mô dự án phải

thực hiện quy trình ĐTM. Thay vào đó, dự án trên phải thực hiện KBM là hoàn toàn đáp ứng các quy định của pháp luật đối với hoạt động đánh giá môi trường. Cả ĐTM và KBM đều mang bản chất tương tự nhau khi đưa ra những dự báo, định hướng cụ thể đối với môi trường và đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nhưng điểm khác nhau xuất phát từ quy mô, dự án phải thực hiện ĐTM không phải thực hiện đăng ký KBM và ngược lại.

**Tình huống 6.**[8] Năm 2016, dự án khu liên hợp gang thép và cảng biển của tập đoàn F được tiến hành lên kế hoạch xây dựng tại địa bàn phường X, thành phố Y, tỉnh Z. Dự án được chia thành 2 giai đoạn đầu tư.

- Giai đoạn 1, chủ đầu tư tiến hành việc:

(1) Xây dựng nhà máy liên hợp gang thép có công suất 7,5 triệu tấn sản phẩm/năm; và

(2) Xây dựng cảng biển nước sâu SD có năng lực cập tàu là 55.000 DWT.*

Trong phạm vi dự án đầu tư, dự kiến chủ đầu tư phải:

(3) Hút cát để san lấp mặt bằng với tổng lượng vật liệu nạo vét là 12.000.000 $m^3$;

(4) Xây dựng bãi tập kết nguyên nhiên vật liệu quy mô 1,5 ha;

(5) Thi công dự án đầu tư xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu có chiều dài 17 km.

- Sang giai đoạn 2, chủ đầu tư sẽ thực hiện việc (6) Khởi công xây dựng nhà máy lọc hóa dầu bao gồm công đoạn pha chế dầu nhờn với công suất 6 triệu tấn/năm.

Từ tình huống giả định được đặt ra, hãy giải quyết các câu hỏi sau:

1. Trong quá trình thi công dự án khu liên hợp gang thép và cảng biển của tập đoàn F, đối tượng nào phải thực hiện hoạt động ĐTM? Nêu căn cứ pháp lý?

2. Xác định chủ thể có thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM trong các trường

[8] Hocluat.vn, https://hocluat.vn/bai-tap-tinh-huong-mon-luat-moi-truong/

* DWT, viết tắt của cụm từ tiếng Anh Deadweight Tonnage, là đơn vị đo năng lực vận tải an toàn của tàu thủy tính bằng tấn chiều dài. Một đơn vị DWT = 1016 kg. Ví dụ con tàu được khẳng định là có trọng tải 30.000 DWT nghĩa là tàu này có khả năng an toàn khi chuyên chở 30.000 tấn trọng lượng tổng cộng của toàn bộ thủy thủ đoàn, hành khách, hàng hóa, nhiên liệu, nước trên tàu, không xét các yếu tố khác ảnh hưởng đến an toàn của tàu.
Xem thêm tại : https://vi.wikipedia.org/wiki/Deadweight_Tonnage

hợp trên?

3. Ngoài trách nhiệm trong việc thực hiện hoạt động ĐTM, những nghĩa vụ pháp lý nào khác trong lĩnh vực môi trường mà chủ đầu tư buộc phải thực hiện?

4. Giả sử dự án đi vào hoạt động, gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư. Trong trường hợp này, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của chủ dự án có đồng nhất với nghĩa vụ phải trả tiền đặt ra trong nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền không? Tại sao?

Từ tình huống giả định được đặt ra, hãy tiếp cận vấn đề theo các nội dung sau:

1. Trong quá trình thi công dự án khu liên hợp gang thép và cảng biển của tập đoàn F, đối tượng nào phải thực hiện hoạt động ĐTM? Nêu rõ căn cứ pháp lý?

2. Xác định chủ thể có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM trong các trường hợp trên?

3. Ngoài trách nhiệm trong việc thực hiện hoạt động ĐTM, những nghĩa vụ pháp lý nào khác trong lĩnh vực môi trường mà chủ đầu tư buộc phải thực hiện?

4. Giả sử trường hợp dự án đi vào hoạt động, gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư. Trong trường hợp này, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của chủ dự án có đồng nhất với nghĩa vụ phải trả tiền đặt ra trong nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền không? Tại sao?

***<u>Định hướng vấn đề.</u>***

*Vấn đề 1.* Căn cứ quy định của pháp luật bảo vệ môi trường năm 2014 tại Điều 18 và Khoản 1, Điều 19, kết hợp với danh mục đ/ối tượng phải thực hiện hoạt động ĐTM được quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP), xác định cụ thể các đối tượng phải thực hiện ĐTM dựa vào tên dự án và quy mô đối với từng dự án cụ thể.

*Vấn đề 2.* Về phạm vi thẩm quyền trong việc thẩm định, phê duyệt thông qua báo cáo ĐTM cho từng đối tượng trong tình huống đặt ra, căn cứ Điều 23 Luật Bảo vệ môi trường sẽ được giao cho từng chủ thể cụ thể. Trong tình huống phát sinh, trách nhiệm thuộc về UBND tỉnh Z hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường tùy thuộc

vào từng dự án cụ thể.

*Vấn đề 3.* Ngoài trách nhiệm thực hiện hoạt động ĐTM đối với các đối tượng cụ thể đã được làm rõ, chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ pháp lý đồng thời sau:

*Thứ nhất,* nhóm trách nhiệm liên quan đến hoạt động ĐTM:

- Sau khi được phê duyệt báo cáo ĐTM, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.[9]

- Trên cơ sở nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, chủ dự án phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm mình khi đưa dự án vào vận hành.[10] Dự án chỉ được vận hành sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

- Tiến hành đăng ký khai thác nước dưới đất, căn cứ Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Điều 17 Nghị định 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước 2012

*Thứ hai,* nhóm trách nhiệm tác động đến lợi ích vật chất của chủ dự án.

Chủ dự án phải chịu những cơ chế tác động nhất định theo quy định của pháp luật, nhằm hướng đến giải quyết tốt yêu cầu gìn giữ, bảo vệ giá trị của tài nguyên thiên nhiên, cụ thể chủ dự án phải gánh chịu các cơ chế sau:

- Đóng phí bảo vệ môi trường[11] dựa trên nguyên tắc tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường. Việc xác định mức phí này phụ thuộc vào khối lượng chất thải ra môi trường, quy mô ảnh hưởng tác động xấu đối với môi trường; mức độ độc hại của chất thải, mức độ gây hại đối với môi trường và sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải. Nguồn thu phí bảo vệ môi trường được sử dụng cho hoạt động bảo

[9] Điều 26, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
[10] Điều 27, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
[11] Điều 148, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

vệ môi trường.

- Đóng thuế tài nguyên đối với dầu thô với mức thuế suất mà chủ dự án phải chịu là từ 6-40%.[12]

- Đóng chi phí cần thiết để tiến hành việc cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác tài nguyên (dầu thô) theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản.

*Vấn đề 4.* Trường hợp này hoàn toàn không thể đồng nhất giữa trách nhiệm bồi thường thiệt hại do gây ra ô nhiễm môi trường của chủ dự án với trách nhiệm phát sinh từ nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" theo quy định của pháp luật môi trường được bởi lẽ đối tượng, mục đích, ý nghĩa của 2 cơ chế này là hoàn toàn khác nhau. Cụ thể, nghĩa vụ phải "trả tiền" của chủ thể trong nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" mang bản chất là bỏ ra một khoản lợi ích vật chất của chủ dự án để có được quyền tác động, khai thác, sử dụng giá trị của các thành phần của môi trường sinh thái trong một giới hạn cho phép. Trong khi đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do dự án đầu tư, sản xuất gây ra ô nhiễm môi trường mang bản chất là vấn đề bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm các quy định của pháp luật gây ra, ảnh hưởng đến chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường cũng như giải quyết những vấn đề xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư được bảo vệ.

### 2.3. Nhóm tình huống điển hình trong bảo tồn đa dạng sinh học

#### *2.3.1. Cơ sở lý luận về bảo tồn đa dạng sinh học*

Theo Công ước quốc tế về đa dạng sinh học thì đa dạng sinh học được định nghĩa như sau: *"Đa dạng sinh học có nghĩa là tính đa dạng biến thiên giữa các sinh vật sống của tất cả các nguồn bao gồm các hệ sinh thái tiếp giáp, trên cạn, biển, các*

[12] Điều 7, Luật Thuế Tài nguyên năm 2009.

*hệ sinh thái thủy vực khác và các tập hợp sinh thái mà chúng là một phần. Tính đa dạng này thể hiện ở trong mỗi loài, giữa các loài và các hệ sinh thái".*[13] Dựa trên tinh thần Công ước CBD, Luật Đa dạng sinh học 2008 tại Khoản 5 Điều 3 thống nhất *"Đa dạng sinh học là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên".* Với những tiếp cận thống nhất về đa dạng sinh học, tạo tiền đề vững chắc trong bảo tồn tài nguyên phong phú này tại Việt Nam. Việt Nam được biết đến là một trong số những quốc gia trên thế giới sở hữu mức độ phong phú về đa dạng sinh học. Tuy nhiên đứng trước những thách thức của bối cảnh toàn cầu hóa trên bình diện quốc tế, dưới cơ chế tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang được thúc đẩy mạnh mẽ để thực hiện mục tiêu tăng trưởng nền kinh tế quốc gia, những chiều hướng tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học ngày một diễn ra phổ biến về số lượng và phức tạp về hậu quả hơn. Điều này dẫn đến hệ quả đòi hỏi phải tồn tại một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, vững chắc để bảo tồn tài nguyên về đa dạng sinh học. Tính đến thời điểm hiện tại, các văn bản được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong khai thác, bảo tồn giá trị tài nguyên đa dạng sinh học có thể kể đến như Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018); Nghị định số 65/2010/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đa dạng sinh học; Nghị định số 160/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2019/NĐ-CP) về tiêu chí xác định loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp... Pháp luật hiện hành tập trung điều chỉnh những vấn đề cơ bản gồm:

*1) Điều chỉnh về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học*

Pháp luật đa dạng sinh học chia quy hoạch bảo tồn sinh học ra làm hai loại: Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học và Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh

[13] Điều 2, Công ước CBD (Convention on Biological Diversity) năm 1992, https://www.cbd.int/doc/legal/cbd-en.pdf

học cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Trong đó quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học lại được chia thành hai loại: Quy hoạch tổng thể bảo tồn sinh học cả nước và Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của bộ, cơ quan ngang bộ.

*2) Điều chỉnh về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên*

Theo Khoản 9, Điều 3, Luật Đa dạng sinh học 2008 thì: "Hệ sinh thái là quần xã sinh vật và các yếu tố phi sinh vật của một khu vực địa lý nhất định, có tác động qua lại và trao đổi vật chất với nhau". Nội dung của pháp luật về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên được chia thành hai nhóm chính là: Pháp luật về khu bảo tồn và Pháp luật về phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên.

Khu bảo tồn bao gồm: Vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài – sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan. Khu bảo tồn cấp quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Khu bảo tồn cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân các cấp có liên quan, ý kiến cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong khu vực dự kiến thành lập khi bảo tồn hoặc tiếp giáp với khu bảo tồn và ý kiến chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý khu bảo tồn. Ngoài khu bảo tồn, các hệ sinh thái tự nhiên khác phải được điều tra, đánh giá và xác lập chế độ phát triển bền vững.

*3) Điều chỉnh về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật*

Nội dung của pháp luật về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật gồm có ba nhóm chính: pháp luật về bảo vệ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; pháp luật về phát triển bền vững các loài sinh vật và pháp luật về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại.

Loài được đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ bao gồm: Loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm; giống cây trồng, giống vật nuôi, vi sinh vật và nấm nguy cấp, quý, hiếm. Chính phủ quyết định loài được đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

dựa trên đề nghị của các tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu, điều tra về loài sinh vật ở Việt Nam; tổ chức, cá nhân được giao quản lý rừng, khu bảo tồn, vùng đất ngập nước, biển và hệ sinh thái tự nhiên khác; hội, hiệp hội và tổ chức khác về khoa học, công nghệ và môi trường.

Việc phát triển bền vững các loài sinh vật được thực hiện qua các quy định của pháp luật về cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Theo đó, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học được thành lập nhằm mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái.

Việc phát triển bền vững các loài sinh vật còn được thể hiện qua các quy định về loài hoang dã bị cấm khai thác và loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên.; quy định về nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quy định về trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, tặng cho, lưu giữ, vận chuyển các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và mẫu vật di truyền, sản phẩm của chúng; quy định về cứu hộ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quy định về bảo vệ giống cây trồng, vật nuôi đặc hữu hoặc có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng; quy định về bảo vệ loài vi sinh vật và nấm đặc hữu hoặc có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng.

Kiểm soát loài ngoại lai xâm hại được thực hiện qua các quy định về điều tra và lập Danh mục loài ngoại lai xâm hại; kiểm soát việc nhập khẩu loài ngoại lai xâm hại, sự xâm nhập từ bên ngoài của loài ngoại lai; kiểm soát việc nuôi trồng loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại; kiểm soát sự lây lan, phát triển của loài ngoại lai xâm hại. Thông tin về loài ngoại lai xâm hại phải được công bố.

*4) Điều chỉnh về bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền*

Nội dung của pháp luật về bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền gồm ba nhóm: pháp luật về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen; pháp luật về lưu giữ, bảo quản mẫu vật di truyền, đánh giá nguồn gen, quản lý thông tin về nguồn gen, bản quyền tri thức truyền thống về nguồn gen; pháp luật về

quản lý rủi ro do sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen gây ra đối với đa dạng sinh học.

Việc quản lý nguồn gen được xác định thuộc trách nhiệm của Nhà nước. Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ nguồn gen trên phạm vi cả nước. Việc tiếp cận nguồn gen phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định và phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Bản quyền tri thức truyền thống về nguồn gen được pháp luật quy định theo hướng Nhà nước bảo hộ bản quyền tri thức truyền thống về nguồn gen, khuyến khích và hỗ trợ tổ chức, cá nhân đăng ký bản quyền tri thức truyên thống về nguồn gen.

Pháp luật quy định trách nhiệm và việc quản lý rủi ro do sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen gây ra đối với đa dạng sinh học thuộc về các cơ quan, cá nhân, tổ chức và phải được tiến hành thông qua các bước xác định. Thông tin về mức độ rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro do sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen gây ra phải được công khai.

Dựa trên các nền tảng lý luận được cung cấp, quá trình tiếp cận với các tình huống điển hình phát sinh trong bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên cần đáp ứng các yêu cầu sau:

(1) Hiểu, nắm bắt được các quy định của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, để có thể vận dụng linh hoạt vào xử lý các tình huống vi phạm pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học.

(2) Biết cách lựa chọn pháp luật áp dụng trong giải quyết các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học.

### *2.3.2. Tình huống điển hình*

**Tình huống 7.**[14] Theo Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, vào ngày 08/01/2018, Nguyễn Văn Sáng và Trần Văn Hoàn rủ nhau vào rừng

[14] Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

VQG Phong Nha - Kẻ Bàng để cài bẫy động vật. Khi đi Sáng và Hoàn mang theo 20 dây bẫy tự chế đã làm sẵn từ trước. Sau ba ngày thăm dò quanh khu vực Km21 đường 20, hai đối tượng đã cài đặt được 10 cần bẫy tại khu vực khoảnh 1, Tiểu khu 268 thuộc lâm phận VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Ngày 16/01/2018, Sáng và Hoàn rủ nhau đi thăm bẫy thì phát hiện 01 cá thể Sơn dương bị mắc bẫy đã chết tại cần bẫy thứ 8. Hai đối tượng tiến hành mổ, xẻ thịt cá thể Sơn dương nói trên và chia làm hai gùi để vận chuyển ra ngoài. Trên đường về thì bị lực lượng Kiểm lâm của Trạm Kiểm lâm Số 6, thuộc Hạt Kiểm lâm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng phát hiện và truy đuổi. Đối tượng Nguyễn Văn Sáng bị bắt giữ, còn Trần Văn Hoàn thì vứt lại tang vật và bỏ chạy. Tang vật thu giữ được là 02 bao lác, trong đó một bao lác bên trong đựng phần đầu, thân, 4 chân bị cắt rời ngang khuỷu và bộ phận tinh hoàn của cá thể Sơn dương (tên khoa học là Naemorhedus sumatraensis) với tổng trọng lượng 40kg và bao lác thứ hai đựng các bộ phận nội tạng và tiết, với tổng trọng lượng 11kg. Ngày 23/01/2018, Hoàn đến Hạt kiểm lâm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đầu thú.

**Câu hỏi.**

1. Hành vi nêu trên của Sáng và Hoàn vi phạm (những) quy định nào của pháp luật Việt Nam hiện hành? Tại sao?

2. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể có hành vi vi phạm được xác định dựa trên căn cứ nào?

***Định hướng vấn đề***

*Vấn đề 1.* Hành vi của Sáng và Hoàn đã vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm được quy định tại Điều 244, Bộ luật Hình sự của nước CHXHCN Việt Nam năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*Vấn đề 2.* Cá thể Sơn dương bị săn và giết hại nói trên có tên khoa học là Naemorhedus sumatraensis, thuộc Nhóm Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm cần được ưu tiên bảo vệ (Ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ). Căn cứ theo Điều 60, Luật Xử lý vi phạm hành

chính năm 2012, việc xử lý tang vật vi phạm buộc phải căn cứ dựa trên giá trị tang vật bị vi phạm. Đồng thời, khối lượng tang vật vi phạm là căn cứ để kết hợp, xác định có hay không cấu thành tội phạm hình sự, làm tiền đề truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các chủ thể vi phạm.

**Tình huống 8.**[15] Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 14 tháng 10 năm 2017, lực lượng Kiểm lâm phát hiện Trần Văn Thủ Đ, sinh năm 1985 và Hồ Văn D, sinh năm 1982 mang cá thể động vật rừng săn trộm được tại khu vực Vườn Quốc gia Bạch Mã rời khỏi rừng. Vì lo sợ bị bắt nên Đ và D đã bỏ chạy vào rừng để lại tại hiện trường một cá thể Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu) và một số tang vật khác.

Ngày 18/10/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã quyết định trưng cầu giám định xác định loài cá thể động vật. Ngày 19/10/2017 Tổ giám định tư pháp Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Kết luận giám định với nội dung: Cá thể động vật được giám định có tên Việt Nam là: Voọc Chà vá chân đỏ (Voọc Chà vá chân nâu), tên khoa học là: Pygathrix nemaeus.

**Câu hỏi.**

1. Hành vi nêu trên của Đ và D vi phạm những quy định nào của pháp luật hiện hành? Tại sao?

2. Áp dụng quy định của pháp luật hiện hành, hãy cho biết những hậu quả pháp lý mà hai đối tượng trên có thể phải nhận?

**Tình huống 9.** Ngày 04/3/2019, trong lúc thực hiện nhiệm vụ, lực lượng Kiểm lâm của Trạm Kiểm lâm số 6 thuộc Hạt Kiểm lâm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng phát hiện 02 xe ô tô tải của Công ty TNHH Minh Trí (địa chỉ Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình) đang vận chuyển một số lượng lớn Phong lan Thủy tiên hường (Dendrobium amabile) đựng trong các bao lác theo đường 20 về xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch.

[15] Bản án số 05/2018/HS-ST ngày 23/05/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh TT-Huế.

Trong đó, xe ô tô tải mang biển kiểm soát số 73C-05141 do đối tượng Ngô Đình Hóa (sinh năm 1973, trú tại Bắc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình) điều khiển có chở 26 kg Phong lan và xe ô tô tải mang biển kiểm soát 73C-05042 do đối tượng Nguyễn Văn Dũng (sinh 1979, trú tại Bắc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình) điều khiển có chở 30 kg Phong Lan.

Qua quá trình đấu tranh, các đối tượng nói trên khai nhận vì tham tiền nên đã đồng ý chở thuê số Phong lan nói trên 02 đối tượng lạ mặt trên đường với giá thuê là 200.000 đồng/01 xe.

**Câu hỏi.**

1. Hành vi nêu trên của Ngô Đình Hóa và Nguyễn Văn Dũng vi phạm những quy định nào của pháp luật hiện hành? Tại sao?

2. Áp dụng quy định của pháp luật hiện hành, hãy định hướng giải quyết tình huống nêu trên?

**Tình huống 10.**[16] Tháng 02 năm 2017, có một người thanh niên tên Trung chưa rõ nhân thân, địa chỉ đến nhà Phạm Thị L đặt mua 10 con Cu li sống để làm thuốc, L đồng ý bán. Sau đó L đi xe đò đến huyện Bù Đăng và huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước tìm mua được 02 con Cu Li còn sống và 06 con Cu Li đã chết của những người dân tộc thiểu số không rõ nhân thân, địa chỉ đem về nhà và thông báo cho Trung biết chỉ có 08 con Cu Li, 02 con còn sống và 06 con đã chết. Trung vẫn đồng ý mua với giá 700.000 đồng 01 con Cu Li còn sống và 400.000 đồng 01 con Cu Li đã chết, L đồng ý bán. Đến ngày 17-3-2017, Trung đến nhà L để nhận các con Cu Li thì bị lực lượng Cảnh sát môi trường Công anh tỉnh Tây Ninh, Công an huyện Tân Châu phối hợp đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật, riêng người thanh niên tên Trung chạy thoát.

Vật chứng thu giữ gồm: Sáu (06) con Cu Li đã chết, trọng lượng 02 kg và hai

[16] Bản án số 55/2017/HSST ngày 11/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

(02) con Cu Li còn sống, trọng lượng 0,5 kg. Ngày 17-3-2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu đã giao 02 cá thể Cu Li còn sống cho Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tây Ninh để bảo quản, đến ngày 07-4-2017 đã chết 01 cá thể Cu Li do bệnh; ngày13-4-2017, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tây Ninh bàn giao cho Ban quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát nuôi cứu hộ 01 cá thể Cu Li còn sống.

Kết luận giám định mẫu vật số 52/BB-SHNĐ, ngày 24-3-2017 của Viện sinh học Nhiệt đới thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam: Hai (02) cá thể còn sống, giới tính, gồm 01 cá thể đực và 01 cá thể cái, tổng khối lượng 0,5 kg; 06 cá thể sấy khô, được ướp đông, có tổng trọng lượng 02 kg, có tên gọi khoa học Cu Li nhỏ - Nycticebuspygmaeus Bonhote, 1907; thuộc họ Cu Li – Loricidae; bộ Linh trưởng – Pimates.

**Câu hỏi.**

1. Hành vi nêu trên của Ngô Đình Hóa và Nguyễn Văn Dũng vi phạm những quy định nào của pháp luật hiện hành? Tại sao?

2. Áp dụng quy định của pháp luật hiện hành, hãy cho biết những hậu quả pháp lý mà hai đối tượng trên có thể phải nhận?

**Tình huống 11.** Nhóm nghiên cứu A thuộc Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Huế muốn tiếp cận nguồn gen của giống lúa mới để phục vụ nghiên cứu. Được biết, nguồn gen trên hiện được Nhà nước giao cho tổ chức M quản lý.

**Câu hỏi.**

1. Trong trường hợp nào thì nhóm nghiên cứu A không được phép tiếp cận nguồn gen?

2. Hãy tư vấn cho nhóm nghiên cứu A trình tự, thủ tục để tiếp cập nguồn gen.

***Định hướng vấn đề***

*Vấn đề 1.* Trường hợp nguồn gen đó là nguồn gen của loài thuộc Danh mục nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ và việc sử dụng nguồn gen có nguy cơ gây hại đối với con người, môi trường, an ninh, quốc phòng và lợi ích quốc gia.

*Vấn đề 2.* Theo quy định tại Nghị định 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ, trình tự, thủ tục tiếp cận nguồn gen được quy định như sau:

+ Bước 1. Đăng ký tiếp cận nguồn gen bằng văn bản tại ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nguồn gen.

+ Bước 2. Hợp đồng bằng văn bản với tổ chức M về việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. Hợp đồng này phải có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc tiếp cận nguồn gen và đảm bảo các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.

+ Bước 3. Gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen.

- Thẩm quyền cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen được quy định như sau:

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen đối với loài được ưu tiên bảo vệ;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen đối với các trường hợp khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen. Trường hợp không cấp thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đã đề nghị cấp phép tiếp cận nguồn gen và nêu rõ lý do.

Giấy phép tiếp cận nguồn gen phải gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi điều tra, thu thập mẫu vật di truyền, tổ chức, cá nhân được giao quản lý nguồn gen là đối tượng tiếp cận. Giấy phép tiếp cận nguồn gen do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.4. Nhóm tình huống điển hình trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

#### *2.4.1. Cơ sở lý luận về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên*

Việt Nam sở hữu một nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đây là cơ hội trong việc khai thác giá trị tài nguyên trong công cuộc đáp ứng các mục tiêu kinh tế đặt ra, hướng đến một cuộc sống đầy đủ, tiện nghi hơn. Tuy vậy bên cạnh đó, các

thách thức trong bảo vệ, gìn giữ giá trị tài nguyên thiên nhiên luôn là vấn đề lớn, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay. Giữa con người và các yếu tố tự nhiên luôn tồn tại mối quan hệ, tác động qua lại hài hòa và cân bằng, trong khi các tài nguyên thiên nhiên vùa đóng vai trò là những điều kiện cơ bản để tạo lập và duy trì sự sống cho con người, đồng thời cung cấp giá trị, lợi ích về kinh tế phục vụ cho sự phát triển của nhân loại, và con người, với vai trò là chủ thể trực tiếp khai thác, sử dụng giá trị tài nguyên thiên nhiên sẽ quyết định chiều hướng biến chuyển của giá trị tài nguyên thông qua cách thức xử sự trong hoạt động này. Tính đến thời điểm hiện tại, hầu như tất cả các tài nguyên thiên nhiên đang tồn tại đều có sự tác động từ con người. Trong bối cảnh này, vấn đề bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, khai thác tài nguyên một cách hợp lý là vấn đề không chỉ của Việt Nam mà là "bài toán" chung của cả nhân loại. Chiếu vào quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về tài nguyên thiên nhiên, tùy thuộc vào đặc trưng, tính hữu ích và khả năng xâm hại đến chức năng, tính hữu ích của giá trị tài nguyên cũng như những hậu quả, mối đe dọa xảy ra đối với quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư, mỗi thành phần môi trường như tài nguyên nước, tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên sinh vật... được các văn bản pháp luật chuyên ngành điều chỉnh cụ thể trên cơ sở kết hợp chặt chẽ 2 nguyên tắc: phòng ngừa, hạn chế các hệ lụy đến môi trường sinh thái và khắc phục, xử lý khi ô nhiễm môi trường xảy ra. Cụ thể là:

***1) Bảo vệ tài nguyên nước***

- Trách nhiệm của Nhà nước trong việc kiểm soát tài nguyên nước

+ Đánh giá hiện trạng môi trường nước

Là quá trình hoạt động nhằm xác định trữ lượng, chất lượng nước, tình hình khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, nguyên nhân gây ảnh hưởng tiêu cực tới trữ lượng, chất lượng nước quốc gia. Để đánh giá hiện trạng tài nguyên nước đạt hiệu quả, trước hết Nhà nước cần quản lý tốt công tác điều tra cơ bản tài nguyên

nước. Song song với đó, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện các hoạt động kiểm kê, thu thập mẫu nước (mẫu nước sinh hoạt, nước ngầm, nước thải,…) để phân tích, đánh giá chất lượng các nguồn nước đó, theo dõi diễn biến tình hình khai thác, sử dụng, tác động tới các nguồn nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong sinh hoạt của cộng đồng.

Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp số liệu, quản lý điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước tại địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành liên quan.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường về tài nguyên nước.

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường về tài nguyên nước được hiểu là các chuẩn mự, giới hạn về hóa học, lý học, sinh học được quy định bởi pháp luật nhằm xác định tính chất của tài nguyên nước, dùng làm căn cứ để kiểm soát ô nhiễm môi trường nước (quy chuẩn do Nhà nước ban hành và bắt buộc áp dụng, tiêu chuẩn do các tổ chức ban hành và không bắt buộc áp dụng).

Hệ thống quy chuẩn môi trường về tài nguyên nước bao gồm nhiều nhóm quy chuẩn môi trường đối với từng nguồn nước khác nhau. Chính điều này đòi hỏi các tổ chức, pháp nhân trong quá trình khai thác, sử dụng nước, thải nước thải cũng như cơ quan nhà nước khi thực hiện các hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước phải nắm rõ yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với từng nguồn nước cụ thể để từ đó có các giải pháp bảo vệ, phát triển nguồn tài nguyên nước phù hợp. Việc xây dựng tiêu chuẩn môi trường phải dựa trên những căn cứ khoa học nhất định. Quy chuẩn môi trường nước phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, cụ thể là Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về khai

thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển tài nguyên nước.

Chiến lược bảo vệ phát triển tài nguyên nước là những nhiệm vụ, mục tiêu lớn mang tính tổng thể, được Nhà nước xây dựng và chỉ đạo thực hiện trong thời gian dài nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên nước, phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do tài nguyên nước gây ra.

Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển tài nguyên nước là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm xác định, phân loại, đánh giá trữ lượng, chất lượng, sự vận động của các nguồn nước trong phạm vi từng khu vực, từng địa phương và trong cả nước để khai thác, sử dụng vào những mục đích cụ thể, bảo vệ, phát triển một cách hợp lý, hiệu quả. Hiện nay thẩm quyền xây dựng và phê duyệt các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ tài nguyên nước được quy định cụ thể từ Điều 14 đến Điều 24 Luật Tài nguyên nước 2012.

+ Xây dựng và sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động bảo vệ, phát triển tài nguyên nước.

Theo quy định tại Luật tài nguyên nước 2012, nguồn tài chính dành cho hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước bao gồm: Thuế tài nguyên nước và các khoản thuế khác, các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền bồi thường thiệt hại cho Nhà nước, tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước,… Nguồn tài chính dành cho hoạt động bảo vệ, phát triển tài nguyên nước được sử dụng vào các mục đích chủ yếu như điều tra cơ bản tài nguyên nước, điều tra tình hình ô nhiễm, suy thoái tài nguyên nước ở địa phương, các khu công nghiệp,…;dùng chi phí cho hoạt động thu phí, đánh giá lấy mẫu phân tích nước thải phục vụ cho việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với nước thải công nghiệp. Dùng thực hiện các biện pháp phòng chống khắc phục ô nhiễm, suy thoái nước.

+ Cấp, thu hồi giấy phép tài nguyên nước.

Giấy phép tài nguyên nước là chứng thư pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp

cho tổ chức, cá nhân trong đó xác định rõ các quyền, nghĩa vụ liên quan nhằm buộc các chủ thể này khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên nước.

Việc xét cấp giấy phép tài nguyên nước phải căn cứ vào quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước; quy hoạch lưu vực song, quy hoạch công trình thủy lợi, kết quả đánh giá các đề án của cơ quan chuyên môn thăm dò nước dưới đất, khả năng thực tế của nguồn nước, tiêu chuẩn cấp nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước, tiêu chuẩn của nước thải, đề nghị của cơ quan quản lý quy hoạch lưu vực song, tổ chức, cá nhân quản lý công trình thủy lợi; nhu cầu, mục đích của tổ chức, cá nhân xin cấp phép.

Luật Tài nguyên nước 2012 và Nghị định 201/2013/NĐ-CP quy định đồng bộ về việc cấp, thu hồi, đình chỉ giấy phép tài nguyên nước cũng như căn cứ cấp giấy phép tài nguyên nước, thời hạn của giấy phép tài nguyên nước.

+ Tổ chức thực hiện các hoạt động phòng chống, khắc phục sự cố môi trường do sự vận động bất thường của nước gây ra.

Ngoài việc bảo vệ chất lượng, trữ lượng các nguồn nước còn phải thực hiện các biện pháp phòng chống, khắc phục sự cố môi trường do nước gây ra như lũ lụt, sóng thần, hạn hán,…Trách nhiệm phòng chống, khắc phục sự cố môi trường do nước gây ra được quy định từ Điều 59 đến Điều 63 Luật Tài nguyên nước 2012.

+ Thanh tra thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước.

Thanh tra việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước là hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo thủ tục, trình tự nhất định nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước. Thanh tra thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước phải nhằm phát hiện các hành vi gây ô nhiễm, suy thoái nước cũng như hiện trạng về ô nhiễm, suy thoái nước ở các khu vực cụ thể, đặc biệt là khu công nghiệp. Thanh tra thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước phải là sự kết hợp giữa các biện pháp pháp lý và biện pháp

khoa học kỹ thuật.

Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước là quá trình hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành nhằm khôi phục, bảo vệ quyền lợi của các bên trong tranh chấp, góp phần khôi phục, bảo vệ trữ lượng nước, chất lượng nước vì lợi ích chung của cộng đồng.

Nhà nước khuyến khích việc hòa giải tranh chấp về tài nguyên nước. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc hòa giải các tranh chấp về tài nguyên nước phù hợp với quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp loại giấy phép nào về tài nguyên nước thì có trách nhiệm giải quyết khiếu nại phát sinh từ loại giấy phép đó. Trường hợp đương sự không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khiếu nại tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại tòa án theo quy định của pháp luật.

Xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm truy cứu trách nhiệm của các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật tài nguyên nước. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà các chủ thể này có thể bị áp dụng các dạng trách nhiệm pháp lý khác nhau.

- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, phát triển tài nguyên nước  được pháp luật ghi nhận gồm:

+ Bảo vệ chất lượng, trữ lượng nguồn nước.

Không được thực hiện các hành vi có khả năng gây tổn hại tới trữ lượng, chất lượng nguồn nước. Khi khai thác, sử dụng nước phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Phải đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phải được cấp giấy phép tài nguyên nước. Phải cung cấp thông tin tài nguyên nước cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu để kiểm tra, đánh giá chất lượng, trữ lượng nguồn nước; không gây cản trở

hoặc làm thiệt hại tới lợi ích của các chủ thể khác trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước; khi phát hiện thấy hành vi, hiện tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tài nguyên nước phải ngặn chặn và báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền và các tổ chức, cá nhân liên quan để xử lý. Cá nhân có hành vi gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước phải chịu trách nhiệm khôi phục hiện trạng tài nguyên nước và bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật. Các chủ thể khai thác, sử dụng nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh khác nhau có những nghĩa vụ cụ thể về bảo vệ môi trường theo quy định từ Điều 25 đến Điều 3 Luật Tài nguyên nước năm 2012.Việc khai thác, sử dụng nước vào các mục đích như nghiên cứu khoa học, nghỉ ngơi, du lịch, thể thao, giải trí phải bảo đảm an toàn, tiết kiệm, phù hợp quy hoạch về tài nguyên nước, không được gây ô nhiễm, suy thoái nước.

+ Bảo vệ các công trình thủy lợi, khí tượng thủy văn và các công trình khác liên quan tới việc bảo vệ, phát triển, khai thác sử dụng tài nguyên nước.

Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình thủy lợi, khí tượng thủy văn. Tổ chức, cá nhân khai thác, quản lý công trình thủy lợi, khí tượng thủy văn có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình. Tổ chức, cá nhân không được thực hiện các hành vi bị cấm trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, khí tượng thủy văn.

+ Phòng chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra.

Các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước tập trung, với quy mô đáng kể cần chủ động xây dựng và thực hiện các biện pháp khắc phục, phòng chống sự cố môi trường do sự vận động bất thường của nước gây ra. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, bảo vệ hồ chứa nước phải có phương án bảo đảm an toàn công trình, phòng chống lũ lụt phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ lụt đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

***2) Bảo vệ tài nguyên rừng***

- Pháp luật về kiểm soát suy thoái tài nguyên rừng

*+ Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng*

Hoạt động này được tiến hành căn cứ vào: (i) Quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia phải căn cứ vào quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia; (ii) Nội dung về lâm nghiệp trong quy hoạch tỉnh phải căn cứ vào quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; (iii) Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, nguồn lực của cả nước hoặc địa phương. Các bản quy hoạch, kế hoạch này sẽ do cơ quan quản lý nhà nước về rừng lập và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. (Điều 12 Luật lâm nghiệp 2017)

*+ Thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng*

Việc thống kê, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được thực hiện như sau: Việc thống kê rừng được thực hiện hằng năm và được công bố vào quý I của năm tiếp theo; việc kiểm kê rừng được thực hiện năm năm một lần và được công bố vào quý II của năm tiếp theo; việc theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được thực hiện thường xuyên; đơn vị thống kê, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng là xã, phường, thị trấn. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả thống kê rừng hàng năm và báo cáo Thủ tướng chính phủ.

- Pháp luật về hoạt động giao rừng, cho thuê rừng và thu hồi rừng

*+ Giao rừng và cho thuê rừng*

Nhà nước nước giao rừng đặc dụng không thu tiền sử dụng đối với các đối tượng sau: (i) Ban quản lý rừng đặc dụng đối với vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; rừng giống quốc gia; vườn thực vật quốc gia; (ii) Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp đối với rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, vườn thực vật quốc gia; (iii) Ban quản lý rừng phòng hộ, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang đối với khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng

cảnh; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao xen kẽ trong diện tích rừng được giao; (iv) Cộng đồng dân cư đối với khu rừng tín ngưỡng mà họ đang quản lý và sử dụng theo truyền thống; (v) Tổ chức kinh tế, tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp trong nước đối với rừng giống quốc gia xen kẽ trong diện tích rừng được giao.

Nhà nước giao rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng đối với các đối tượng sau: (i) Ban quản lý rừng phòng hộ, đơn vị vũ trang đối với rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; (ii) Tổ chức kinh tế đối với rừng phòng hộ xen kẽ trong diện tích rừng sản xuất của tổ chức đó; (iii) Hộ gia đình, cá nhân cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có rừng phòng hộ đối với rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; (iv) Cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có rừng phòng hộ đối với rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư đó.

Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng sau: (i) Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có diện tích rừng; đơn vị vũ trang; (ii) Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ đối với diện tích rừng sản xuất xen kẽ trong diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được giao cho ban quản lý rừng đó.

Ngoài ra, Nhà nước cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng trả tiền thuê rừng một lần hoặc hằng năm để sản xuất lâm nghiệp; sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

Thẩm quyền giao rừng, cho thuê rừng thuộc về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giao rừng cho các tổ

chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cho các cá nhân, tổ chức nước ngoài thuê rừng. Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giao và cho các hộ gia đình, cá nhân thuê rừng.

*+ Thu hồi rừng*

Rừng có thể bị thu hồi trong các trường hợp sau: (i) Chủ rừng sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về lâm nghiệp; (ii) Chủ rừng không tiến hành hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau 12 tháng liên tục kể từ ngày được giao, được thuê rừng, trừ trường hợp bất khả kháng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; (iii) Chủ rừng tự nguyện trả lại rừng; (iv) Rừng được Nhà nước giao, cho thuê khi hết hạn mà không được gia hạn; (v) Rừng được giao, được thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng; (vi) Chủ rừng là cá nhân khi chết không có người thừa kế theo quy định của pháp luật; (vii) Các trường hợp thu hồi đất có rừng khác theo quy định của Luật Đất đai.. Trong trường hợp Nhà nước thu hồi rừng cho các mục đích công cộng thì chủ rừng sẽ được bồi thường thành quả lao động, đầu tư. Thẩm quyền thu hồi rừng trùng với thẩm quyền giao rừng (Điều 23, Luật lâm nghiệp 2017).

- Pháp luật về hoạt động tự kiểm soát suy thoái rừng của các tổ chức, cá nhân.

*+ Đối với rừng phòng hộ*

Trong quá trình tiến hành các hoạt động khai thác, sử dụng rừng phòng hộ, chủ rừng và các tổ chức, cá nhân khác phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ chủ yếu sau: Phải có kế hoạch, biện pháp cụ thể để bảo vệ, nuôi dưỡng diện tích rừng hiện có; phải thực hiện trồng rừng, phục hồi và cải tạo rừng theo các hướng được pháp luật quy định để bảo đảm thực hiện tốt nhất chức năng phòng hộ cũng như đảm bảo sự bền vững của rừng; trong quá trình bảo vệ, nuôi dưỡng, gây trồng rừng phòng hộ, chủ rừng muốn kết hợp sản xuất nông lâm ngư nghiệp, kinh doanh cảnh quan du lịch sinh thái hoặc nghiên cứu khoa học phải có nghĩa vụ tuân thủ nghiêm ngặt quy chế

rừng phòng hộ, không được gây hại đến tác dụng phòng hộ của rừng.

*+ Đối với rừng đặc dụng*

Chủ rừng phải lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt phương án quản lý, sử dụng rừng. Đồng thời, chủ rừng phải thực hiện các yêu cầu cơ bản như sau: Thực hiện các biện pháp nhằm phát triển bền vững tài nguyên sinh vật, tài nguyên đất, tài nguyên nước và phối hợp với các cấp chính quyền sở tại để bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác; việc quản lý, sử dụng rừng đặc dụng phải tuân theo quy chế rừng đặc dụng; việc trồng, phục hồi, cải tạo rừng đối với vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên phải đảm bảo các quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân khi thực hiện nghiên cứu khoa học trong rừng phải trả tiền thuê hiện trường, mẫu vật và phải thanh toán các khoản chi phí dịch vụ theo quy định, tuân theo sự hướng dẫm vè nội quy, quy định về bảo vệ rừng của chủ rừng, đồng thời phải tuân thủ các quy định khác của pháp luật.

*+ Đối với rừng sản xuất*

Đối với rừng sản xuất là rừng trồng: (i) Chủ rừng phải có kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, trồng rừng mới, bảo vệ rừng, kết hợp kinh doanh lâm nghiệp - nông nghiệp – ngư nghiệp, cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái – môi trường trong khu rừng phù hợp với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng từng vùng, quy chế quản lý rừng. (ii) Khi khai thác rừng trồng, chủ rừng tự bỏ vốn được tự ý quyết định và tự do lưu thông sản phẩm nhưng phải gửi giấy bảo trước mười ngày cho ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; đối với chủ rừng dùng vốn từ ngân sách nhà nước thì phải lập hồ sơ khai thác trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn quyết định. (iii) Sau khi khai thác phải trồng lại rừng vào thời vụ trồng rừng ngay sau đó hoặc thực hiện biện pháp tái sinh tự nhiên trong quá trình khai thác.

Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên: (i) Chủ rừng là tổ chức phải có hồ sơ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt gồm dự án đầu tư, phương án quản lý, bảo vệ và sản xuất kinh doanh rừng; khai thác rừng phải có phương án điều chế

rừng đã được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng phê duyệt. (ii) Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân phải có kế hoạch quản lý, bảo vệ và sản xuất kinh doanh rừng theo hướng dẫn của ủy ban nhân dân cấp xã hoặc kiểm lâm và được chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. (iii) Chỉ được khai thác gỗ và các thực vật khác của rừng, trừ các loại thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ. (iv) Việc khai thác rừng phải theo quy chế quản lý rừng và chấp hành quy phạm, quy trình kỹ thuật bảo vệ và phát triển rừng; sau khi khai thác phải tổ chức bảo vệ, nuôi dưỡng, làm giàu rừng cho đến kỳ khai thác sau.

- Pháp luật về hệ thống cơ quan kiểm soát suy thoái rừng

+ *Cơ quan có thẩm quyền chung* gồm Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp. Chính phủ giữ vai trò chỉ đạo chung về kiểm soát tài nguyên rừng trên phạm vi cả nước, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý lực lượng kiểm lâm và đảm bảo việc thi hành pháp luật về kiểm soát tài nguyên rừng tại địa phương.

+ *Cơ quan có thẩm quyền chuyên môn* gồm Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các bộ ngành liên quan, sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, phòng chức năng được phân công về nông nghiệp và phát triển nông thôn và hạt kiểm lâm, cán bộ lâm nghiệp chuyên trách.

Ngoài ra còn có vai trò quan trọng của lực lượng kiểm lâm, lực lượng chuyên trách trực tiếp đảm bảo việc thi hành pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng. Kiểm lâm tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc thống nhất từ trung ương đến địa phương về chuyên môn nghiệp vụ.

***3) Bảo vệ tài nguyên đất đai***

- Pháp luật về kiểm soát suy thoái tài nguyên đất

*+ Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nhằm hạn chế tình trạng suy thoái và ô nhiễm tài nguyên đất.*

Đối với đất chuyên trồng lúa nước, nười sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ, cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, không được chuyển sang sử dụng vào mục đích

trồng cây lâu năm, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản và các mục đích phi nông nghiệp nếu không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Đối với đất có mặt nước ven biển, các chủ thể sử dụng đất để nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối cần tuân theo quy định của pháp luật. Các chủ thể có nhu cầu sử dụng đất vào các mục đích chuyên dụng như xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, sử dụng trong hoạt động khoáng sản,…đều phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên đất. Đối với đất ở tại nông thôn và đô thị, các chủ thể sử dụng đất cần tuân theo quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên đất, bảo vệ môi trường và cảnh quan hiện đại.

*+ Đầu tư lao động, tiền vốn và áp dụng các thành tựu mới vào việc làm tăng hiệu quả sử dụng đất.*

Nhà nước có chính sách khuyến khích người sử dụng đất đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và các công nghệ tiên tiến vào bảo vệ, cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất; khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất trồng, đồi núi trọc, đất có diện tích đất hoang hóa vào sử dụng; phát triển kết cấu hạ tầng để làm tăng giá trị của đất.Nhà nước cũng khuyến khích các chủ thể đầu tư nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, ít gây độc hại cho đất và các biện pháp phòng trừ tổng hợp.

*+ Bảo vệ, cải tạo đất trong khi tiến hành các hoạt động trên đất, phục hồi khi có suy thoái và ô nhiễm đất xảy ra.*

Trong quá trình tiến hành các hoạt động trên đất, nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm môi tường đất, suy thoái tài nguyên đất, các tổ chức, cá nhân cần áp dụng các biện pháp sau: Xác định nguyên nhân suy thoái và có biện pháp hạn chế, loại bỏ nguyên nhân chính; thực hiện ngay các biện pháp cải tạo đất, làm tăng độ màu mỡ của đất và các biện pháp khác để phục hồi môi trường đất; tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm phải bồi thường thiệt hại và chịu mọi chi phí khắc phục môi trường, nếu không phải do lỗi của cá nhân, tổ chức thì kinh phí được lấy từ các khoản đóng góp, bồi thường

của các tổ chức, cá nhân gây ra, các khoản thu phí bảo vệ môi trường, các nguồn quỹ về môi trường.

+ *Trách nhiệm quản lý nhà nước về kiểm soát suy thoái tài nguyên đất*

Các cơ quan có thẩm quyền chung gồm Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp. Chính phủ thống nhất việc quản lý chung về đất đai và kiểm soát suy thoái tài nguyên đất trên phạm vi cả nước. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai trong phạm vi địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về bảo vệ và cải tạo đất, kiểm soát suy thoái tài nguyên đất tại địa phương.

Các cơ quan có thẩm quyền chuyên môn gồm Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục quản lý đất đai thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các bộ ngành khác có liên quan và thanh tra đất đai.

- Pháp luật ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm môi trường đất

+ *Đối với hoạt động nông nghiệp:* Hạn chế sử dụng phân bón hóa học, các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác nông nghiệp, gây ô nhiễm môi trường đất, nước, làm thoái hóa, biến chất, bạc màu đất, làm suy thoái đa dạng sinh học nông nghiệp,…

+ *Đối với hoạt động công nghiệp:* Không được hoặc hạn chế phát triển các ngành công nghiệp mới tiềm ẩn nguy cơ có hại đối với môi trường đất; các ngành công nghiệp hoạt động kém hiệu quả, làm phát sinh nhiều chất thải, gây nguy hại, thoái hóa và ô nhiễm đất.

+ *Đối với hoạt động khác:* Nhà nước nghiêm cấm hành vi lấn chiếm đất đai, không sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố. Nghiêm cấm mọi hành vi hủy hoại đất.

+ *Điều chỉnh việc sử dụng các loại hóa chất và chế phẩm vi sinh trên đất*

Việc sử dụng các loại hóa chất và chế phẩm vi sinh vật trên đất phải tuân thủ

theo các quy định của pháp luật, theo nguyên tắc phòng ngừa là chính, phát hiện, diệt trừ phải kịp thời, triệt để; bảo đảm hiệu quả phòng, trừ sinh vật gây hại, an toàn sức khỏe cho người, hạn chế ô nhiễm môi trường đất và giữ gìn cân bằng hệ sinh thái. Nhà nước đã ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam qua từng giai đoạn.

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong phạm vi cả nước. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chịu trách nhiemj trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ, kiểm dịch thực vật trên phạm vi cả nước. Ngoài ra, quản lý nhà nước về việc sử dụng các loại hóa chất và chế phẩm vi sinh vật trên đất còn có sự tham gia của lực lượng thanh tra về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

***4) Bảo vệ tài nguyên khoáng sản***

- Trách nhiệm của nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động *khoáng sản*

*+ Đánh giá thực trạng khoáng sản, hiện trạng môi trường trong hoạt động khoáng sản của quốc gia.*

Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đánh giá thực trạng khoáng sản nhằm đánh giá tổng quan tiềm năng tài nguyên khoáng sản, thực trạng về trữ lượng, chất lượng khoáng sản cũng như sự phân bố của chúng đồng thời đánh giá tác động của hoạt động khoáng sản tới các thành phần môi trường, làm cơ sở cho việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.

Hoạt động này được thực hiện thường xuyên, liên tục và được công bố định kỳ hàng năm. Đây là một nội dung quan trọng trong báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia hàng năm do Bộ tài nguyên và Môi trường công bố.

*+ Xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản.*

Hiện nay, Nhà nước đã ban hành hệ thống quy chuẩn môi trường áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước, được quy định trong quyết định của Bộ trường Bộ Tài

nguyên và Môi trường số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 về việc ban hành Quy chuẩn quốc gia về môi trường. Hệ thống này có những tiêu chuẩn cụ thể về xả thải khói, bụi, chất thải, tiêu chuẩn về độ rung, tiếng ồn, nhiệt độ, ánh sáng,…trong quá trình vận hành các dây chuyền, thiết bị có liên quan trực tiếp tới hoạt động khoáng sản. Đây là căn cứ khoa học, pahps lý, công cụ không thể thiếu trong quá trình kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động khoáng sản.

*+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch về khai thác, sử dụng, bảo vệ khoáng sản.*

Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường 2014 đã có các quy định bảo đảm cho hoạt động khoáng sản được thực hiện đồng bộ, thống nhất, chủ động trong phạm vi cả nước cũng như từng địa phương (Điều 8, 9, 10, 11, 12, 37, 38). Bên cạnh đó, Nhà nước ta đã xác định chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 là: Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên khoáng sản; đồng thời xác định "Chương trình phục hồi môi trường ở các vùng khai thác khoáng sản" là một trong 36 chương trình ưu tiên cấp quốc gia về bảo vệ môi trường.

*+ Thẩm định, phê duyệt, đánh giá các đề án, báo cáo, thiết kế mở trong hoạt động khoáng sản.*

Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định các đề án, báo cáo trong hoạt động khoáng sản trước khi quyết định cấp giấy phép khảo sát, giấy phép thăm dò. Trong quá trình thẩm định ĐTM của hoạt động khoáng sản, cơ quan có thẩm quyền cần phân tích, đánh giá chính xác quy mô, phạm vi của hoạt động cũng như tính hiệu quả, khả thi của giải pháp bảo vệ môi trường được phản ánh trong ĐTM.

*+ Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản.*

Giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản do các cơ quan có thẩm quyền sau đây cấp, gia hạn, thu hồi và chấp thuận trả lại (Điều 82 Luật Khoáng sản 2010): (i) Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp các loại giấy phép thăm dò

khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản (trừ những trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp). (ii) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ tài nguyên và môi trường khoanh định và công bố; giấy phép tận thu khoáng sản.

Cơ quan có thẩm quyền cấp loại giấy phép hoạt động khoáng sản nào thì có quyền gia hạn, thu hồi, chấp thuận trả lại loại giấy phép đó, chấp thuận trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; chấp thuận chuyển quyền thăm dò khoáng sản, quyền khai thác khoáng sản.

*+ Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.*

Hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ, thể lệ về quản lý và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản được thực hiện bởi thanh tra chuyên ngành về môi trường thuộc Bộ tài nguyên và môi trường trên cơ sở phối hợp với thanh tra chuyên ngành khoáng sản thuộc Bộ công thương.

Hoạt động này bao gồm: (i) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về nội dung giấy phép hoạt động khoáng sản; giữ gìn bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản. (ii) Phối hợp với thanh tra nhà nước về lao động và thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường để kiểm tra, thanh tra an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản. (iii) Phối hợp với thanh tra nhà nước của các bộ, ngành, địa phương trong hoạt động thanh tra về khoáng sản. (iv) Trong quá trình thanh tra, cơ quan thanh tra thực hiện các biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường, yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp những tài liệu cần thiết trong hoạt động khoáng sản, có thể tạm đình chỉ các hoạt động khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý theo thẩm quyền.

*+ Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.*

Việc giải quyết tranh chấp trong hoạt động khoáng sản phải đảm bảo các yêu cầu sau: (i) Xác định rõ các hành vi vi phạm pháp luật môi trường trong hoạt động khoáng sản. (ii) Xác định mức độ ảnh hưởng xấu tới môi trường trong hoạt động khoáng sản. (iii) Buộc bên vi phạm chịu trách nhiệm vật chất trong việc bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại trong hoạt động khoáng sản. (iv) Cơ quan có thẩm quyền phải nhanh chóng chỉ đạo tổ chức, cá nhân có liên quan và các lực lượng cần thiết khác để khôi phục thực trạng môi trường trong các tranh chấp mà hậu quả môi trường xảy ra trong thực tế, đình chỉ các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trong hoạt động khoáng sản và xử lý nghiêm khắc theo luật định.

- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản sử dụng công nghệ, thiết bị, vật liệu thân thiện với môi trường; thực hiện giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải thực hiện các giải pháp và chịu mọi chi phí bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường. Giải pháp, chi phí bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường phải được xác định trong dự án đầu tư, báo cáo ĐTM, KBM được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định. Tổ chức, cá nhân có khai thác một số khoáng sản phải nộp phí bảo vệ môi trường để bảo đảm trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản có trách nhiệm kết hợp yêu cầu của hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản với việc xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai tại địa phương theo báo cáo nghiên cứu khả thi đã được chấp thuận, ưu tiên thu hút lao động địa phương vào hoạt động khoáng sản và các dịch vụ liên quan.

Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản có kế hoạch phòng chống sự cố môi trường trong hoạt động khoáng sản, chuẩn bị cơ sở vật chất, phòng chống các sự cố cháy, nổ, sập hầm lò trong hoạt động khoáng sản để bảo vệ tốt nhất sức khỏe người lao động và nhân dân địa phương.

Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoáng sản có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hoạt động khoáng sản gây ra và thực hiện các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động để bảo vệ sức khỏe người lao động.

Trên cơ sở các mục tiêu lý luận đặt ra, sau khi giải quyết các tình huống điển hình trong chủ đề này, sinh viên cần:

- Hiểu được các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên, vận dụng để xử lý các tình huống vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên

- Biết cách lựa chọn pháp luật áp dụng trong giải quyết các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên thiên nhiên.

***2.4.2. Tình huống điển hình***

**Tình huống 12.**[17] Tàu chở dầu A mang cờ nước ngoài khi cập cảng CL của Việt Nam đã gặp sự cố kĩ thuật và đâm va phải cầu cảng. Hậu quả gây ra là:

(i) Làm sập cầu cảng, tổng thiệt hại ước tính 10 tỷ đồng;

(ii) 1500 tấn dầu DO tràn từ tàu ra sông làm một đoạn sông dài 100km bị nhiễm dầu, thiệt hại ước tính là 1000 tỷ VNĐ;

(iii) Nước sông bị nhiễm dầu tràn vào ao đầm nuôi trồng thủy sản và ruộng luá của nông dân làm cho lúa và thủy sản bị chết, thiệt hại ước tính là 500 tỷ VNĐ;

(iv) Do nước sông bị nhiễm dầu nên những nhà máy cung cấp nước sinh hoạt trong khu vực bị ô nhiễm phải ngừng hoạt động, thiệt hại ước tính là 10 tỷ VNĐ.

**Câu hỏi.**

[17] Trường Đại học Luật TP. HCM (2014), Tập bài giảng môn Luật Môi trường.

1. Trong số những thiệt hại nói trên, những thiệt hại nào được coi là thiệt hại do ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường gây ra? Tại sao?

2. Xác định pháp luật áp dụng để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ tàu.

3. Xác định người bị thiệt hại, và phương thức giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại từ sự cố nói trên?

***Định hướng vấn đề***

*Vấn đề 1.* Thiệt hại (ii), (iii) và (iv). Căn cứ vào điều 163 Luật Bảo vệ môi trường 2014

*Vấn đề 2.* Pháp luật Việt Nam và các Công ước quốc tế có liên quan (Luật bảo vệ môi trường 2014, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định thư 1992 sửa đổi Công ước quốc tế về giới hạn trách nhiệm dân sự đối với các thiệt hại do ô nhiễm dầu 1969 (CLC 92) và Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu từ kho nhiên liệu của tàu 2001 (Bunker 2001)).

*Vấn đề 3*. Người bị thiệt hại:

- Nông dân có lúa và thủy sản bị chết do ô nhiễm môi trường và người dân trong khu vực bị ô nhiễm do thiếu nước sinh hoạt.

- Phương thức giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại từ sự cố nói trên: Các bên có thể lựa chọn thương lượng, hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền. Việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền bao gồm giải quyết tại Tòa án, cơ quan hành chính nhà nước hoặc trọng tài. (Nghị định số 03/2015/NĐ-CP)

**Tình huống 13.**[18] Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 11 năm 2016, Hạt kiểm lâm huyện Tủa Chùa nhận được tin báo của ông Giàng A Sủ là Trưởng thôn

[18] Bản án số 12/2017/HSST ngày 21/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

X, xã Y, huyện Tủa Chùa về việc phát hiện Nguyễn Văn A đang có hành vi khai thác gỗ trái phép tại khoảnh 7 tiểu khu 558 thuộc rừng phòng hộ của thôn X, xã Y, huyện Tủa Chùa. Kết quả điều tra đã xác định được trong tháng 9 và tháng 10 năm 2016 bị cáo đã một mình vào rừng phòng hộ thuộc thôn X, xã Y, dùng máy cưa xăng cầm tay cắt hạ 04 cây gỗ nghiến và 02 cây gỗ nhãn rừng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Hạt kiểm lâm huyện và UBND xã Y tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định chủng loại, khối lượng, nhóm gỗ, loại rừng, vị trí khai thác lâm sản của bị cáo, đã xác định được bị cáo đã dùng máy cưa cắt hạ gồm: 04 cây gỗ nghiến thuộc gỗ nhóm IIA, gồm 129 khúc, lóng, cành, bìa bạnh thu giữ tại vị trí khoảnh 7 tiểu khu 558 và tại nhà của bị cáo, có khối lượng 18,775m3 gỗ tròn; 02 cây gỗ nhãn rừng thuộc gỗ nhóm V, gồm 15 khúc, lóng, cành thu giữ tại khoảnh 7 tiểu khu 558 rừng phòng hộ thuộc thôn X, xã Y, huyện Tủa Chùa, có khối lượng 1,585m3 gỗ tròn. Kết quả xem xét vị trí, sử dụng máy định vị GPS 78S xác định tọa độ và đối chiếu với bản đồ giao đất giao rừng, quyết định giao đất giao rừng, bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Y, huyện Tủa Chùa, xác định khu vực bị cáo khai thác gỗ thuộc khoảnh 7 tiểu khu 558 thuộc rừng phòng hộ do cộng đồng thôn X, xã Y, huyện Tủa Chùa quản lý, bảo vệ. Vật chứng thu giữ của bị cáo gồm: 129 khúc, lóng, cành, bìa bạnh gỗ nghiến; 15 khúc, lóng, cành cây nhãn rừng; 01 chiếc máy cưa xăng cầm tay; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HUNDA màu đen, bạc, trắng đã qua sử dụng, không có biển kiểm soát và 01 dây cao su màu đen dài 3,3m, rộng 1,5cm. Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, việc khai thác trái phép cây rừng do bị cáo một mình thực hiện, sau khi dùng máy cưa cắt thành từng khúc, lóng, bị cáo đã dùng xe mô tô của gia đình vận chuyển về nhà được 28 lóng, khúc gỗ nghiến, số gỗ còn lại chưa kịp vận chuyển về nhà thì bị bắt quả tang; mục đích bị cáo khai thác gỗ trái phép là để làm nhà.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan tiến hành tố tụng số tiền để bồi thường thiệt hại là 2.000.000đ. Tại kết luận định giá tài sản ngày

05 tháng 01 năm 2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tủa Chùa kết luận: 117 khúc, lóng, cành gỗ nghiến giá thị trường tại thời điểm tháng 10/2016 là :137.835.000đ; 12 bìa, bạnh gỗ nghiến có giá 3.573.000đ; 15 khúc, long, cành gỗ nhãn rừng có giá 3.962.500đ. Tổng giá trị gỗ nghiến và gỗ nhãn rừng xác định giá thị trường tại thôn X, xã Y là 145.370.500đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).

**Câu hỏi.**

1. Hãy cho biết quy phạm pháp luật nào điều chỉnh các hành vi vi phạm trên?

2. Giả sử hành vi của Nguyễn Văn A được thực hiện vào năm 2019 thì quy phạm pháp luật nào được áp dụng?

***Định hướng vấn đề***

*Vấn đề 1.* Sử dụng các quy phạm pháp luật trong Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 (pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh hành vi vi phạm năm 2016); Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về việc quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Nghị định 157/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; Bộ luật Hình sự 1999; Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

*Vấn đề 2.* Mốc áp dụng Bộ luật Hình sự 2015, Luật sửa đổi bộ luật hình sự năm 2017, Luật Lâm nghiệp 2017 và các Nghị định có liên quan. Lưu ý đến hiệu lực hồi tố có hay không được ghi nhận tại các văn bản nêu trên.

**Tình huống 14.**[19] Nguyễn Văn A được giao 20 ha rừng sản xuất là rừng tự nhiên để chăm sóc, bảo vệ và khai thác. Dựa trên chỉ tiêu khai thác được cơ quan

[19] Trường Đại học Luật TP. HCM (2014), Tập bài giảng môn Luật Môi trường.

nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Nguyễn Văn A đã thuê người của Chi cục Kiểm lâm X lập thiết kế khai thác gỗ sao tại 2 tiểu khu 415 và 417 cho hồ sơ xin phép khai thác của Nguyễn Văn A. Hồ sơ thiết kế khai thác sau đó được gởi đến Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt. Sau khi được Cục lâm nghiệp thuộc Bộ Ngông nghiệp và Phát triển Nông thôn thẩm định hồ sơ thiết kế khai thác, UBND tỉnh B đã cấp phép cho Nguyễn Văn A khai thác tại 2 tiểu khu nói trên.

**Câu hỏi.** Nhận xét về trình tự, thủ tục khai thác chính gỗ rừng tự nhiên và thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp này trước và sau ngày 1 tháng 1 năm 2019.

***Định hướng vấn đề***

Ngày 1 tháng 1 năm 2019 là ngày Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật lâm nghiệp và Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản chính thức có hiệu lực.

Trước ngày 1/1/2019, áp dụng khoản 3 điều 56 Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004; khoản 3, điều 4 thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

Từ ngày 1/1/2019, áp dụng Điều 58 Luật Lâm nghiệp 2017; điều 8 thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

**Tình huống 15.**[20] Ngày 25/08/2013, người dân xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa bố trí người ra chặn xe đi ra từ công ty Nicotex Thanh Thái và yêu cầu lái xe mở thùng hàng để kiểm tra. Người dân đã phát hiện trong xe có rất nhiều phuy hóa chất hoen gỉ không có nhãn mác nên không cho chiếc xe rời khỏi hiện trường đồng thời báo chính quyền địa phương can thiệp, lập biên bản. Trong hai ngày 29 và 30 tháng 8, hàng trăm người dân mang theo cuốc, xẻng, xà beng đã phá

[20] Quyết định số 3253/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Cty CP Nicotex Thanh Thái ngày 18/9/2013.

cổng, trèo tường tràn vào khuôn viên của công ty Nicotex đào bới và phát hiện rất nhiều thùng phuy chứa hóa chất, bao bì, chai lọ được chôn dưới đất từ rất lâu. Qua điều tra và kết luận của cơ quan điều tra, số hóa chất là thuốc bảo vệ thực vật do Công ty Nicotex Thanh Thái chôn từ trước tháng 5/2009, mãi cho đến ngày 27/8/2013 mới bị phát hiện

Chiều ngày 30/8, Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh Thanh hóa quyết định tạm dừng mọi hoạt động sản xuất trong 30 ngày của nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật thuộc công ty CP Nicotex Thanh Thái để điều tra.

**Câu hỏi.** Áp dụng pháp luật hiện hành, anh chị hãy nêu hướng giải quyết đối với hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên đất của công ty Nicotex Thanh Thái.

***Định hướng vấn đề.***

Đối chiếu quy định của pháp luật môi trường về hành vi chôn, lấp chất thải nguy hại được xem là hành vi vi phạm pháp luật. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với Công ty phụ thuộc vào hành vi, mức độ xâm hại đẻ xác định cụ thể trách nhiệm hành chính hoặc hình sự đối với hành vi trên. Căn cứ quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 hành vi chôn lấp thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng và các chất thải nguy hại tại khu vực xưởng sản xuất của Công ty đã hết thời hiệu xử phạt hành chính (đã qua 4 năm 5 tháng) so với thời hạn luật định nên chỉ phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Các hành vi vi phạm khác dựa theo quy định của pháp luật để định mức xử phạt cho Công ty.

**Tình huống 16.**[21] Cuối tháng 05 năm 2019, cơ quan chức năng xã Thanh Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An nhận được thông tin từ người dân trong vùng về tình trạng khai thác quặng trái phép thuộc khu Bảy nhà, bản Nhạn Cán của xã

[21] *Khai thác trái phép đá thạch anh ở Nghệ An,* https://vtv.vn/trong-nuoc/khai-thac-trai-phep-da-thach-anh-o-nghe-an-20190610165138796.htm

Thanh Sơn. Tổ công tác của Sở TN&MT bí mật tiếp cận khu vực khai thác trong buổi sáng 4/6/2019, xác định đây là nhóm quặng tặc hoạt động có tổ chức, quy mô lớn, khai thác trên diện tích rất rộng. Khi tổ công tác ập vào, tại hiện trường các "khoáng tặc" đang sử dụng 2 chiếc máy xúc để khai thác, xúc quặng đá từ trong lòng đất. Cũng tại hiện trường, có rất nhiều quặng đá với đủ kích thước, có những khối lên đến vài m3, nằm ngổn ngang chờ phương tiện vận xuất. Kiểm tra loại quặng này, các cán bộ Sở TN&MT xác định đây là đá thạch anh, là loại quặng có giá trị kinh tế rất cao, gấp khoảng 5 - 6 lần đá trắng.

**Câu hỏi.**

1. Hành vi của nhóm quặng tặc nói trên đã vi phạm (những) quy định nào của pháp luật hiện hành?

2. Trường hợp chủ thể muốn tham gia hoạt động khai thác khoáng sản, hãy làm rõ những nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể trong trường hợp này.

***Định hướng vấn đề.***

*Vấn đề 1.* Hành vi của nhóm quặng tặc nói trên đã vi phạm Khoản 3, Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

*Vấn đề 2.* Khoáng sản là một loại tài nguyên thiên nhiên quan trọng, vì vậy nhà nước thiết lập cơ chế quản lý hữu hiệu để gìn giữ, quản lý, bảo vệ loại tài nguyên thiên nhiên có giá trị này. Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, bên cạnh những nghĩa vụ pháp lý chung trong quá trình tiếp cận, khai thác, sử dụng các thành phần môi trường, chủ thể tham gia vào hoạt động khai thác khoáng sản cần có những điều kiện riêng biệt như có giấy phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản đồng thời phải có sẵn phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau hoạt động khai thác khoáng sản được cơ quan quản

lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**Tình huống 17.** Công ty B là một doanh nghiệp của nước ngoài có nhu cầu xin cấp giấy phép thăm dò khoáng sản tại Việt Nam.

**Câu hỏi.**

1. Công ty này có thuộc đối tượng được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản hay không? Tại sao? Nếu được cấp thì cơ quan nào có thẩm quyền cấp?

2. Giả sử sau khi thăm dò, công ty này muốn xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì có được không? Tại sao?

***Định hướng vấn đề.***

*Vấn đề 1.* Trường hợp công ty B có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam thì công ty B thuộc đối tượng được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (Điểm c, Khoản 1, Điều 34 Luật Khoáng sản 2010).

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép cho công ty B là Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điểm i, Khoản 7, Điều 2 Nghị định số 21/2013/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

*Vấn đề 2.* Công ty này không được cấp giấy phép khai thác khoáng sản vì không thuộc đối tượng được cấp giấy phép (Căn cứ theo quy định tại Khoản 1, Điều 51 Luật Khoáng sản 2010)

### 2.5. Nhóm tình huống điển hình trong xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp môi trường

#### *2.5.1. Cơ sở lý luận về xử lý vi phạm pháp luật về môi trường và giải quyết tranh chấp do ô nhiễm môi trường gây ra*

- Pháp luật về vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường và các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.

Vi phạm pháp luật môi trường là hành vi do tổ chức, cá nhân được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động, xâm phạm các quan hệ xã hội được pháp luật môi trường bảo vệ với hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý. Các hành vi vi phạm

pháp luật môi trường bao gồm 40 hành vi được quy định tại Nghị định 155/2016/NĐ-CP CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trên cơ sở xác định có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, chủ thể thực hiện hành vi vi phạm buộc phải gánh chịu các trách nhiệm pháp lý tương ứng với mức độ của hành vi vi phạm.

Xét về cấu thành vi phạm pháp luật, cũng tương tự hành vi vi phạm trong các lĩnh vực khác, một hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường cũng bao gồm 4 yếu tố cơ bản, gồm: Mặt khách quan, khách thế, mặt chủ quan và yếu tố chủ thể. Xét về mặt khách quan của hành vi vi phạm pháp luật, buộc phải chứng minh i) Có hành vi vi phạm xảy ra, ii) Có thiệt hại thực tế xảy ra và iii) Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Tuy vậy, yếu tố thứ ii) và iii) không phải là yếu tố bắt buộc phải tồn tại trong việc nhìn nhận các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Cụ thể một số hành vi không nhất thiết phải xảy ra hậu quả, càng không tồn tại yếu tố mối quan hệ nhân quả nhưng vẫn bị xem là hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường như hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, đối với cấu thành pháp lý của một số vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, thì hậu quả thiệt hại là dấu hiệu bắt buộc, như hành vi làm ô nhiễm đất bắt buộc phải có dấu hiệu hậu quả là hành vi đó làm ô nhiễm môi trường. Xét đến yếu tố khách thể là các quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bảo vệ, cụ thể hướng đến bảo vệ 2 đối tượng gồm: i) Chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường và ii) Quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư bị xâm hại. Mặt chủ quan của các hành vi vi phạm pháp luật môi trường là những hành vi đã vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường do cá nhân, tổ chức thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý. Chủ thể vi phạm là những cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm hành chính, có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Cá nhân, tổ chức

nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì bị xử phạt như cá nhân, tổ chức của Việt Nam, trừ khi điều ước quốc tế mà nhà nước CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

- Pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật về môi trường

Luật bảo vệ môi trường 2014 không quy định chế tài cụ thể đối với từng hành vi vi phạm. Trên cơ sở đó, tùy theo tính chất của hành vi vi phạm pháp luật môi trường mà người vi phạm bị xử lý kỷ luật, chịu trách nhiệm dân sự, bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*+ Trách nhiệm kỷ luật*

Trách nhiệm kỷ luật áp dụng đối với người đứng đầu tổ chức, cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật môi trường. Trách nhiệm kỷ luật được quy định trong Luật Cán bộ, công chức và các văn bản pháp luật chuyên ngành.

*+ Trách nhiệm hành chính*

Trách nhiệm hành chính được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm đến quan hệ môi trường được pháp luật bảo vệ, được điều chỉnh trong Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

*+ Trách nhiệm dân sự*

Tranh chấp môi trường thường phát sinh giữa các chủ thể là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (gọi chung là các doanh nghiệp) và cộng đồng dân cư, vì vậy, các tổ chức, cá nhân có hành vi gây tổn hại môi trường, gây ảnh hưởng tới tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác phải chịu trách nhiệm dân sự. Trách nhiệm dân sự được xác định trong: Khoản 8 Điều 4, Điều 160 và Chương XIX Luật bảo vệ môi trường năm 2014; Điều 172, 602 Bộ luật Dân sự năm 2015, và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra là:

i) Hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật. Được hiểu là hành vi không tuân theo các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, xâm phạm các quyền của công dân được pháp luật bảo vệ.

ii) Có thiệt hại thực tế xảy ra bao gồm: Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.

iii) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật. Thiệt hại xảy ra là kết quả của hành vi trái pháp luật, hay ngược lại, hành vi trái pháp luật là nguyên nhân của thiệt hại xảy ra. Tìm được mối liên hệ giữa hành vi trái pháp luật với hậu quả mà hành vi đó gây nên là một trong những mắt xích không thể thiếu của quá trình xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong dân sự nói chung và về môi trường nói riêng.

iv) Tính có lỗi của chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Tính "có lỗi" ở đây được hiểu là khả năng chủ thể nhận thức được hoàn cảnh và điều chỉnh được hành vi của mình khi thực hiện hành vi vi phạm, gây ô nhiễm môi trường. Yếu tố chủ quan trong trạng thái tâm lý của chủ thể thực hiện hành vi vi phạm buộc phải được làm sáng tỏ để xác định cụ thể giới hạn pháp lý chủ thể buộc phải gánh vác cũng như giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra một cách có căn cứ và hợp lý.

*+ Trách nhiệm hình sự*

Trách nhiệm hình sự luôn được thiết lập với các biện pháp chế tài là các hình phạt mang nặng tính nghiêm khắc và trừng trị, được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường được pháp luật hình sự coi là tội phạm. Khi hành vi vi phạm được Bộ luật Hình sự ghi nhận với đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, chủ thể thực hiện hành vi buộc phải chịu sự tác động của quan hệ pháp luật này. Trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm

pháp luật trog lĩnh vực môi trường được ghi nhận tại chương XIX. Các tội phạm về môi trường (từ Điều 235 đến Điều 246) Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Pháp luật về giải quyết tranh chấp về môi trường

Tranh chấp nói chung mang bản chất là những xung đột, mâu thuẫn về quyền và lợi ích giữa các bên. Các bên trong tranh chấp luôn có xu hướng mong muốn được hưởng những quyền lợi tối đa trong vấn đề đang phát sinh tranh chấp. Cũng mang bản chất tương tự, tranh chấp môi trường là những xung đột giữa các tổ chức, cá nhân, các cộng đồng dân cư về quyền và lợi ích liên quan đến việc phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; về việc khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và môi trường; về quyền được sống trong môi trường trong lành và quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản do làm ô nhiễm môi trường gây nên.

Đại đa số các vụ tranh chấp môi trường trong thời gian qua tại Việt Nam được giải quyết ở giai đoạn thương lượng, hòa giải với sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (thanh tra môi trường) ở các mức độ khác nhau. Các chủ thể này trực tiếp thụ lý các đơn thư khiếu kiện đòi bồi thường thiệt hại về môi trường và tiến hành xem xét vụ việc theo trình tự sau:

*+ Bước 1: Kiểm tra, xác minh những nội dung được phản ánh trong các đơn thư khiếu kiện.*

Việc kiểm tra, xác minh, kết luận về mức độ chính xác trong nội dung các đơn thư khiếu kiện cũng như xác định nguyên nhân gây thiệt hại là bước đầu tiên, quan trọng, là cơ sở cho việc xem xét các tình tiết cụ thể của vụ tranh chấp. Việc kiểm tra, xác minh này thường được các cơ quan chức năng tiến hành bằng các biện pháp mang tính nghiệp vụ, từ đó đi đến kết luận: Đương sự khiếu kiện đúng hay sai sự thật.

*+ Bước 2: Hướng dẫn bên bị thiệt hại thu thập các chứng cứ về sự thiệt hại và xác định các yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.*

Đây là nét riêng của quá trình xem xét, giải quyết các tranh chấp môi trường. Do thiệt hại gây nên có giá trị lớn và rất khó xác định nên bên bị hại thường không thể đưa ra được các số liệu chứng minh nếu không có sự giúp đỡ từ các cơ quan chuyên môn. Một trong những phương pháp được áp dụng phổ biến để tính thiệt hại về tài sản là phương pháp so sánh đối chứng. Đại lượng chính được so sánh là sản lượng cây trồng, vật nuôi trung bình hằng năm. Cách thức so sánh là:

1) Đối chứng giữa sản lượng cây trồng, vật nuôi trong năm môi trường bị ô nhiễm với những năm trước đó (để đảm bảo độ chính xác, khách quan về những thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây nên, cần loại trừ trước sản lượng suy giảm do các tác nhân gây hại khác như thời tiết, sâu bệnh,…)

2) Đối chứng giữa sản lượng cây trồng, vật nuôi trong khu vực bị ô nhiễm với ngoài khu vực đó (để đảm bảo độ chính xác cần có điều kiện bắt buộc là giữa các khu vực phải có sự tương đồng về các yếu tố khí hậu, thổ nhưỡng,…)

Đối với những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe do ô nhiễm môi trường gây nên, cách tính phổ biến là thông qua các chi phí khám, chữa bệnh do các cơ sở y tế cung cấp. Việc tính thiệt hại về tài sản trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mới chỉ dừng ở mức xác định giá trị tài sản bị hủy hoại, bị hư hỏng mà chưa xác định những thiệt hại về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản. Tương tự, thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm mới chỉ được tính thông qua những chi phí hợp lý cho việc cứu chữa bệnh mà chưa tính đến những chi phí cho việc bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút hoặc các khoản thu nhập thực tế bị mất.

*+ Bước 3: Tham gia giải quyết tranh chấp, góp phần điều hòa lợi ích giữa các bên xung đột.*

Vai trò của các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong hoạt động này thể hiện ở chỗ họ vừa là cơ quan chuyên môn xem xét, xác định

nguyên nhân gây ô nhiễm, các mức độ ô nhiễm, mức độ thiệt hại vừa là cơ quan đầu mối trong việc đánh giá chứng cứ pháp lý, nêu cơ sở giải quyết và phân tích các mối quan hệ xã hội đan xen, tạo cơ hội cho các bên tranh chấp tự giải quyết các xung đột mà không cần đưa vụ việc ra Tòa án.

Trên cơ sở các nền tảng pháp lý đã cung cấp, sinh viên sau quá trình tiếp cận, áp dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề phát sinh trên thực tế cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hiểu và nắm bắt được các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật về môi trường, vận dụng được các kiến thức đó để xử lý các tình huống vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp về môi trường.

- Biết cách lựa chọn pháp luật áp dụng trong xử lý các tình huống vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp về môi trường.

***2.5.2. Tình huống điển hình***

**Tình huống 18.**[22] Vào đêm ngày 05, rạng sáng ngày 06-9-2015, các hộ dân nuôi thủy sản trên sông Chà Và tại xã L1 phát hiện cá nuôi lồng bè chết hàng loạt, hiện tượng này tiếp tục xảy ra trong tháng 9-2015 khiến nhiều hộ gia đình trắng tay. Sau đó các hộ gia đình đã nhanh chóng báo với cơ quan chính quyền để xác minh làm rõ nguyên nhân. Nguyên nhân được xác định là do nước thải chưa qua xử lý của công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật M thải xuống sông Chà Và làm nước sông bị ô nhiễm nặng.

**Câu hỏi.** Hãy chuẩn bị bộ hồ sơ pháp lý cho việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của các hộ dân trong tình huống trên.

**Định hướng vấn đề.**

Do nước thải chưa qua xử lý của công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật M thải xuống sông Chà Và làm nước sông bị ô nhiễm nặng dẫn đến hiện tượng cá nuôi lồng

[22] Bản án số 84/2017/DS-PT ngày 01/08/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

bè chết hàng loạt. Đây là thiệt hại về tài sản do ô nhiễm môi trường gây nên (Điều 129 luật bảo vệ môi trường 2014). Như vậy bên gây thiệt hại có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra. Hồ sơ pháp lý cho việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của các hộ dân bao gồm một số tài liệu chủ yếu sau:

(i) Đơn yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại;

(ii) Dữ liệu, chứng cứ đã thu thập được;

(iii) Biên bản giám định thiệt hại và biên bản về hành vi vi phạm của công ty;

(iv) Các tài liệu khác: những thông tin chính về bên gây thiệt hại và bên bị thiệt hại, giấy tờ chứng minh thu nhập từ việc nuôi cá lồng của người bị thiệt hại,…

Các giấy tờ trên sau khi được thu thập hợp pháp sẽ được xem là minh chứng cho vấn đề đòi bồi thường thiệt hại có căn cứ của các hộ dân, trên cơ sở đó, áp dụng các quy định của pháp luật buộc các chủ thể vi phạm phải gánh chịu.

**Tình huống 19.** Công ty CP Hàn Việt chuyên chế biến các phụ phẩm thủy sản với công suất 3000 tấn sản phẩm/năm. Ngày 01/06/2016, qua kết quả thanh tra, Sở Tài nguyên & Môi trường phát hiện công ty đã khai báo không đúng số lượng sản phẩm đã sản xuất. Đoàn thanh tra ra Quyết định xử phạt vi phạm nhưng công ty từ chối nhận Quyết định.

**Câu hỏi.**

1. Việc đoàn thanh tra phát hiện công ty đã không khai báo đúng số lượng sản phẩm sản xuất công ty có vi phạm pháp luật không? Vì sao?

2. Hành động từ chối nhận Quyết định xử phạt của công ty Hàn Việt có vi phạm pháp luật không? Tại sao?

**Định hướng vấn đề.**

*Vấn đề 1.* Công ty có hành vi vi phạm pháp luật vì công ty đã không thực hiện đúng một trong các nội dung báo cáo ĐTM cụ thể là báo cáo không đúng số lượng sản phẩm đã sản xuất (Điểm e Khoản 1 Điều 9 Nghị định 155/2016/NĐ-CP).

*Vấn đề 2.* Hành động từ chối nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của

công ty là trái pháp luật, đây được xem như công ty có hành vi cản trở hoạt động xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (Điểm c Khoản 1 Điều 47 Nghị định 155/2016/NĐ-CP).

**Tình huống 20.** Công ty CP B xây dựng một nhà máy sản xuất gạch tại thôn X, xã Thanh Bình, huyện Hương Trà, tỉnh TT-Huế. Sau khi nhà máy đi vào vận hành được 01 năm, người dân xã Thanh Bình cho rằng khí thải từ nhà máy ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của người dân. Chính quyền địa phương đã nhiều lần yêu cầu công ty tuân thủ các quy định về môi trường nhưng công ty vẫn không thực hiện.

**Câu hỏi.**

1. Hành vi của công ty trên có vi phạm pháp luật không? Vì sao?

2. Sau nhiều lần thương lượng không thành người dân địa phương quyết định khởi kiện công ty C ra Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết không? Vì sao?

**Định hướng vấn đề.**

*Vấn đề 1.* Nếu công ty A có lượng khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ở mức độ nghiêm trọng thì công ty A có hành vi vi phạm pháp luật. Nếu công ty A có lượng khí thải không vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ở mức độ nghiêm trọng thì công ty A có hành vi vi phạm pháp luật (Khoản 1, Điều 104 Luật Bảo vệ môi trường 2014; Điều 15, Điều 16 nghị định 15/2016/NĐ-CP).

*Vấn đề 2.* Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết (Khoản 3, Điều 161 và Khoản 1, Điều 162 Luật Bảo vệ môi trường 2014; Khoản 6, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015).

**Tình huống 22.**[23] Doanh nghiệp tư nhân Mai Sơn chuyên sản xuất, chế biến rau, củ, quả và Doanh nghiệp tư nhân An Phú chuyên giết mổ gia súc, gia cầm cùng đóng trên địa bàn huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nằm gần suối Nậm Na. Doanh nghiệp

[23] Hữu Quyết, *Hơn 2.000 hộ dân ở huyện Mai Sơn bị ảnh hưởng bởi nguồn nước ô nhiễm,* https://dantocmiennui.vn/xa-hoi/hon-2000-ho-dan-o-huyen-mai-son-bi-anh-huong-boi-nguon-nuoc-o-nhiem/280429.html

tư nhân Mai Sơn đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2012, và Doanh nghiệp tư nhân An Phú đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2012.

Vào khoảng cuối năm 2013, theo phản ánh của người dân (gần 300 hộ dân) sống quanh khu vực 2 doanh nghiệp hoạt động, người dân cho biết, từ khi 2 doanh nghiệp đi vào hoạt động, chế biến sản phẩm thì bầu không khí trong vùng không còn trong lành nữa, nguồn nước ngầm trong vùng có mùi hôi tanh, không thể sử dụng được. Nguyên nhân là do nước thải của 2 doanh nghiệp trên có nồng độ chất thải vượt quá QCKT cho phép ra suối Nậm Na, nước suối chảy vào ao cá của ông An và ruộng lúa của các hộ dân trong xã. Nước từ các ruộng lúa thẩm thấu đến mạch nước ngầm làm cho nguồn nước ngầm có màu vàng, váng không sử dụng được. Con suối Nậm Na gần khu vực nhà máy hoạt động nước có màu đen, mùi hôi bốc lên nồng nặc làm cho cá chết hàng loạt gây thiệt hại 300 triệu đồng cho gia đình ông An, gần 30 ha lúa, hoa màu bị vàng cây, chết,…khiến mùa màng thất bát, nhiều gia đình trắng tay thiệt hai 200 triệu đồng. Không chỉ thiệt hại về tài sản của các hộ dân sinh sống quanh khu vực 2 nhà máy, nặng nề và đau xót hơn cả là trong tổng số gần 300 hộ dân thì có tới 50 người bị mắc các bệnh về da, bệnh đường ruột, làm sức khỏe giảm sút và mất nhiều chi phí, thời gian cho việc chữa trị với tổng thiệt hại là 500 triệu đồng. Nguyên nhân dẫn tới các bệnh trên đã được bệnh viện đa khoa xác nhận là do nguồn nước có chứa các chất độc.

Trước tình hình trên, ngày 15/12/2013, các hộ dân đã làm đơn khiếu nại gửi Thanh tra Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La với nội dung: yêu cầu 2 doanh nghiệp phải dừng ngay hoạt động xả nước thải chứa các chất độc hại ra môi trường và yêu cầu nhà máy phải bồi thường thiệt hại 1.8 tỉ đồng do thiệt hại về tài sản và sức khỏe. Ngay sau khi nhận được đơn khiếu nại, ngày 10/ 01/ 2014, Sở Tài nguyên và môi trường đã đến thanh tra và đưa ra kết luận:

(i) Doanh nghiệp tư nhân An Phú không xây lắp đúng quy trình xử lí nước thải đúng yêu cầu theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM (cụ thể: nhà máy chỉ có 3 hồ

chứa nước nhỏ, đắp bằng đất thô sơ).

(ii) Hai nhà máy đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường là xả nước thải có chứa các thông số vượt quá QCKT Việt Nam cho phép, cụ thể: COD vượt QCKT 2,5 lần cho phép, califom vượt QCKT 3 lần, tổng nitơ vượt QCKT 3,5 lần. Căn cứ vào công suất hoạt động thì Doanh nghiệp tư nhân Mai Sơn mỗi ngày xả thải ra môi trường 400m3/ ngày, doanh nghiệp tư nhân An Phú xả 600m3/ngày.

(iii) Tổng thiệt hại về tài sản của các hộ dân trong xã là 500 triệu đồng, thiệt hại về sức khỏe của người dân là 500 triệu đồng. Tất cả các thiệt hại đều đã được xác minh chính xác.

**Câu hỏi.**

Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành, hãy:

1. Xác định hành vi vi phạm của hai doanh nghiệp nói trên.

2. Xác định hình thức và mức xử phạt đối với hai doanh nghiệp nói trên.

3. Xác định trách nhiệm của hai doanh nghiệp nói trên đối với thiệt hại gây ra.

4. Xác định thẩm quyền xử phạt đối với hai doanh nghiệp nói trên.

***Định hướng vấn đề.***

*Vấn đề 1.* Doanh nghiệp An Phú vi phạm quy định về (i) Không xây lắp đúng quy trình xử lí nước thải đúng yêu cầu theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM; (ii) Xả nước thải có chứa các thông số vượt quá QCKT ra môi trường. Doanh nghiệp Mai Sơn có hành vi xả nước thải có chứa các thông số vượt quá QCKT ra môi trường trái quy định của pháp luật.

*Vấn đề 2.* Doanh nghiệp An Phú: Phạt tiền từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng đối với hành vi (i) (Điểm e, khoản 1, điều 9 Nghị định 155/2016/NĐ-CP); Phạt tiền từ 150.000.000 đến 160.000.000 đồng đối với hành vi (ii) (Điểm l, khoản 3, điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ-CP); Phạt tăng thêm 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 05 lần (Khoản 7, điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ-CP); và phải áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

Doanh nghiệp Mai Sơn: Phạt tiền từ 150.000.000 đến 160.000.000 đồng đối với hành vi (ii) (Điểm k, khoản 3, điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ-CP); Phạt tăng thêm 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 05 lần (Khoản 7, điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ-CP); và phải áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

*Vấn đề 3.* Tổng thiệt hại mà hai doanh nghiệp trên gây ra cho người dân trong vùng là 1 tỷ đồng nên hai doanh nghiệp này có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại. Việc bồi thường sẽ do hai doanh nghiệp thỏa thuận với người dân bị thiệt hại hoặc Tòa án sẽ giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu các bên không thể thỏa thuận.

*Vấn đề 4.* Thẩm quyền xử phạt thuộc về Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (Điều 49, 52 Nghị định 155/2016/NĐ-CP).

# KẾT LUẬN

Dạy học bằng phương pháp tình huống đang nhận được những phản hồi tích cực trong quá trình áp dụng vào thực tiễn xuất phát từ tính thực tế của nó, sinh viên sau khi được trang bị các nền tảng lý luận cơ bản, thông qua các vấn đề thực tiễn được cung cấp, sinh viên dễ dàng tiếp thu và có cơ hội rèn luyện những vấn đề lý luận được trao đổi, đồng thời rèn luyện được các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để tự mình giải quyết vấn đề và rút ra được những kinh nghiệm cho bản thân. Đây là phương thức đào tạo hữu hiệu thể hiện rõ tính phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đang được áp dụng rộng rãi tại các đơn vị đào tạo đại học nói chung và tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế nói riêng.

Ngoài những tác động tích cực được nhìn nhân, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định trong phương pháp dạy học thông qua việc áp dụng, nghiên cứu tình huống như số lượng sinh viên trong một lớp học hiện nay vẫn còn quá đông, việc đưa ra các tình huống và tiến hành phân chia nhóm học tập, trong một thời gian hạn chế không thể đảm bảo sự tham gia của tất cả các sinh viên trong việc tìm hiểu, làm rõ vấn đề, ở một góc nhìn khác, giảng viên vốn chủ yếu tập trung nghiên cứu về mặt lý luận, do vậy trong quá trình đưa tình huống, định hướng giải quyết vấn đề cho sinh viên thường vẫn chỉ dựa trên quan điểm lý luận đơn thuần, trong khi việc áp dụng pháp luật trên thực tiễn đời sống luôn đa dạng, nhiều chiều và bắt buộc tính linh hoạt.

Để giúp phương pháp giảng dạy bằng tình huống trên thực tiễn phát sinh hiệu

quả tối đa, buộc các chủ thể là giảng viên và cả người học phải thực sự nắm bắt rõ vai trò của phương pháp này và ý nghĩa tác động của nó. Giảng viên cần tiếp tục trau dồi, bổ sung các kiến thức thực tiễn để dễ dàng giải quyết, trao đổi với sinh viên về các hướng tiếp cận vấn đề. Và sinh viên, chủ thể trung tâm của hoạt động học tập, phải luôn tự học hỏi, trau dồi kinh nghiệm, kiến thức và cả các kỹ năng vận dụng để giải quyết vấn đề. Chỉ như vậy, việc đào tạo sinh viên tại các cơ sở giáo dục nói chung, tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế nói riêng mới đáp ứng được những nhu cầu của xã hội trong thời đại mới, giúp tăng khả năng thích ứng với công việc ngay khi quá trình đào tạo kết thúc.

## DANH MỤC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC ĐƯỢC SỬ DỤNG

1. Bản án số 12/2017/HSST ngày 21/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

2. Bản án số 55/2017/HSST ngày 11/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án số 84/2017/DS-PT ngày 01/08/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bản án số 05/2018/HS-ST ngày 23/05/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh TT-Huế.

5. Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

6. Quyết định số 3253/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Cty CP Nicotex Thanh Thái ngày 18/9/2013.

7. Quyết định xử phạt số 33/QĐ-XPVPHC ngày 12/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

8. Quyết định xử phạt số 5585/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

9. Quyết định xử phạt số 20/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2019 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

10. Quyết định xử phạt số 23/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình học tập Luật Môi trường, Trường Đại học Luật Hà Nội.

2. Giáo trình học tập Luật Môi trường, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bài tập tình huống môn Luật Môi trường, https://hocluat.vn/bai-tap-tinh-huong-mon-luat-moi-truong/

4. Nghệ An – Đột nhập mỏ quặng thạch anh trái phép ở khu vực biên giới Việt – Lào, https://baonghean.vn/nghe-an-dot-nhap-mo-quang-thach-anh-trai-phep-o-khu-vuc-bien-gioi-viet-lao-244999.html

5. Xét xử các vụ án hình sự về hành vi xâm hại đến đa dạng sinh học tại VGQ Phong Nha – Kẻ Bàng, https://phongnhakebang.vn/xet-xu-cac-vu-an-hinh-su-ve-hanh-vi-xam-hai-den-da-dang-sinh-hoc-tai-lam-phan-vqg-phong-nha-ke-bang-1.html

6. VQG Phong Nha – Kẻ Bàng tiếp tục xử lý lái xe vận chuyển lâm sản trái pháp luật, https://phongnhakebang.vn/vqg-phong-nha-ke-bang-tiep-tuc-xu-ly-lai-xe-van-chuyen-lam-san-trai-phap-luat-1.html

7. Xây dựng và giải quyết các tình huống, http://tailieunghiencuuluat.blogspot.com/2016/07/xay-dung-va-giai-quyet-cac-tinh-huong.html

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**
**KHOA LUẬT KINH TẾ**
**BỘ MÔN LUẬT ĐẤT ĐAI – MÔI TRƯỜNG**

# PHIẾU KHẢO SÁT

## Sử dụng Bộ tình huống điển hình vào giảng dạy học phần Luật Môi trường tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế

*"Với vị thế là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao mang tính chủ chốt cho khu vực miền Trung – Tây Nguyên, từ lâu Trường Đại học Luật, Đại học Huế đã xác định nâng cao chất lượng dạy – học tại Trường là nhiệm vụ quan trọng cần ưu tiên thực hiện hiệu quả. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước bên cạnh việc mang lại những cơ hội cũng đặt ra không ít những khó khăn, một trong số đó là sự đòi hỏi ngày càng khắt khe đối với chất lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường. Để đáp ứng tốt các yêu cầu của xã hội về kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên, phương pháp giảng dạy truyền thống đã tỏ ra yếu thế, buộc phải thực hiện bằng một phương pháp thay thế khác. Trong hoàn cảnh này, phương pháp giảng dạy bằng tình huống chính là định hướng đổi mới tích cực trong phương pháp dạy học. Với mục đích thu thập các ý kiến phản ánh khách quan về quá trình đưa bộ tình huống điển hình trong học phần Luật Môi trường vào quá trình giảng dạy thực tiễn, qua đó giúp các tác giả có những định hướng hiệu quả để nâng cao hiệu quả sử dụng, đưa vào giảng dạy các bộ tình huống điển hình không chỉ trong học phần Luật Môi trường mà còn các học phần khác đang giảng dạy tại Trường."*

Với mục đích đặt ra, anh (chị) vui lòng đánh dấu (X) vào TẤT CẢ các câu trả lời tương ứng mà anh (chị) cho là phù hợp hoặc cung cấp các quan điểm khác (nếu có). Kết quả khảo sát không nằm ngoài mục đích hoàn thiện vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng, sử dụng Bộ tình huống điển hình trong học phần Luật Môi trường vào hoạt động dạy và học tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

Xin trân trọng cảm ơn!

*** <u>Thông tin cá nhân</u>**

Họ và tên: …….. Giới tính: …….

Sinh viên lớp: ……...

*** <u>Nội dung khảo sát</u>**

**Câu 1. Anh (chị) hãy tự đánh giá về chất lượng tiếp thu kiến thức đối với học phần Luật Môi trường sau quá trình tham gia nghiên cứu, học tập?**

☐Hiệu quả

☐Ít hiệu quả

☐Không hiệu quả

**Câu 2. Anh (chị) hãy cho biết phương thức chủ yếu được sử dụng nhằm mục đích tiếp nhận kiến thức từ học phần?**

☐Bị động, chi phối bởi quan điểm của giảng viên

☐Tích cực, chủ động, sáng tạo, tự làm sáng tỏ và lĩnh hội kiến thức

Ý kiến khác: ……..

**Câu 3. Anh (chị) hãy đánh giá mức độ hứng thú khi tham gia vào hoạt động học tập?**

☐Có hứng thú đối với môn học

☐Không có hứng thú đối với môn học

☐Không có ý kiến

**Câu 4. Anh (chị) cho biết nguyên nhân gây ra tình trạng hạn chế trong tiếp nhận kiến thức học phần Luật Môi trường?**

☐Hàm lượng kiến thức nhiều, khó nhớ

☐Khả năng truyền đạt của giảng viên bị hạn chế

☐Phương pháp giảng dạy kém hiệu quả, thiếu thu hút sinh viên

☐Không có động lực, mục đích học tập

Nguyên nhân khác: ……...

**Câu 5. Theo anh (chị), vấn đề cốt lõi trong đảm bảo hiệu quả giảng dạy học phần Luật Môi trường tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế hiện nay?**

☐Sửa đổi chương trình đào tạo đối với học phần theo hướng giản lược hàm lượng kiến thức lý luận, tăng cường nội dung thực tiễn

☐Thay đổi phương pháp giảng dạy trực quan, sinh động, thu hút sinh viên hơn.

☐Giảng viên cần nâng cao khả năng, hiệu quả truyền đạt kiến thức.

Ý kiến khác: ……...

**Câu 6. Anh (chị) cho rằng (các) yếu tố nào là cần thiết cho công việc sau khi tốt nghiệp ra trường?**

☐Kiến thức

☐Kỹ năng

☐Thái độ

Ý kiến khác: ……...

**Câu 7. Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về việc thay thế phương pháp giảng dạy bằng tình huống so với phương pháp truyền thống (giảng viên trao đổi các vấn đề lý luận tại lớp, sinh viên tự nghiên cứu vấn đề được trao đổi sau giờ lên lớp) đang được áp dụng rộng rãi hiện nay?**

☐Cần thiết

☐Không cần thiết

**Câu 8. Trong quá trình sử dụng Bộ tình huống điển hình vào giảng dạy học phần Luật Môi trường, anh (chị) nhìn nhận như thế nào về vai trò của giảng viên trong quá trình này?**

☐Đưa ra tình huống, gợi ý và giải quyết cụ thể cho sinh viên.

☐Đưa ra tình huống, gợi ý và định hướng giải quyết cho sinh viên.

☐Chỉ đưa ra tình huống, sinh viên chủ động định hướng, lên ý tưởng và tìm cách thức giải quyết trên cơ sở các quy định pháp lý.

**Câu 9. Anh (chị) hãy đánh giá khách quan hiệu quả của việc sử dụng Bộ tình huống điển hình vào quá trình giảng dạy – học tập học phần Luật Môi trường tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế dưới các góc độ sau:**

***9.1. Về khả năng hứng thú, tham gia vào quá trình học tập***

☐Buổi học lôi cuốn, sinh động hơn

☐Sinh viên có nhiều khả năng hơn trong phát triển tư duy độc lập, sáng tạo

☐Sinh viên có cơ hội nhiều hơn trong trình bày quan điểm cá nhân

☐Sự hứng thú đối với môn học có cải thiện nhưng không đáng kể

Ý kiến khác: ……...

***9.2. Về hiệu quả tiếp nhận các kiến thức cơ bản sau mỗi buổi học***

☐Tốt

☐Khá

☐Trung bình

☐Không hiệu quả

***9.3. Về khả năng tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong quá trình học tập (tại lớp và trao đổi sau giờ học)***

☐Có sự tương tác hiệu quả

☐Có sự tương tác nhưng không mang lại hiệu quả

☐Không diễn ra sự tương tác

**Câu 10. Theo anh (chị), (các) nguyên nhân chính gây ra sự hạn chế trong quá trình sử dụng Bộ tình huống điển hình trong giảng dạy học phần Luật Môi trường tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế hiện nay?**

☐Tình huống chưa có tính điển hình

☐Vấn đề phát sinh từ tình huống chưa có sự tập trung, còn dàn trải liên quan đến nhiều chế định pháp lý khác

☐Sinh viên đã quen với phương pháp tiếp cận "thụ động" nên khó thích nghi hiệu quả ngay

☐Kiến thức lý luận nền tảng còn thiếu nên sinh viên gặp khó khăn trong giải quyết tình huống

☐Sinh viên chưa có kỹ năng cần thiết để giải quyết linh hoạt vấn đề

☐Giảng viên chưa phát huy hiệu quả vai trò định hướng giải quyết tình huống

Ý kiến khác: ……...

**Câu 11. Theo anh (chị), việc xây dựng Bộ tình huống điển hình học phần Luật Môi trường với chất liệu thực tế là nội dung các bản án, quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thực sự cần thiết hay không?**

☐Cần thiết.

☐Không cần thiết.

**Câu 12. Các kỹ năng các anh (chị) được trang bị, rèn luyện thông qua quá trình học tập học phần Luật Môi trường bằng phương pháp tình huống?**

☐Kỹ năng đọc bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

☐Kỹ năng đọc, nghiên cứu, phân tích vấn đề phát sinh từ tình huống

☐Kỹ năng đặt câu hỏi làm sáng tỏ vấn đề

☐Kỹ năng lập luận

☐Kỹ năng tư duy độc lập

☐Kỹ năng làm việc nhóm

☐Kỹ năng thuyết trình

☐Kỹ năng phản biện vấn đề

☐Kỹ năng soạn thảo văn bản trình bày hướng giải quyết vấn đề

Các kỹ năng khác: ……

**Câu 13. Một cách tổng quan, các anh (chị) hãy đánh giá tính hiệu quả của Bộ tình huống điển hình trong học phần Luật Môi trường trong quá trình giảng dạy tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế?**

☐Hiệu quả

☐Không hiệu quả

**Câu 14. Theo anh (chị), việc sử dụng các tình huống "mở" với yêu cầu sinh viên tự chủ động giải quyết trong phương pháp giảng dạy học phần Luật Môi trường bằng tình huống là có thực sự cần thiết không?**

☐Cần thiết

☐Không cần thiết

**Câu 15. Các kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy bằng tình huống đối với học phần Luật Môi trường tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế?**

……..…
……..
……..…
……..……
……..……
……..……
……..……
……..……
……..……
……..……
……..

*Chân thành cảm ơn!*